

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Vùng đất của nước ta bao gồm

- A. đất liền và hải đảo. B. đất liền và nội thủy.
C. hải đảo và lãnh hải. D. lãnh hải và nội thủy.

Câu 2: Bão ở nước ta thường kèm theo thiên tai nào sau đây?

- A. Động đất. B. Ngập lụt. C. Hạn hán. D. Cháy rừng.

Câu 3: Đô thị đầu tiên của nước ta là

- A. Cổ Loa. B. Thăng Long. C. Hội An. D. Phố Hiến.

Câu 4: Nguồn lao động nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

- A. Có số lượng đông, tăng chậm. B. Hầu hết đều hoạt động dịch vụ.
C. Chất lượng phân hoá theo vùng. D. Tăng rất nhanh, có trình độ cao.

Câu 5: Cây công nghiệp nào sau đây có nguồn gốc cận nhiệt đới?

- A. Cao su. B. Chè. C. Bông. D. Hồ tiêu.

Câu 6: Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu sản lượng điện nước ta là

- A. nhiệt điện. B. thủy điện. C. điện mặt trời. D. điện gió.

Câu 7: Đầu mối giao thông vận tải lớn nhất miền Trung nước ta là

- A. Đà Nẵng. B. Quy Nhơn. C. Nha Trang. D. Đồng Hới.

Câu 8: Nghỉ dưỡng biển đảo gắn với di sản là sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng du lịch nào sau đây?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông cửu Long. D. Đông Nam Bộ.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về hướng phát triển cây trồng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Sản xuất nông nghiệp hàng hoá. B. Phát triển công nghiệp chế biến.
C. Phát triển nông nghiệp hữu cơ. D. Tập trung chủ yếu cây dược liệu.

Câu 10: Vườn quốc gia nào sau đây nằm ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Tam Đảo. B. Cát Tiên. C. Phú Quốc. D. Núi Chúa.

Câu 11: Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển giao thông vận tải biển nhờ điều kiện nào sau đây?

- A. Vùng biển rộng, nguồn lợi hải sản phong phú.
B. Điều kiện khí hậu thuận lợi, nhiều bãi biển đẹp.
C. Đường bờ biển dài, nhiều vịnh nước sâu, kín gió.
D. Nhiều đảo và quần đảo, khí hậu nóng quanh năm.

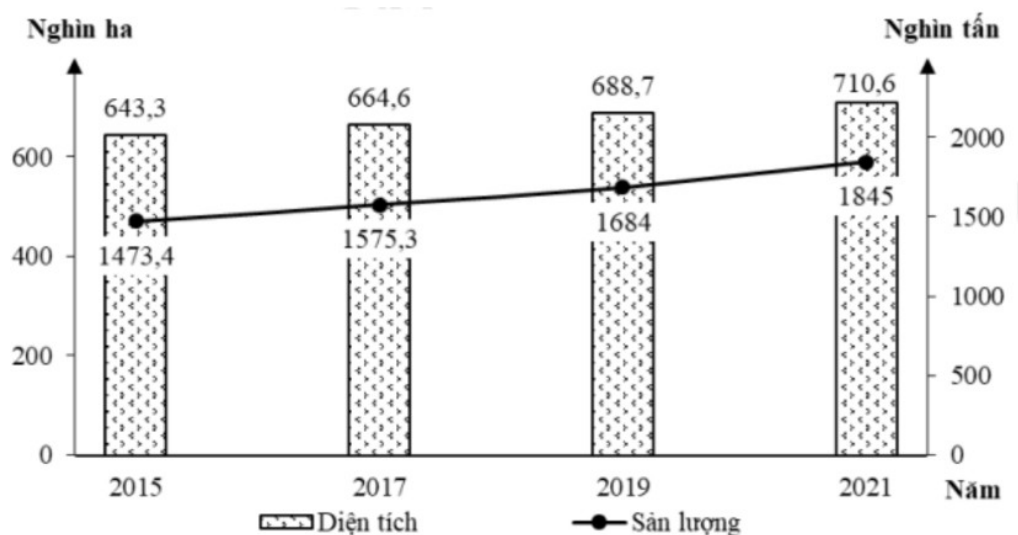
Câu 12: Loại đất trồng chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ là

- A. đất xám phù sa cổ. B. đất phù sa sông. C. đất phèn, mặn. D. đất cát pha.

Câu 13: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho quá trình xâm thực diễn ra mạnh ở vùng núi nước ta?

- A. Mưa lớn, địa hình dốc, mất lớp phủ thực vật.
- B. Nhiệt độ cao, đồi núi thấp, diện tích rừng giảm.
- C. Đất đá bờ rời, đồi núi thấp, sông ngòi dày đặc.
- D. Mưa theo mùa, nhiều núi cao, tốc độ gió lớn.

Câu 14: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ diện tích, sản lượng cà phê nước ta giai đoạn 2015 - 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Diện tích cà phê có tốc độ tăng nhanh hơn sản lượng cà phê.
- B. Diện tích và sản lượng cà phê đều tăng trong giai đoạn trên.
- C. Diện tích tăng liên tục, tăng 76,3 nghìn ha giai đoạn 2015 - 2021.
- D. Năng suất cà phê có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn sản lượng.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây đúng với nội thương ở nước ta hiện nay?

- A. Chưa có các trung tâm thương mại có vốn đầu tư nước ngoài.
- B. Mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại ngày càng phát triển.
- C. Hoạt động nội thương không khác nhau giữa các vùng, khu vực.
- D. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giảm.

Câu 16: Ý nghĩa của việc đẩy mạnh đánh bắt xa bờ ở Bắc Trung Bộ là

- A. phát triển kinh tế, bảo vệ chủ quyền vùng biển đảo.
- B. tăng cường khai thác tài nguyên, nâng cao thu nhập.
- C. nâng cao vị thế của vùng, tạo thêm nhiều việc làm.
- D. thúc đẩy du lịch quốc tế và giao thông vận tải biển.

Câu 17: Sự phân hoá khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta ảnh hưởng chủ yếu đến

- A. cơ cấu mùa vụ và cơ cấu sản phẩm nông nghiệp.
- B. tính đa dạng của nông sản và thế mạnh mỗi vùng.
- C. kế hoạch sản xuất và quy hoạch phát triển kinh tế.

D. hệ thống canh tác và hoạt động sản xuất mỗi vùng.

Câu 18: Giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A.** áp dụng công nghệ hiện đại, phát triển công nghiệp chế biến, đổi mới phương tiện.
- B.** đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, ứng dụng công nghệ định vị cá, tăng cường thu hút đầu tư.
- C.** nâng cao trình độ lao động, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cấp hệ thống cảng cá.
- D.** đẩy mạnh công nghiệp chế biến, tăng cường hợp tác quốc tế, phát triển thương hiệu.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Đặc trưng về khí hậu của miền là sự giảm sút ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, nhiệt độ trung bình năm tăng dần và biên độ nhiệt độ giảm. Dãy Hoàng Liên Sơn ngăn cản sự xâm nhập trực tiếp của gió mùa Đông Bắc vào khu vực Tây Bắc làm cho mùa đông ở Tây Bắc ấm và ngắn hơn Đông Bắc. Do tác động bức chắn của dãy Trường Sơn Bắc, hình thành gió Tây khô nóng ở Bắc Trung Bộ vào đầu mùa hạ.

- a)** Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
- b)** Mùa hạ đến sớm do hoạt động của gió mùa tây nam có nguồn gốc từ áp cao Bắc Ấn Độ Dương.
- c)** Do vị trí và đặc điểm lãnh thổ nên gió mùa Đông Bắc khi di chuyển đến miền này bị biến tính, suy yếu.
- d)** Do các bức chắn địa hình nên vào đầu mùa hạ toàn bộ miền chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió phơn Tây Nam khô nóng.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Các điều kiện kinh tế - xã hội có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ ở nước ta.

- a)** Các khu vực hoặc vùng có trình độ phát triển cao và dân cư đông đúc, ngành dịch vụ phát triển mạnh với mạng lưới dịch vụ dày đặc.
- b)** Sự đa dạng về bản sắc văn hoá của các dân tộc tạo thuận lợi phát triển dịch vụ kinh doanh, thương mại điện tử.
- c)** Cơ sở hạ tầng, vật chất - kĩ thuật ngày càng hoàn thiện và đồng bộ đã góp phần thúc đẩy sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ.
- d)** Sự tiến bộ về công nghệ và truyền thông tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh cho các ngành dịch vụ.

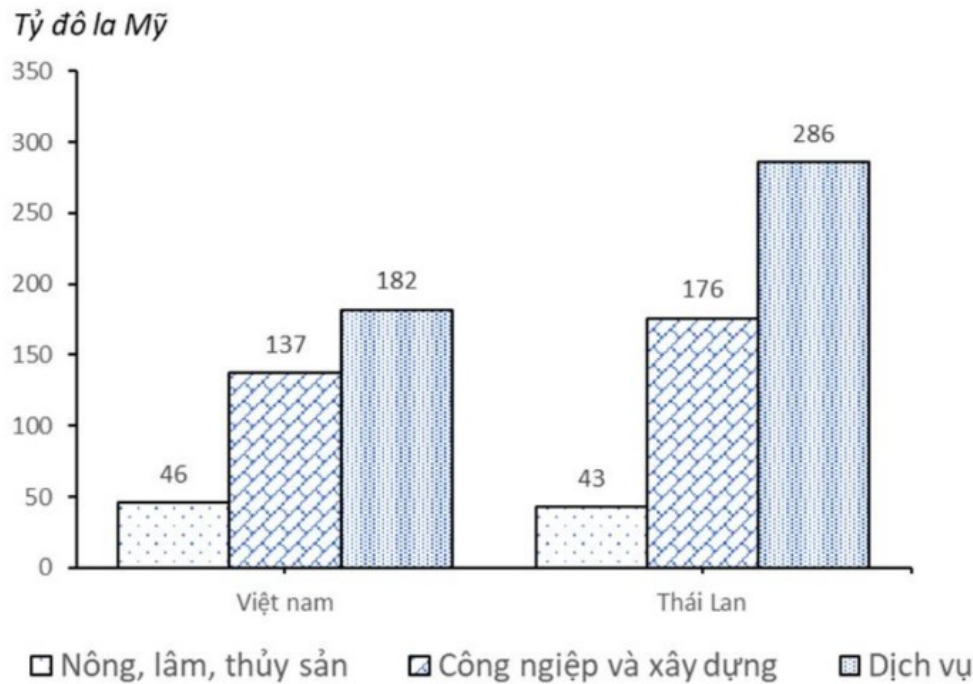
Câu 3: Cho thông tin sau:

Tài nguyên du lịch của vùng Đồng bằng sông Cửu Long rất phong phú và độc đáo, có sức hấp dẫn khách du lịch trong và ngoài nước. Vùng có nhiều lợi thế về tự nhiên để phát triển du lịch: hệ thống sông, kênh, rạch chằng chịt và hệ sinh thái rừng ngập mặn, rừng tràm, hệ thống các đảo ven biển tạo nên cảnh quan thiên nhiên độc đáo. Các di tích lịch sử - văn hóa, di tích cách mạng, kiến trúc...rất phong phú.

- a)** Hệ thống kênh, rạch chằng chịt và hệ sinh thái rừng ngập mặn tạo nên cảnh quan thiên nhiên độc đáo.

- b) Loại hình du lịch đặc trưng là du lịch sinh thái, du lịch sông nước miệt vườn, du lịch biển, đảo, du lịch văn hoá lễ hội...
- c) Loại hình du lịch của vùng đa dạng trên cơ sở chính sách phát triển, hạ tầng hiện đại và hội nhập.
- d) Thách thức chính trong phát triển du lịch của vùng là hạ tầng giao thông, sản phẩm du lịch và nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao.

Câu 4: Cho biểu đồ:



Biểu đồ tổng sản phẩm trong nước (GDP) phân theo ngành kinh tế của Việt Nam và Thái Lan năm 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thông kê 2024)

- a) Giá trị ngành dịch vụ trong GDP của Việt Nam lớn hơn Thái Lan.
- b) Tỷ trọng ngành dịch vụ trong GDP của Việt Nam nhỏ hơn Thái Lan.
- c) Tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Thái Lan gấp hai lần Việt Nam.
- d) Việt Nam và Thái Lan đều có ngành nông, lâm, thủy sản chiếm tỉ trọng nhỏ nhất.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại trạm quan trắc Nam Định và Cà Mau năm 2022

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nam Định	18,1	15,1	22,5	23,9	26,4	30,4	29,9	29,0	28,1	24,8	24,8	17,0
Cà Mau	27,1	27,9	28,0	28,7	28,6	28,7	27,9	27,8	27,4	27,4	27,7	26,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thông kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt năm 2022 tại trạm quan trắc Nam Định cao hơn biên độ nhiệt năm 2022 tại trạm quan trắc Cà Mau là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Lưu lượng nước trung bình tháng của sông Hồng tại trạm Hà Nội năm 2023

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu Lượng	1455	1343	1215	1522	2403	4214	7300	7266	5181	3507	2240	1517

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thông kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho lưu lượng nước trung bình của sông Hồng tại trạm Hà Nội là bao nhiêu m^3/s . (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 3: Năm 2021, dân số nam của Việt Nam là 49 092 700 người còn dân số nữ của nước ta là 49 411 700 người. Hãy cho biết tỉ lệ giới tính nam của nước ta năm 2021 là bao nhiêu phần trăm. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4: Năm 2021, tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của nước ta là 668,5 tỉ USD, trong đó trị giá nhập khẩu là 332,2 tỉ USD. Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2021 là bao nhiêu tỉ USD. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 5: Năm 2021, khối lượng vận chuyển hàng hoá của loại hình giao thông đường biển nước ta là 69 639,0 nghìn tấn, khối lượng luân chuyển hàng hoá của loại hình giao thông đường biển nước ta là 152 277,2 triệu tấn.km. Hãy cho biết cự li vận chuyển trung bình của loại hình vận tải này là bao nhiêu km (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2010 – 2021

(Đơn vị: nghìn tấn)

Tiêu chí	Năm	2010	2021
Sản lượng hải sản khai thác		707,2	1167,9
Trong đó: Cá biển		516,9	966,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thông kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng sản lượng khai thác cá biển trong sản lượng hải sản khai thác năm 2021 so với năm 2010 tăng thêm bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

----- HẾT -----

ĐỀ 2	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2026 MÔN: ĐỊA LÍ Thời gian: 50 phút
-------------	--

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Đặc điểm đô thị hóa ở nước ta hiện nay là

- A. đô thị hoá đồng đều giữa các vùng. B. số lượng đô thị tăng khá nhanh.
C. các đô thị chỉ có chức năng kinh tế. D. trình độ đô thị hoá đang rất cao.

Câu 2: Thiên nhiên nước ta có sự phân hoá đông - tây chủ yếu do tác động của

- A. gió mùa và hướng của các dãy núi. B. vị trí nội chí tuyến, địa hình nhiều núi.
C. địa hình đồi núi cao, vị trí giáp biển. D. địa hình nhiều núi và gió Tây nam.

Câu 3: Ý nghĩa quan trọng của chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở nước ta là

- A. tạo liên kết giữa các ngành, các thành phần kinh tế.
B. sử dụng hợp lý lao động nữ, giải quyết việc làm.
C. phát huy các lợi thế, sử dụng hợp lý các nguồn lực.
D. phát huy tiềm lực, sức mạnh các thành phần kinh tế.

Câu 4: Cơ cấu công nghiệp nước ta chuyển dịch theo hướng

- A. tăng tỉ trọng công nghiệp khai khoáng. B. tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến.
C. giảm tỉ trọng các ngành công nghệ cao. D. tăng tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước.

Câu 5: Biện pháp chủ yếu để bảo vệ và duy trì tính đa dạng sinh học ở nước ta là

- A. ban hành sách Đỏ, xây dựng các vườn quốc gia, khu bảo tồn.
B. bảo vệ cảnh quan, tích cực trồng rừng phủ xanh đồi núi trọc.
C. cải tạo đồi núi trọc, trồng rừng, giao đất giao rừng cho dân.
D. tích cực trồng rừng, ban hành sách Đỏ, bảo vệ rừng phòng hộ.

Câu 6: Thành phần kinh tế giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta là

- A. kinh tế tập thể. B. kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
C. kinh tế Nhà nước. D. kinh tế tư nhân.

Câu 7: Vị trí địa lí nước ta nằm ở

- A. bờ phía tây của Ấn Độ Dương. B. phía đông của Thái Bình Dương.
C. vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc. D. rìa phía nam của vùng xích đạo.

Câu 8: Thiên tai thường xảy ra ở vùng miền núi nước ta là

- A. bão cát. B. xâm nhập mặn. C. ngập lụt. D. lũ quét.

Câu 9: Lao động nước ta có đặc điểm

- A. phân bố tập trung nhiều ở thành thị. B. số lượng giống nhau giữa các vùng
C. chủ yếu có trình độ chuyên môn cao. D. tỉ lệ chưa qua đào tạo chiếm ưu thế.

Câu 10: Gió mùa Đông Bắc ở nước ta có nguồn gốc xuất phát từ

- A. áp cao Xi-bia. B. Trung Quốc. C. áp cao Nam bán cầu. D. Ấn Độ Dương.

Câu 11: Nguồn cung cấp thịt chủ yếu của nước ta hiện nay là từ chăn nuôi

- A. trâu. B. gia cầm. C. bò. D. lợn.

Câu 12: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho hoạt động nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay phát triển nhanh?

- A. Ứng dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật, đối tượng nuôi đa dạng.
B. Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản lớn, kĩ thuật đổi mới.
C. Thị trường tiêu thụ mở rộng, công nghiệp chế biến phát triển.

D. Công nghiệp chế biến phát triển, chất lượng lao động tăng.

Câu 13: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở vùng đồi núi nước ta là

- A.** đất phù sa. **B.** đất xám bạc màu. **C.** đất feralit. **D.** đất mùn thô.

Câu 14: Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc chủ yếu do

- A.** địa hình có độ dốc cao và mưa lớn theo mùa.
B. mưa nhiều và địa hình đồi núi bị cắt xẻ mạnh.
C. lượng mưa lớn, địa hình chủ yếu đồi núi thấp.
D. khí hậu cận nhiệt gió mùa, mất lớp phủ thực vật.

Câu 15: Dân số nước ta

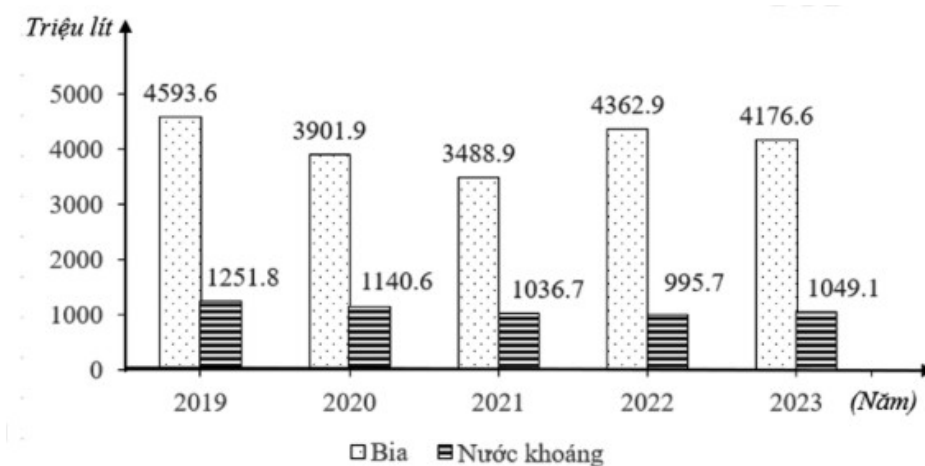
- A.** phân bố đồng đều. **B.** qui mô nhỏ và giảm.
C. cơ cấu đang già hoá. **D.** tỉ lệ gia tăng rất cao.

Câu 16: Trang trại nuôi trồng thủy sản tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

- A.** Đông Nam Bộ. **B.** Tây Nguyên.
C. Đồng bằng Sông Cửu Long. **D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 17: Cho biểu đồ:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2019 – 2023



(Nguồn: Số liệu theo giám thống kê Việt Nam 2023, NXB Thống Kê, 2024)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A.** Giai đoạn 2019 - 2023 sản lượng bia, nước khoáng đều tăng do nhu cầu thị trường tăng.
B. Sản lượng nước khoáng không ổn định do chưa áp dụng công nghệ mới trong sản xuất.
C. Sản lượng bia, nước khoáng từ năm 2019 - 2021 tăng, từ 2021 - 2023 giảm mạnh liên tục.
D. Giai đoạn 2019 - 2023 sản lượng bia, nước khoáng đều giảm, bia giảm 417 triệu lít.

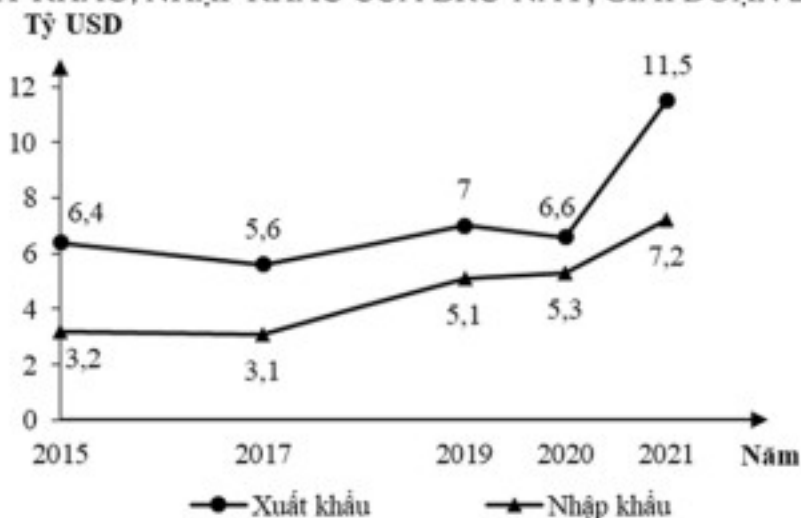
Câu 18: Thuận lợi tự nhiên để sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở nước ta là

- A.** khí hậu cận nhiệt đới mưa nhiều. **B.** địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.
C. thị trường thế giới nhiều biến động. **D.** có nhiều diện tích đất feralit.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho biểu đồ:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA BRU-NÊ, GIAI ĐOẠN 2015 – 2021



(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2022, <https://www.aseanstats.org>)

- a) Năm 2021, Bru-nê có cán cân thương mại xuất siêu với trị giá 4,3 tỉ USD.
- b) Từ năm 2015 - 2021, trị giá nhập khẩu của Bru-nê tăng nhanh hơn trị giá xuất khẩu.
- c) Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của Bru-nê tăng ổn định trong giai đoạn 2015 - 2021.
- d) Từ năm 2019 đến năm 2021, Bru-nê có cán cân thương mại luôn nhập siêu.

Câu 2: Cho thông tin sau: Ngành chăn nuôi nước ta đã có nhiều chuyển biến tích cực trong thời gian gần đây. Tỉ trọng sản xuất của ngành chăn nuôi trong giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp năm 2010 là 25,1 %, năm 2021 là 34,7% và ngày càng có vai trò quan trọng.

- a) Số lượng đàn gia cầm tăng nhanh là do sự phát triển mạnh của công nghiệp chế biến thức ăn, sản xuất gắn với thị trường.
- b) Giá trị sản xuất và tỉ trọng chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp ngày càng tăng.
- c) Nhờ áp dụng kĩ thuật và công nghệ tiên tiến, hiệu quả sản xuất của ngành chăn nuôi ngày càng tăng.
- d) Phương thức chăn nuôi theo hướng hữu cơ chủ yếu mới chỉ tiến hành trong chăn nuôi bò sữa để đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước.

Câu 3: Cho thông tin sau: Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính là ngành xuất hiện muộn hơn so với các ngành công nghiệp khác. Hiện nay ngành này đang khai thác các lợi thế về lao động, chính sách, khoa học công nghệ,... nên tăng trưởng nhanh với cơ cấu ngành rất đa dạng.

- a) Khó khăn chủ yếu với phát triển sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính là thị trường tiêu thụ trong nước còn hạn chế.
- b) Giải pháp để đẩy mạnh phát triển ngành sản xuất sản phẩm điện tử là đầu tư, hình thành các nhà máy ở nông thôn nơi có nhiều lao động.
- c) Là ngành mới, có yêu cầu cao về vốn và lao động có kĩ thuật nên chủ yếu được phân bố ở các thành phố lớn.
- d) Tivi, tủ lạnh, máy tính và linh kiện, điện thoại các loại, thiết bị điện... là các sản phẩm chủ yếu của công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Khí hậu nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa, tính nhiệt đới được thể hiện là lượng bức xạ mặt trời lớn, số giờ nắng nhiều và nhiệt độ trung bình năm cao.

- a) Lượng nhiệt ẩm, ánh sáng, nguồn nước dồi dào tạo điều kiện để nước ta tăng vụ, tăng năng suất trong phát triển sản xuất nông nghiệp.
- b) Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên khắp mọi nơi trên lãnh thổ đều có nhiệt độ trung bình năm trên 20°C .
- c) Biểu hiện tính nhiệt đới của khí hậu nước ta là nhiệt độ trung bình năm cao.
- d) Tính nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi vị trí nước ta nằm trong khu vực gió mùa, tiếp giáp Biển Đông.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Theo Niên giám thống kê Việt Nam 2023, dân số nước ta là 100,3 triệu người, trong đó dân số thành thị là 38,2 triệu người. Hãy cho biết năm 2023, tỉ lệ dân số nông thôn nước ta là bao nhiêu %. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Diện tích gieo trồng và sản lượng lúa của nước ta năm 2010 và 2021

Năm	2010	2021
Diện tích gieo trồng (Triệu ha)	7,5	7,2
Sản lượng lúa (Triệu tấn)	40,0	43,9

(Nguồn SGK 12 - Kết nối tri thức và cuộc sống)

Căn cứ bảng số liệu trên cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2021 so với năm 2010 tăng bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha).

Câu 3: Theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, vùng Đồng bằng sông Hồng có số dân là 23372,4 nghìn người, diện tích của vùng là 21278,6 km². Tính mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2023 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/ km²).

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế ở nước ta năm 2010 và 2021

(Đơn vị: Nghìn tỉ đồng)

Năm	2010	2021
Tổng	3 045,6	13 026,8
Trong đó: Khu vực kinh tế Nhà nước	636,5	846,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu cho biết chênh lệch tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực kinh tế Nhà nước của nước ta năm 2021 so với năm 2010 bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng năm 2023 tại trạm quan trắc Lai Châu

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lai Châu	13,2	16,6	19,1	22,9	24,6	24,3	24,3	23,4	23,6	21,6	18,5	16,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, NXB Thống kê, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt độ năm tại Lai Châu năm 2023 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của °C).

Câu 6: Tại độ cao 500 m trên cùng dãy núi có nhiệt độ là 35°C, cùng thời điểm này nhiệt độ ở độ cao 2500 m là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C).

----- HẾT -----

ĐỀ 3**ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2026****MÔN: ĐỊA LÍ**

Thời gian: 50 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Vùng đất của nước ta bao gồm toàn bộ phần đất liền và

- A. các hải đảo. B. vùng nội thủy. C. vùng lãnh hải. D. thềm lục địa.

Câu 2: Nguyên nhân chủ yếu gây ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long là

- A. mưa lớn và triều cường. B. bão lớn và lũ nguồn về.
C. không có đê sông ngăn lũ. D. mưa bão trên diện rộng.

Câu 3: Thành phố nào sau đây của nước ta thuộc loại đô thị đặc biệt?

- A. Hạ Long. B. TP. Hồ Chí Minh. C. Nha Trang. D. Phú Quốc.

Câu 4: Nguồn lao động của nước ta hiện nay

- A. chỉ tập trung ở thành thị. B. phân bố đều giữa các vùng.
C. có trình độ tay nghề rất cao. D. có số lượng tăng hàng năm.

Câu 5: Đối tượng nuôi trồng thủy sản quan trọng ở nước ta hiện nay là

- A. cua. B. sò huyết. C. cá. D. tôm.

Câu 6: Tiềm năng để phát triển nhiệt điện ở nước ta là

- A. than đá. B. thác nước. C. sức gió. D. thủy triều.

Câu 7: Loại hình giao thông vận tải thuận lợi nhất để nước ta trao đổi hàng hóa với các nước khác là

- A. đường bộ. B. đường sông. C. đường biển. D. đường sắt.

Câu 8: Vùng bờ biển tập trung nhiều bãi tắm đẹp có giá trị hàng đầu đối với hoạt động du lịch biển ở nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Bắc Trung Bộ.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đông Nam Bộ.

Câu 9: Thế mạnh lớn nhất của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. nuôi trồng, đánh bắt hải sản. B. khai thác khoáng sản và thủy điện.
C. chăn nuôi gia súc, gia cầm. D. trồng cây lương thực, rau quả.

Câu 10: Hiện nay, đảo nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Hồng?

- A. Lý Sơn. B. Cái Bàu. C. Côn Đảo. D. Phú Quốc.

Câu 11: Thuận lợi chủ yếu của việc nuôi trồng thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. bờ biển có nhiều vũng vịnh, đầm phá. B. có nhiều loài cá quý, loài tôm mực.
C. liền kề với các ngư trường lớn. D. hoạt động chế biến hải sản đa dạng.

Câu 12: Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về

- A. mật độ dân số. B. giá trị hàng xuất khẩu.
C. nuôi thủy sản. D. sản lượng lương thực.

Câu 13: Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây

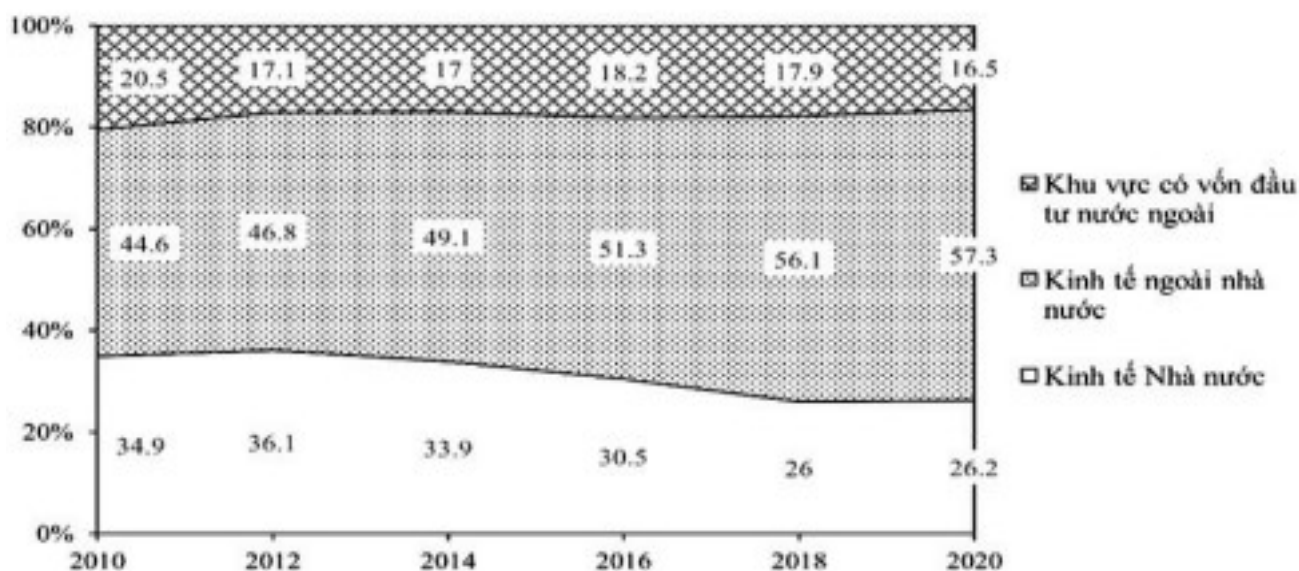
- A. mưa nhiều trên địa hình đồi núi thấp. B. trong năm có hai mùa mưa và khô.
C. đồi núi bị cắt xẻ mạnh và mưa nhiều. D. độ dốc địa hình lớn và mưa nhiều.

Câu 14: Hoạt động xuất khẩu của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. đa dạng hóa sản xuất, đầu tư vào các ngành có nhiều ưu thế.
B. khai thác hiệu quả thể mạnh, nâng cao chất lượng lao động.
C. hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển sản xuất hàng hóa.
D. tăng cường quản lý nhà nước và mở rộng thêm thị trường.

Câu 15: Cho biểu đồ sau:

Cơ cấu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện theo thành phần kinh tế nước ta, giai đoạn 2010 – 2020



(Nguồn: gso.gov.vn)

- A. Kinh tế Nhà nước và kinh tế ngoài Nhà nước có tỉ trọng tăng.
B. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và kinh tế Nhà nước có tỉ trọng giảm.
C. Tỉ trọng kinh tế ngoài Nhà nước tăng 7,2% giai đoạn 2010 – 2020.
D. Tỉ trọng kinh tế ngoài Nhà nước tăng nhiều nhất trong giai đoạn 2010 – 2022.

Câu 16: Vấn đề cần đặc biệt chú ý trong việc phát triển ngư nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ là

- A. giảm việc khai thác để duy trì trữ lượng thủy sản.
- B. khai thác hợp lý đi đôi bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
- C. hạn chế việc nuôi trồng để bảo vệ môi trường ven biển.
- D. ngừng việc khai thác ven bờ, đầu tư cho đánh bắt xa bờ.

Câu 17: Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên nước ta có ảnh hưởng nào sau đây đến phát triển xã hội?

- A. tạo nên sự đa dạng về các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- B. là cơ sở phân vùng kinh tế với các sản phẩm đặc trưng.
- C. tạo sự phân hóa về phân bố dân cư ở các vùng lãnh thổ.
- D. giảm tính liên kết trong phát triển kinh tế giữa các vùng.

Câu 18: Chuyển đổi cơ cấu kinh tế là định hướng quan trọng ở đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu nhằm

- A. thúc đẩy phát triển công nghiệp và kinh tế chung của vùng.
- B. giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng nguồn lao động.
- C. giúp tăng trưởng nền kinh tế, thích ứng với biến đổi khí hậu.
- D. khai thác hiệu quả tài nguyên sinh vật, khí hậu, nguồn nước.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, miền Bắc nước ta chịu tác động của gió mùa Đông Bắc. Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông có thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Từ 16°B trở vào Nam, khối khí lạnh đã bị suy yếu nên Tín phong bán cầu Bắc chiếm ưu thế.

- a) Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh ẩm.
- b) Gió mùa Đông Bắc tác động yếu đến miền Nam do ảnh hưởng của dãy Bạch Mã.
- c) Gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên.
- d) Gió mùa Đông Bắc di chuyển quãng đường dài trên lục địa, gây nên thời tiết lạnh khô vào đầu mùa Đông ở miền Bắc.

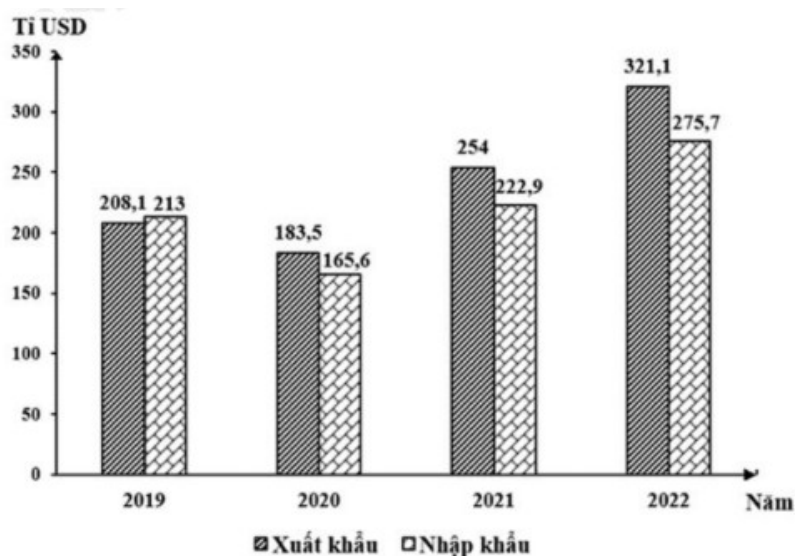
Câu 2: Cho thông tin sau : Năm 2022, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu đạt 371,3 tỷ USD, tăng 10,5% so với năm 2021, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước đạt 95,4 tỷ USD, tăng 6,8%, chiếm 25,7% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 275,9 tỷ USD, tăng 11,8%, chiếm 74,3%. (Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022)

- a) Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu nước ta tăng so với năm 2021.
- b) Khu vực kinh tế trong nước tăng có tốc độ tăng nhanh nhất.
- c) Sản phẩm hàng hóa ngày càng đa dạng, chất lượng hàng hóa đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.
- d) Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh là kết quả của quá trình hội nhập sâu rộng, chính sách thu hút của nước ta.

Câu 3: Cho thông tin sau: Đồng bằng sông Cửu Long có địa hình thấp, với độ cao trung bình 2 – 4m so với mực nước biển. Vị trí giáp Biển Đông với đường bờ biển dài. Ven biển có nhiều cửa sông lớn như cửa Đại, cửa Tiểu, cửa Hàm Luông, cửa Định An, cửa Trần Đề,... Khí hậu cận xích đạo với hai mùa mưa và khô sâu sắc, kéo dài.

- a) Đồng bằng sông Cửu Long có khí hậu cận xích đạo gió mùa.
- b) Hiện tượng xâm nhập mặn diễn ra mạnh mẽ vào mùa mưa, khi có lượng mưa lớn.
- c) Biến đổi khí hậu làm gia tăng hậu quả của hạn hán và quá trình xâm nhập mặn.
- d) Là vùng chịu ảnh hưởng sâu sắc của hiện tượng nước biển dâng do khí hậu có hai mùa mưa và khô sâu sắc.

Câu 4: Cho biểu đồ:



Biểu đồ trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2019-2022

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

- a) Năm 2020, In-đô-nê-xi-a có cán cân thương mại xuất siêu với trị giá thấp nhất.
- b) Từ năm 2020 đến năm 2022, In-đô-nê-xi-a có cán cân thương mại xuất siêu.
- c) Trị giá xuất khẩu và trị giá nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a đều tăng liên tục trong giai đoạn 2019 - 2022.
- d) Năm 2022 so với năm 2019, trị giá xuất khẩu của In-đô-nê-xi-a tăng nhanh hơn trị giá nhập khẩu.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng trong năm tại Hà Nội năm 2021

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	16,9	20,9	22,5	25,6	29,7	31,6	30,8	30,5	28,7	24,6	22,5	19,4

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết biên độ nhiệt độ không khí trung bình năm 2021 tại Hà Nội là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Lưu lượng dòng chảy tháng tại trạm Hà Nội trên sông Hồng

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu Lượng	1022	905	853	1004	1578	3469	5891	6245	4399	2909	2024	1285

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Hà Nội trên sông Hồng là bao nhiêu m^3/s (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 3: Quy mô dân số nước ta năm 2021 là 98 504,4 nghìn người, trong đó dân thành thị là 36 563,3 nghìn người. Hãy cho biết tỉ lệ dân nông thôn năm 2021 của nước ta là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 4: Năm 2021, Việt Nam có trị giá xuất khẩu là 336,1 tỉ USD và trị giá nhập khẩu là 332,9 tỉ USD. Hãy cho biết tỉ trọng trị giá xuất khẩu của nước ta năm 2021 là bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 5: Năm 2022, diện tích gieo trồng lúa của nước ta là 7108,9 nghìn ha, sản lượng lúa là 42660,8 nghìn tấn. Hãy cho biết năng suất lúa năm 2022 của nước ta là bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Diện tích và dân số các tỉnh vùng Tây Nguyên, năm 2022

Tỉnh	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông	Lâm Đồng
Diện tích (km^2)	9677	15510	13070	6509	9781
Dân số (nghìn người)	580	1591	1918	671	1333

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết mật độ dân số trung bình của vùng Tây Nguyên (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

---- HẾT ----

ĐỀ 4**ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2026****MÔN: ĐỊA LÍ***Thời gian: 50 phút*

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Lãnh thổ nước ta tiếp giáp với Biển Đông thông ra

- A. Thái Bình Dương. B. Đại Tây Dương.
C. Bắc Băng Dương. D. Ấn Độ Dương.

Câu 2: Ở nước ta, xâm nhập mặn xảy ra nghiêm trọng nhất ở vùng

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 3: Thành phố nào sau đây của nước ta là đô thị loại đặc biệt?

- A. Sơn La. B. Hà Nội. C. Việt Trì. D. Đà Nẵng.

Câu 4: Chiến lược phát triển dân số của nước ta hiện nay là

- A. nâng cao năng lực dự báo về việc làm.

B. chủ động xã hội hóa trong đào tạo nghề.

C. đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng.

D. hỗ trợ và nâng cao sức khỏe cho người dân.

Câu 5: Vật nuôi có tổng đàn lớn nhất ở nước ta hiện nay là

A. lợn.

B. gia cầm.

C. trâu.

D. bò.

Câu 6: Nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất lớn nhất ở nước ta hiện nay?

A. Duyên Hải 1.

B. Phú Mỹ 1.

C. Phả Lại 2.

D. Cà Mau 1.

Câu 7: Loại hình vận tải có tốc độ phát triển nhanh nhất ở nước ta hiện nay là

A. đường bộ.

B. đường hàng không.

C. đường biển.

D. đường sắt.

Câu 8: Du lịch về nguồn là sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng du lịch nào sau đây?

A. Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Đông Nam Bộ.

C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

D. Tây Nguyên.

Câu 9: Cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. quế.

B. hồi.

C. mận.

D. chè.

Câu 10: Cảng hàng không quốc tế nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Hồng?

A. Vân Đồn.

B. Phú Bài.

C. Cam Ranh.

D. Long Thành.

Câu 11: Duyên hải Nam Trung Bộ đẩy mạnh phát triển các trung tâm logistic gắn với cảng biển nhờ điều kiện nào sau đây?

A. Vùng biển rộng, khí hậu thuận lợi.

B. Biển kín gió, có nhiều bãi tắm đẹp.

C. Bờ biển dài, nhiều vịnh nước sâu.

D. Diện tích nước lợ, nước mặn lớn.

Câu 12: Hiện nay, Đông Nam Bộ không đứng đầu cả nước về

A. khai thác dầu thô.

B. nuôi trồng thủy sản.

C. trồng cây công nghiệp.

D. bưu chính viễn thông.

Câu 13: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa là cảnh quan tiêu biểu của nước ta?

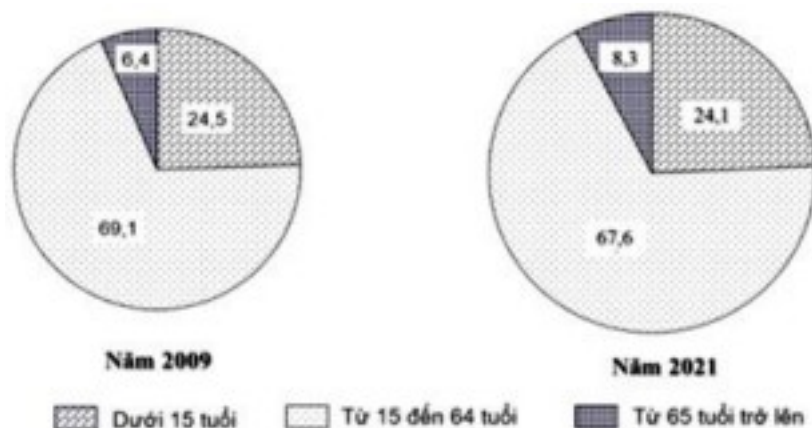
A. Khí hậu nóng ẩm, đất feralit.

B. Đất feralit, địa hình nhiều đồi núi.

C. Nhiệt độ cao, đất đai đa dạng.

D. Khí hậu gió mùa, đất đai màu mỡ.

Câu 14: Cho biểu đồ:



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU DÂN SỐ PHÂN THEO NHÓM TUỔI Ở NƯỚC TA NĂM 2009 VÀ NĂM 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, nxb Thống kê Việt Nam 2022)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Tỉ trọng nhóm dưới 15 tuổi và từ 65 tuổi trở lên đều tăng.
- B. Tỉ trọng nhóm từ 15 đến 64 tuổi cao nhất và có xu hướng tăng.
- C. Tỉ trọng nhóm từ 65 tuổi trở lên thấp nhất và tăng 0,9%.
- D. Tỉ trọng nhóm từ 15 đến 64 tuổi giảm nhiều hơn nhóm dưới 15 tuổi.

Câu 15: Ý nghĩa lớn nhất của hoạt động thương mại đối với phát triển kinh tế - xã hội nước ta là

- A. thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ, phát triển kinh tế.
- B. giải quyết việc làm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.
- C. góp phần hoàn thiện cơ sở vật chất kĩ thuật, thay đổi môi trường.
- D. giảm chênh lệch phát triển nông thôn với đô thị, hạn chế di dân.

Câu 16: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở vùng ven biển Bắc Trung Bộ là

- A. thúc đẩy xuất khẩu, mở rộng phân bố sản xuất, tạo nhiều việc làm.
- B. thay đổi cơ cấu kinh tế, phát huy các thế mạnh, tạo nông sản hàng hóa.
- C. phát huy thế mạnh, tạo sản phẩm hàng hóa, nâng cao vị thế của vùng.
- D. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng liên kết vùng, nâng cao mức sống.

Câu 17: Các vùng trên lãnh thổ nước ta khác nhau về chế độ nhiệt chủ yếu do tác động của

- A. bão, dải hội tụ nhiệt đới, các loại gió thổi hướng tây nam và đông bắc.
- B. gió Tây, gió mùa Đông Bắc, độ cao các dãy núi và hình dáng lãnh thổ.
- C. gió tây nam thổi vào mùa hạ, vị trí địa lí, độ cao và hướng các dãy núi.
- D. vị trí địa lí, địa hình, các loại gió và thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.

Câu 18: Hệ thống dịch vụ hậu cần nghề cá được chú trọng phát triển ở nhiều nơi của Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu nhằm

- A. nâng cao hiệu quả khai thác, giảm tổn thất sau thu hoạch.
- B. giảm tổn thất sau thu hoạch, tạo việc làm cho người dân.
- C. tạo việc làm cho người dân, hình thành các khu tiêu thụ.
- D. hình thành các khu tiêu thụ, nâng cao khả năng khai thác.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, miền Bắc nước ta chịu tác động của gió mùa Đông Bắc. Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông có thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Từ 16°B trở vào Nam, khối khí lạnh đã bị suy yếu nên Tín phong bán cầu Bắc chiếm ưu thế.

- a) Hoạt động của gió mùa Đông Bắc làm cho miền Bắc nước ta có một mùa đông lạnh.
- b) Gió mùa Đông Bắc bị biến tính khi đi qua biển vào nửa sau mùa đông gây mưa phùn.
- c) Tín phong bán cầu Bắc là nguyên nhân gây nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên.
- d) Gió mùa Đông Bắc là nhân tố chủ yếu gây nên mùa khô trên phạm vi cả nước.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng cả trong và ngoài nước. Các mặt hàng thủy sản của nước ta cũng đã thâm nhập được vào thị trường EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản,... Những đổi mới trong chính sách của Nhà nước đã và đang có tác động tích cực tới sự phát triển của ngành thủy sản: đầu tư vốn; khai thác đi đôi với bảo vệ nguồn lợi và giữ vững chủ quyền biển, đảo,...

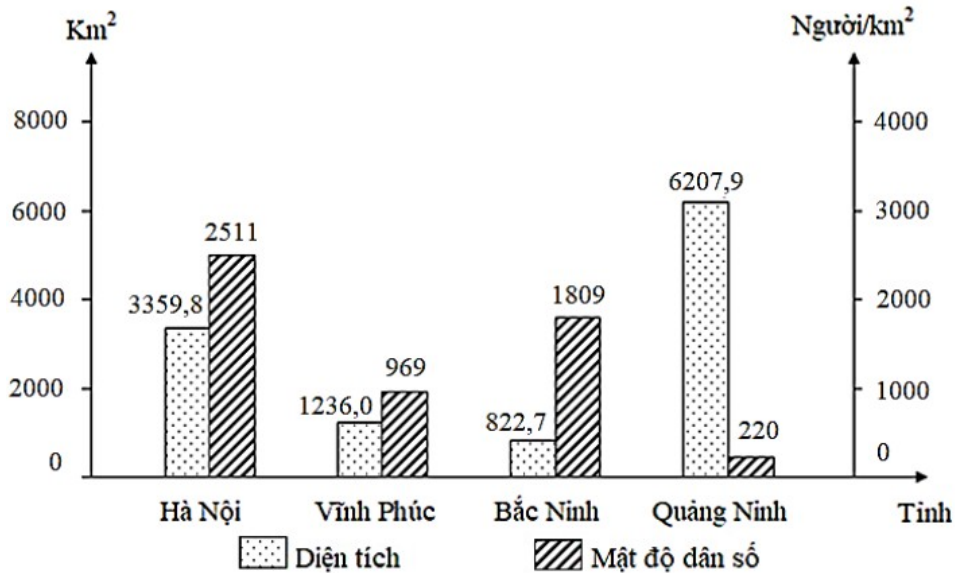
- a) Thủy sản đang là ngành sản xuất tạo ra hàng xuất khẩu quan trọng cho nền kinh tế nước ta hiện nay.
- b) Hoạt động nuôi trồng thủy sản phát triển nhanh chủ yếu do thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng.
- c) Chất lượng sản phẩm thủy sản xuất khẩu ngày càng cao do trình độ của người lao động được nâng lên.
- d) Để sản phẩm xuất khẩu mang lại giá trị cao hơn, giải pháp chủ yếu là đẩy mạnh sản xuất sản phẩm đặc sản.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển nền nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao; phát triển các vùng chuyên canh tập trung với qui mô thích hợp như cây chè, hoa, rau, quả,...trên cơ sở xác định lợi thế so sánh của từng địa phương và nhu cầu của thị trường; ứng dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật; sản xuất hữu cơ; thúc đẩy hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị bền vững; tập trung đầu tư công nghệ chế biến để gia tăng giá trị cho các sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu

- a) Trung du và miền núi Bắc Bộ có điều kiện phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới với cơ cấu sản phẩm đa dạng.
- b) Việc mở rộng diện tích đất nông nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ gặp khó khăn do thiếu nước về mùa đông.
- c) Yếu tố chủ yếu tác động đến sự đa dạng trong cơ cấu sản phẩm ngành trồng trọt của Trung du và miền núi Bắc Bộ là nhu cầu thị trường và kinh nghiệm sản xuất.
- d) Đa dạng hóa hoạt động nông nghiệp nhằm khai thác hiệu quả thế mạnh, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho công nghiệp.

Câu 4: Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH VÀ MẬT ĐỘ DÂN SỐ MỘT SỐ TỈNH CỦA NƯỚC TA NĂM 2022

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

- a) Dân số tỉnh Vĩnh Phúc lớn hơn dân số tỉnh Bắc Ninh.
- b) Dân số tỉnh Bắc Ninh nhỏ hơn dân số tỉnh Hải Dương.
- c) Dân số tỉnh Hải Dương gấp ba lần dân số tỉnh Vĩnh Phúc.
- d) Dân số tỉnh Quảng Ninh gấp hơn hai lần dân số tỉnh Bắc Ninh.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Biết năm 2022, nước ta có diện tích là 331,3 nghìn km², dân số là 99 461,7 nghìn người. Tính mật độ dân số của nước ta năm 2022 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG TẠI LAI CHÂU NĂM 2021

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lai Châu	12,6	17,0	20,2	21,8	24,5	24,1	23,9	24,0	23,3	20,4	17,0	14,2

(Nguồn: gso.gov.vn)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính nhiệt độ trung bình năm của Lai Châu (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C).

Câu 3: Năm 2021, tỉ suất sinh thô của nước ta là 15,8%, tỉ suất tử thô là 6,4%. Hãy cho biết tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2021 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Câu 4: Biết năm 2021, tổng diện tích rừng của Bắc Trung Bộ là 3 131,1 nghìn ha, diện tích rừng trồng là 929,6 nghìn ha. Hãy cho biết diện tích rừng tự nhiên ở Bắc Trung Bộ năm 2021 là bao nhiêu nghìn ha? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn ha).

Câu 5: Biết trị giá xuất khẩu của nước ta năm 2021 là 336,1 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 332,9 tỉ USD. Hãy cho biết năm cán cân xuất, nhập khẩu năm 2021 của nước ta là bao nhiêu tỉ USD? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

GDP THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2021

(Đơn vị: Nghìn tỉ đồng)

Năm	2010	2021
GDP	2 739,8	84 874,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết GDP của nước ta năm 2021 gấp bao nhiêu lần so với năm 2010. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của số lần)

----- HẾT -----

ĐỀ 5	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2026 MÔN: ĐỊA LÍ <i>Thời gian: 50 phút</i>
-------------	---

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Phía tây nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào sau đây?

- A. Lào và Thái Lan. B. Cam-pu-chia và Trung Quốc.
C. Lào và Cam-pu-chia. D. Lào và Trung Quốc.

Câu 2: Nước ta giáp Biển Đông nên có

- A. hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh trong năm.
B. gió mùa Đông Bắc hoạt động vào mùa đông.
C. tổng lượng mưa lớn, độ ẩm không khí cao.
D. một mùa có mưa nhiều và một mùa mưa ít.

Câu 3: Đô thị nào sau đây được hình thành sớm nhất ở nước ta?

- A. Cổ Loa. B. Thăng Long. C. Phú Xuân. D. Hội An.

Câu 4: Nhận định nào sau đây đúng với chất lượng lao động của nước ta?

- A. Phần lớn lao động có trình độ cao đẳng trở lên.
B. Chất lượng lao động ngày càng tăng.
C. Lao động nước ta đều chưa qua đào tạo.
D. Phần lớn lao động nước ta đã qua đào tạo.

Câu 5: Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt ở nước ta, loại cây trồng chiếm tỉ trọng cao nhất là

- A. cây lương thực. B. cây rau đậu. C. cây công nghiệp. D. cây ăn quả.

Câu 6: Nhà máy nhiệt điện chạy bằng than có công suất lớn nhất nước ta là

- A. Ninh Bình. B. Na Dương. C. Phả Lại. D. Uông Bí.

Câu 7: Trục đường bộ xuyên quốc gia có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của phía tây nước ta là

- A. Đường Hồ Chí Minh. B. Quốc lộ 9.

C. Quốc lộ 26.

D. Đường 14C.

Câu 8: Di sản văn hóa thế giới phố cổ Hội An thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Thừa Thiên - Huế.

B. Quảng Ninh.

C. Quảng Nam.

D. Thanh Hóa.

Câu 9: Trung du và miền núi Bắc Bộ **không** có thế mạnh nổi bật nào sau đây?

A. Khai thác khoáng sản.

B. Phát triển thủy điện.

C. Trồng cây cận nhiệt.

D. Phát triển kinh tế biển.

Câu 10: Hai trung tâm du lịch tiêu biểu của vùng Đồng bằng sông Hồng là

A. Hà Nội, Hải Dương.

B. Hà Nội, Hải Phòng.

C. Hà Nội, Nam Định.

D. Hà Nội, Ninh Bình.

Câu 11: Duyên hải Nam Trung Bộ có thế mạnh để phát triển du lịch biển, đảo là do

A. có nhiều vịnh ăn sâu vào đất liền, kín gió, giàu khoáng sản.

B. có các bãi biển đẹp, nhiều vũng vịnh nổi tiếng, các đảo gần bờ.

C. có nhiều ngư trường lớn, nhiều đảo gần bờ.

D. vùng biển rộng, ấm, có hai quần đảo lớn là Hoàng Sa và Trường Sa.

Câu 12: Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về diện tích gieo trồng cây công nghiệp nào sau đây?

A. Cao su.

B. Cà phê.

C. Dừa.

D. Chè.

Câu 13: Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Mưa nhiều trên địa hình đồi núi thấp.

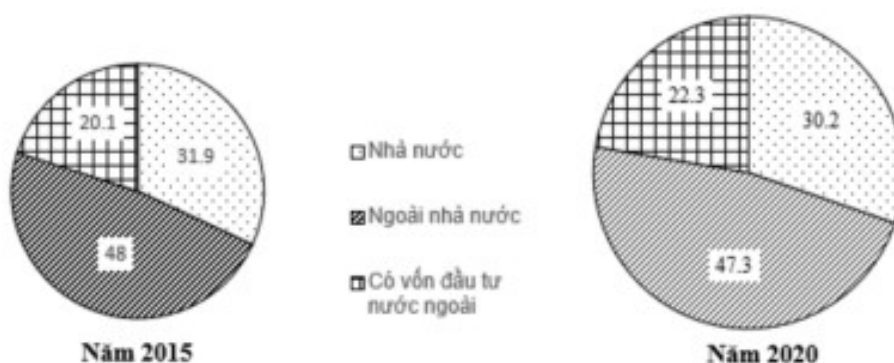
B. Trong năm có hai mùa mưa và khô.

C. Đồi núi bị cắt xẻ mạnh và mưa nhiều.

D. Độ dốc địa hình lớn và mưa nhiều

Câu 14: Cho biểu đồ sau:

**QUY MÔ VÀ CƠ CẤU GDP NƯỚC TA PHÂN THEO THÀNH PHẦN
KINH TẾ NĂM 2015 VÀ 2020**



(Nguồn: gso.gov.vn)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

A. Tỷ trọng của kinh tế Nhà nước tăng.

B. Tỷ trọng của kinh tế ngoài Nhà nước giảm.

C. Tỷ trọng của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài giảm.

D. Kinh tế Nhà nước và ngoài Nhà nước đều tăng.

Câu 15: Nhận định nào sau đây đúng về ngành nội thương của nước ta hiện nay?

A. Có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.

- B. Phát triển do dựa vào doanh nghiệp Nhà nước.
- C. Chỉ xuất hiện ở các vùng đồng bằng, ven biển.
- D. Phụ thuộc chủ yếu từ nguồn vốn của Nhà nước.

Câu 16: Để tạo thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian ở vùng Bắc Trung Bộ, biện pháp quan trọng nhất là

- A. phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải.
- B. phát triển kinh tế - xã hội ở vùng phía tây.
- C. hình thành các trung tâm công nghiệp gắn với các đô thị lớn.
- D. gắn các vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp với ngư nghiệp.

Câu 17: Sự phân hóa thiên nhiên nước ta theo chiều Đông - Tây ở vùng đồi núi mang lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

- A. Phát triển nông nghiệp với cơ cấu cây trồng vật nuôi, cơ cấu mùa vụ đa dạng.
- B. Phát triển nền nông nghiệp hàng hóa, chuyên canh cây lương thực và ăn quả.
- C. Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, chủ yếu phát triển các cây lương thực.
- D. Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, chỉ thuận lợi cho việc trồng lúa nước.

Câu 18: Giải pháp chủ yếu trong nông nghiệp để ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phát triển trang trại, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.
- B. phát triển công tác thủy lợi, chú trọng cải tạo đất.
- C. chuyển đổi cơ cấu sản xuất, bố trí mùa vụ hợp lý.
- D. tích cực thâm canh, chủ động sống chung với lũ.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Sự phân hoá của thiên nhiên theo chiều Đông – Tây được thể hiện khá rõ ở vùng đồi núi nước ta. Vùng núi Đông Bắc là nơi có mùa đông lạnh nhất cả nước, về mùa đông nhiệt độ hạ xuống rất thấp, thời tiết hanh khô, thiên nhiên mang tính chất cận nhiệt đới gió mùa. Vùng núi Tây Bắc có mùa đông tương đối ẩm và khô hanh, ở các vùng núi thấp cảnh quan mang tính chất nhiệt đới gió mùa, tuy nhiên ở các vùng núi cao cảnh quan thiên nhiên lại giống vùng ôn đới.

- a) Vùng núi Đông Bắc có mùa đông lạnh nhất cả nước do vị trí địa lí kết hợp với hướng núi.
- b) Vùng núi Tây Bắc có mùa đông ẩm hơn, khô hanh do vị trí và ảnh hưởng của các dãy núi hướng tây bắc – đông nam đã ngăn cản gió mùa Đông Bắc.
- c) Vùng núi cao Tây Bắc nhiệt độ hạ thấp do gió mùa Đông Bắc kết hợp độ cao địa hình.
- d) Tại các vùng núi cao Tây Bắc có nhiệt độ hạ thấp do địa hình cao hút gió từ các hướng tới.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Dịch vụ là ngành kinh tế quan trọng, phục vụ nhu cầu của sản xuất và con người. Dưới tác động của đường lối Đổi mới cùng những thành tựu nổi bật của cuộc Cách mạng 4.0, ngành dịch vụ nước ta phát triển mạnh mẽ, hội nhập ngày càng sâu rộng với khu vực và quốc tế.

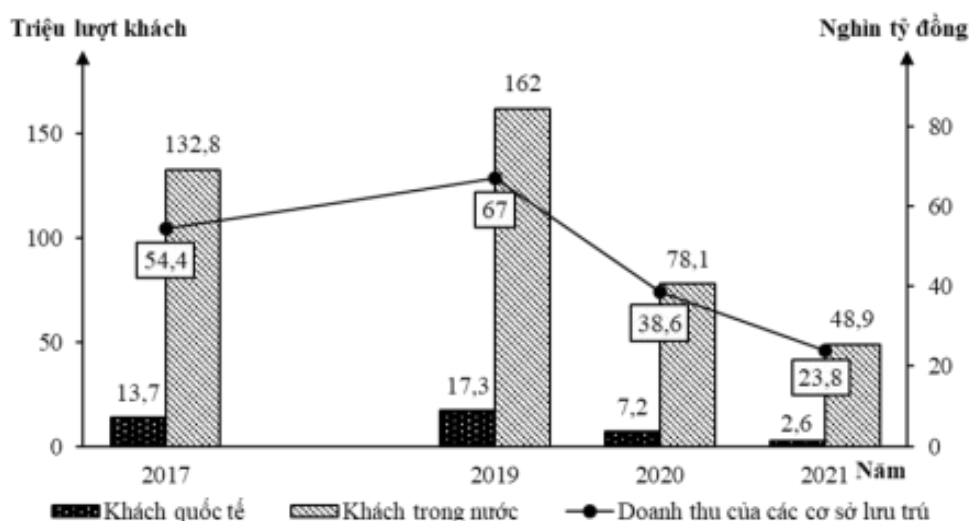
- a) Dịch vụ nâng cao trình độ sản xuất trong nước, tăng cường hội nhập với thế giới.

- b) Dịch vụ góp phần bảo vệ môi trường, xây dựng và phát triển nền kinh tế bền vững.
- c) Dịch vụ đẩy nhanh đổi mới sáng tạo, hỗ trợ các mô hình kinh tế số, kinh tế chia sẻ.
- d) Dịch vụ không làm tăng sự phân hóa rõ rệt về trình độ phát triển kinh tế giữa các địa phương.

Câu 3: Cho thông tin sau: Phát triển nông nghiệp xanh, năng lượng tái tạo; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến nông, thủy sản, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ. Đồng bằng sông Cửu Long trở thành thương hiệu quốc tế về du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch sinh thái và du lịch biển.

- a) Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay đang đẩy mạnh phát triển nguồn năng lượng gió và Mặt Trời.
- b) Phát triển công nghiệp chế biến nông, thủy sản góp phần nâng cao giá trị nông sản, tạo hàng hóa, đáp ứng thị trường.
- c) Các ngành công nghiệp chế biến phát triển mạnh ở Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do có nguồn nguyên liệu dồi dào từ tự nhiên.
- d) Phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Đồng bằng sông Cửu Long nhằm thích ứng với sự biến đổi khí hậu toàn cầu, khai thác lợi thế về đất đai.

Câu 4: Cho biểu đồ:



SỐ LƯỢT KHÁCH VÀ DOANH THU TỪ CÁC CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2017 - 2021

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

- a) Khách quốc tế đến nước ta giảm liên tục do chất lượng sản phẩm du lịch còn thấp.
- b) Doanh thu du lịch giảm nhiều một phần lớn do số lượt khách giảm.
- c) Số lượt khách tăng nhanh nhưng doanh thu có xu hướng giảm mạnh.
- d) Khách trong nước giảm mạnh chủ yếu do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) năm 2022

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,6	15,3	23,1	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023, NXB Thống kê Việt Nam, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt độ năm tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) năm 2022 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của $^{\circ}\text{C}$).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng của Hà Nội và Cà Mau năm 2022

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội (Láng)	18,6	15,3	23,1	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8
Cà Mau	27,1	27,9	28,0	28,7	28,6	28,7	27,9	27,8	27,4	27,7	26,7	26,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Cho biết biên độ nhiệt độ năm của Hà Nội cao hơn của Cà Mau bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (làm tròn đến một chữ số thập phân của $^{\circ}\text{C}$)

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022

(Đơn vị : %)

Năm	2010	2015	2019	2020	2021	2022
Tỉ suất sinh	17,1	16,2	16,3	16,3	15,7	15,2
Tỉ suất tử	6,8	6,8	6,3	6,06	6,4	6,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2022 giảm đi bao nhiêu % so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

Câu 4: Năm 2021, giá trị xuất khẩu nước ta là 336,1 tỉ USD, giá trị nhập khẩu của nước ta là 332,9 tỉ USD. Tính tỉ lệ xuất khẩu trong tổng giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta năm 2021 là bao nhiêu %. (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

Câu 5: Biết diện tích gieo trồng lúa của nước ta năm 2021 là 7,2 triệu ha, sản lượng là 43,9 triệu tấn. Hãy cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2021 là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha)

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản khai thác ở nước ta, giai đoạn 2010 - 2021

Năm	2010	2013	2016	2021
Khai thác biển	2 220,0	2 607,0	3 035,9	3 743,8
Khai thác nội địa	194,4	196,8	190,2	195,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2023)

Cho biết tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác nội địa năm 2021 giảm đi bao nhiêu % so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

----- HẾT -----

ĐỀ 6

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2026

MÔN: ĐỊA LÍ

Thời gian: 50 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Điểm cực Tây trên đất liền nước ta thuộc tỉnh

- A. Khánh Hòa. B. Điện Biên. C. Hà Giang. D. Cà Mau.

Câu 2: Rừng ở nước ta hiện nay

- A. phân bố ở nhiều nơi. B. không có ở ven biển.
C. có ít các loài sinh vật. D. diện tích không đổi.

Câu 3: Lao động nước ta hiện nay

- A. dồi dào, cơ cấu lao động luôn cố định. B. phân bố rất đồng đều, tính kỉ luật cao.
C. có số lượng đông, chất lượng nâng lên. D. thất nghiệp và thiếu việc làm còn rất ít.

Câu 4: Các đô thị lớn ở nước ta phân bố tập trung ở

- A. đồng bằng, ven biển. B. miền núi, nông thôn.
C. ven sông lớn, gò đồi. D. trung du, thung lũng.

Câu 5: Cây ăn quả ở nước ta hiện nay

- A. tạo được các sản phẩm xuất khẩu. B. có cơ cấu cây trồng chưa đa dạng.
C. chỉ phân bố tập trung ở vùng núi. D. chủ yếu là có nguồn gốc ôn đới.

Câu 6: Tiềm năng thủy điện của nước ta tập trung lớn nhất ở hệ thống sông

- A. Mã. B. Đồng Nai. C. Thu Bồn. D. Hồng.

Câu 7: Điều kiện thuận lợi nổi bật để xây dựng các cảng biển nước sâu ở nước ta là có

- A. vùng biển rộng. B. thềm lục địa rộng. C. bờ biển kéo dài. D. nhiều vịnh biển.

Câu 8: Nhóm đất chính ở đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phù sa và đất phèn. B. badan và đất mặn.
C. đất xám và feralit. D. phù sa cổ và feralit.

Câu 9: Trung du và miền núi Bắc Bộ **không** có thuận lợi tự nhiên cho phát triển

- A. thủy điện và khai thác khoáng sản. B. cây công nghiệp và nuôi gia súc.
C. cây dược liệu cận nhiệt và ôn đới. D. đánh bắt cá và khai thác dầu mỏ.

Câu 10: Thế mạnh về tự nhiên nào sau đây tạo cho vùng Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông?

- A. Có một mùa đông lạnh. B. Có đất phù sa màu mỡ.
C. Có nguồn nước dồi dào. D. Có địa hình bằng phẳng.

Câu 11: Nghề làm muối ở các tỉnh ven biển Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển mạnh là do ở đây có

- A. nền nhiệt cao, ít cửa sông lớn đổ ra biển. B. nắng nóng, vùng biển nông và mở rộng.
C. mưa ít, có dòng biển nóng chảy ven bờ. D. nhiều vũng vịnh, đầm phá, lượng mưa ít.

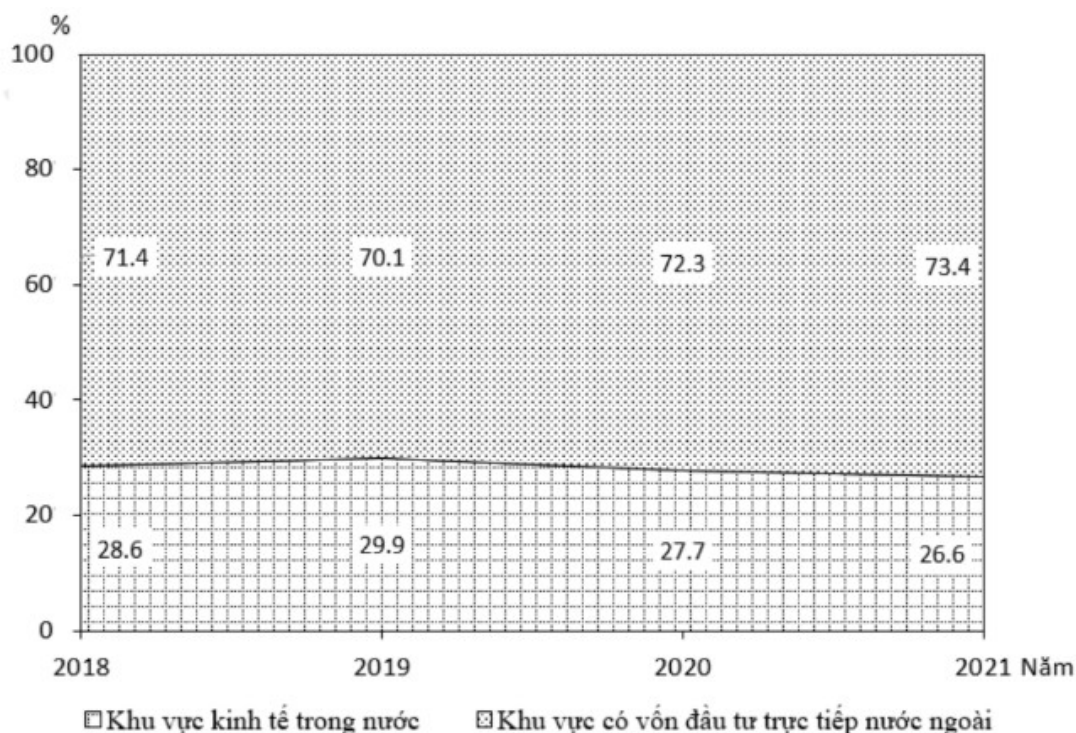
Câu 12: Khoáng sản có giá trị nhất ở Tây Nguyên là

- A. a-pa-tit. B. bô-xít. C. quặng sắt. D. quặng đồng.

Câu 13: Mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc do

- A. địa hình nhiều đồi núi, lượng mưa lớn. B. lượng mưa lớn, có các đồng bằng rộng.
C. đồi núi dốc, lớp phủ thực vật bị tàn phá. D. có các đồng bằng rộng lớn, đồi núi dốc.

Câu 14: Cho biểu đồ:



Biểu đồ giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo khu vực kinh tế ở nước ta, giai đoạn 2018 - 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, 2023, Nxb Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Khu vực kinh tế trong nước và có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có tỉ trọng tăng.
B. Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có tỉ trọng nhỏ hơn khu vực kinh tế trong nước.
C. Tỉ trọng khu vực kinh tế trong nước giảm 25,6% giai đoạn 2018 - 2021.
D. Năm 2021, tỉ trọng khu vực kinh tế trong nước gấp 2,75 lần khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Câu 15: Nhân tố nào sau đây có vai trò chủ yếu giúp ngoại thương nước ta phát triển mạnh trong thời gian qua?

- A. Đa dạng hóa thị trường, tăng cường sự quản lý của Nhà nước.
- B. Tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.
- C. Khai thác hiệu quả tài nguyên, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- D. Nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh.

Câu 16: Giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Bắc Trung Bộ là

- A. phát huy các thế mạnh của vùng, thu hút lao động.
- B. thu hút các nguồn đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng.
- C. tăng cường hội nhập, nâng cao vị thế trung chuyển.
- D. xây dựng các cảng, phát triển tổng hợp kinh tế biển.

Câu 17: Khí hậu nước ta có sự phân hoá theo Bắc - Nam chủ yếu do tác động của

- A. vĩ độ địa lí, địa hình, gió mùa mùa hạ, bão và áp thấp nhiệt đới.
- B. vị trí địa lí, địa hình, gió mùa Đông Bắc và dải hội tụ nhiệt đới.
- C. vị trí địa lí, gió mùa Tây Nam, hướng địa hình, áp thấp và bão.
- D. vĩ độ địa lí, gió mùa và gió thường xuyên, địa hình, dải hội tụ.

Câu 18: Nuôi trồng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay phát triển theo hướng tập trung do tác động chủ yếu của

- A. khai thác hiệu quả thế mạnh, tăng cường xuất khẩu hàng hóa.
- B. sản xuất theo hướng thâm canh, ứng phó với biến đổi khí hậu.
- C. đa dạng hóa cơ cấu kinh tế, phát triển các sản phẩm có giá trị.
- D. chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nhu cầu lớn của thị trường.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Sự thất thường trong chế độ nhiệt chủ yếu diễn ra ở miền Bắc, nơi mà gió mùa Đông Bắc đã mang lại không khí lạnh từ vùng ôn đới, số tháng có nhiệt độ xấp xỉ giá trị trung bình ở vùng Đông Bắc chỉ khoảng 30%, ở đồng bằng Bắc Bộ là 40%, còn ở Tây Bắc và Bắc Trung Bộ được trên 50%. Cường độ thất thường được thể hiện qua sự dao động của nhiệt độ năm lạnh nhất và năm nóng nhất so với trị số trung bình.

- a) Do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên vùng lãnh thổ phía Bắc nước ta có biên độ nhiệt năm thấp.
- b) Do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên vùng lãnh thổ phía Bắc nước ta có biên độ nhiệt năm thấp.
- c) Thời tiết ở miền Bắc vào mùa đông thất thường do gió mùa Đông Bắc, Tín phong bán cầu Bắc, frông.
- d) Gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân chủ yếu làm cho chế độ nhiệt của nước ta có sự phân hóa theo chiều Đông - Tây.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Trong Báo cáo năm 2020 của Viện Nghiên cứu phát triển Du lịch Việt Nam có đưa ra khái niệm: Du lịch xanh là du lịch dựa trên nền tảng khai thác hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên, phát triển gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu.

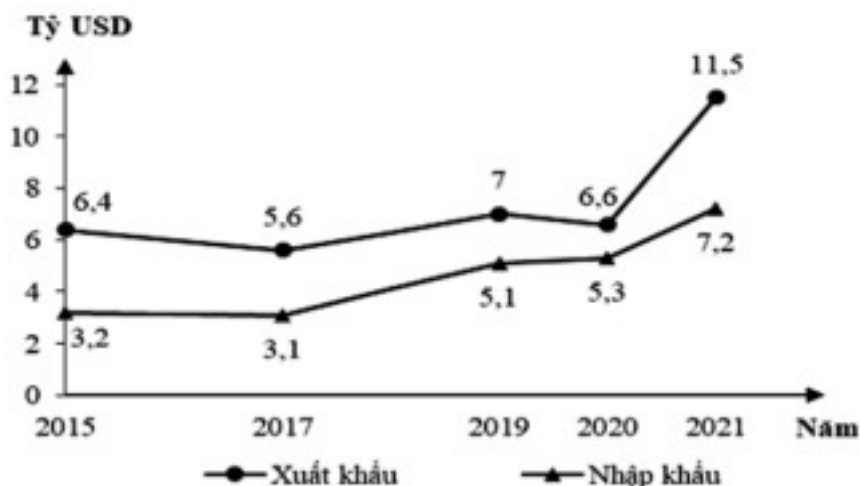
- a) Phát triển du lịch xanh giúp khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường.
- b) Sản phẩm du lịch chịu tác động của nguồn tài nguyên thiên nhiên, văn hóa - nhân văn.
- c) Những nơi kinh tế phát triển, đô thị hoá mạnh, đông dân sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch xanh.
- d) Ngành du lịch nước ta có sự phát triển nhanh trong thời gian gần đây chủ yếu do tác động của nhu cầu tăng, dịch vụ chăm sóc tốt.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Đông Nam Bộ có địa hình tương đối bằng phẳng. Đất badan và đất xám phù sa cổ chiếm khoảng 80% tổng diện tích tự nhiên của vùng. Ngoài ra, trong vùng còn có đất phù sa ở hạ lưu các sông Đồng Nai, Vàm Cỏ, ... Đông Nam Bộ có khí hậu mang tính chất cận xích đạo, nền nhiệt cao, ít thay đổi trong năm, phân thành hai mùa mưa, khô rõ rệt.

- a) Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Bộ thích hợp cho trồng cây công nghiệp nhiệt đới và cận nhiệt.
- b) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đầu tư nghiên cứu giống cây thích nghi với biến đổi khí hậu là giải pháp hàng đầu trong việc chống hạn để phát triển nông nghiệp bền vững.
- c) Đông Nam Bộ có nhiệt độ trung bình năm cao, biên độ nhiệt năm thấp.
- d) Vùng có mùa khô kéo dài do tác động của gió mùa mùa hạ và yếu tố địa hình.

Câu 4: Cho biểu đồ:



Biểu đồ giá trị xuất khẩu, nhập khẩu của Bru-nây, giai đoạn 2015 - 2021

(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2022, <https://www.aseanstats.org>)

- a) Giá trị xuất khẩu năm 2021 so với năm 2015 của Bru-nây tăng chậm hơn nhập khẩu.
- b) Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu năm 2021 so với năm 2015 của Bru-nây có xuất khẩu tăng ít hơn nhập khẩu.
- c) Nhập khẩu năm 2021 so với năm 2015 của Bru-nây tăng gấp hai lần xuất khẩu.

d) Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu của Bru-nây, giai đoạn 2015 – 2021 có nhập khẩu tăng và xuất khẩu giảm.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Số giờ nắng các tháng tại trạm quan trắc Quy Nhơn, năm 2021

(Đơn vị: Giờ)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số giờ nắng	108,4	203,9	260,0	260,7	312,0	270,5	224,1	283,6	184,4	142,1	78,9	101,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết số giờ nắng trung bình các tháng trong năm tại trạm quan trắc Quy Nhơn năm 2021 là bao nhiêu giờ? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng của Hà Nội và Cà Mau năm 2022

(Đơn vị : °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội (Láng)	18,6	15,3	23,1	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8
Cà Mau	27,1	27,9	28,0	28,7	28,6	28,7	27,9	27,8	27,4	27,7	26,7	26,6

Cho biết biên độ nhiệt độ năm của Hà Nội cao hơn của Cà Mau bao nhiêu °C? (làm tròn đến một chữ số thập phân của °C).

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Số dân của nước ta phân theo giới tính, giai đoạn 2010 -2022

(Đơn vị : Triệu người)

Năm	2010	2015	2020	2020
Nam	43,1	45,8	48,6	49,6
Nữ	44,0	46,4	49,0	49,9

Cho biết tỉ số giới tính của nước ta năm 2022 là bao nhiêu % ? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 4: Cho bảng số liệu:

GDP của nước ta giai đoạn 2010 – 2020

(Đơn vị : Tỷ đồng)

Năm	2010	2015	2018	2020
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	421 253	489 989	535 022	565 987
Công nghiệp, xây dựng	904 775	1 778 887	2 561 274	2 955 806

Dịch vụ	1 113 126	2 190 376	2 955 777	3 365 060
---------	-----------	-----------	-----------	-----------

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, năm 2022)

GDP của nước ta năm 2020 tăng thêm bao nhiêu % so với năm 2010 (coi năm 2010 = 100%)? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

Câu 5: Năm 2021, tổng số dân nước ta là 98,5 triệu người, sản lượng điện là 244,9 tỉ kWh. Cho biết sản lượng điện bình quân đầu người của nước ta năm 2021 là bao nhiêu kWh/người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc phân theo thành phần kinh tế ở nước ta giai đoạn 2010 – 2020

(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2010	2016	2018	2020
Tổng số	49124	53345	54282,5	53609,6
Kinh tế Nhà nước	5025	4702	4525,9	4098,4
Kinh tế ngoài Nhà nước	42370	45025	45215,4	44777,4
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	1729	3591	451,2	4733,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Cho biết tỉ trọng lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc trong khu vực ngoài Nhà nước năm 2020 của nước ta gấp bao nhiêu lần khu vực Nhà nước? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân).

----- HẾT -----

ĐỀ 7	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2026 MÔN: ĐỊA LÍ Thời gian: 50 phút
-------------	--

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Phía tây nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào sau đây?

- A. Lào và Thái Lan. B. Cam-pu-chia và Trung Quốc.
C. Lào và Cam-pu-chia. D. Lào và Trung Quốc.

Câu 2: Hoạt động nông nghiệp nào sau đây có nguy cơ cao dẫn tới suy giảm tài nguyên đất?

- A. Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ. B. Tăng cường việc trồng lúa nước.
C. Sử dụng thuốc trừ sâu, phân hóa học. D. Áp dụng nhiều kĩ thuật khác nhau.

Câu 3: Đô thị nào sau đây được hình thành sớm nhất ở nước ta?

- A. Cổ Loa. B. Thăng Long. C. Phú Xuân. D. Hội An.

Câu 4: Người lao động nước ta có nhiều kinh nghiệm sản xuất nhất trong lĩnh vực

- A. công nghiệp. B. thương mại. C. du lịch. D. nông nghiệp.

Câu 5: Nhân tố có tính chất quyết định đến sự phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta là

- A. địa hình đa dạng. B. đất feralit. C. khí hậu nhiệt đới. D. nguồn nước.

Câu 6: Đường dây tải điện siêu cao áp 500 KV Bắc - Nam nối hai địa điểm nào sau đây?

- A. Hòa Bình - Cà Mau.
- B. Lạng Sơn - Cà Mau.
- C. Lai Châu - Cần Thơ.
- D. Hà Nội - Cần Thơ.

Câu 7: Vận tải đường thủy nội địa nước ta phát triển nhất trên hệ thống đường thủy nội địa nước ta hiện nay?

- A. sông Thái Bình.
- B. sông Mê Công – sông Đồng Nai.
- C. sông Mã – sông Cả.
- D. sông Hồng.

Câu 8: Nhóm đất phèn ở Đồng bằng sông Cửu Long phân bố tập trung chủ yếu ở

- A. dọc sông Tiền và sông Hậu.
- B. hạ lưu sông Tiền và sông Hậu.
- C. Đồng Tháp Mười, Hà Tiên, vùng trũng Cà Mau.
- D. ven Biển Đông và vịnh Thái Lan.

Câu 9: Hướng phát triển nào sau đây **không** đúng đối với các cây trồng chủ lực của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trong thời gian tới?

- A. Hình thành các vùng đa canh.
- B. Hình thành vùng chuyên canh quy mô lớn.
- C. Sản xuất gắn với công nghiệp chế biến.
- D. Sản xuất nông nghiệp hàng hoá chất lượng cao.

Câu 10: Thế mạnh về tự nhiên nào sau đây tạo cho Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông?

- A. Có một mùa đông lạnh.
- B. Có đất phù sa màu mỡ.
- C. Có nguồn nước dồi dào.
- D. Có địa hình bằng phẳng.

Câu 11: Hướng phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ **không** phải là

- A. phát triển kinh tế biển xanh và bền vững.
- B. bảo vệ nguồn lợi, thích ứng với biến đổi khí hậu.
- C. phát triển gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng.
- D. tập trung khai thác gần bờ gắn với chế biến.

Câu 12: Nhận xét nào sau đây đúng về đặc điểm dân số vùng Đông Nam Bộ?

- A. Dân số trung bình, mật độ dân số thấp nhất cả nước.
- B. Dân số đông, tỉ lệ dân số thành thị thấp nhất cả nước.
- C. Dân số đông, tỉ lệ dân số thành thị cao nhất cả nước.
- D. Dân số ít, tỉ lệ dân số thành thị cao nhất cả nước.

Câu 13: Kiểu thời tiết lạnh ẩm xuất hiện vào nửa sau mùa đông ở miền Bắc nước ta là do

- A. gió mùa đông đi qua lục địa phương Bắc.
- B. khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương.
- C. khối khí lạnh di chuyển lệch đông qua biển.
- D. ảnh hưởng của gió mùa mùa hạ đến sớm.

Câu 14: Cho bảng số liệu:

Số lượt hành khách vận chuyển phân theo loại hình kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 – 2021

(Đơn vị: triệu lượt người)

Năm	2010	2015	2020	2021
Nhà nước	437,1	522,8	358,2	259,2
Ngoài Nhà nước	1 863,0	2 770,0	3 090,1	2 245,2
Có vốn đầu tư nước ngoài	15,1	17,7	18,1	15,1

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022, tr.859)

Căn cứ bảng số liệu trên, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu số lượt hành khách vận chuyển phân theo loại hình kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 – 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Miền. C. Đường. D. Kết hợp.

Câu 15: Kim ngạch xuất, nhập khẩu của nước ta liên tục tăng chủ yếu do

- A. thị trường thế giới ngày càng mở rộng và hàng hoá đa dạng.
 B. có nhiều thành phần kinh tế tham gia và sản xuất phát triển.
 C. tăng cường nhập khẩu tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng.
 D. sự phát triển kinh tế và những đổi mới trong cơ chế quản lí.

Câu 16: Để phòng chống thiên tai ở Bắc Trung Bộ, biện pháp quan trọng nhất là

- A. xây hồ chứa nước để chống khô hạn và xây dựng đê, kè.
 B. bảo vệ, phát triển rừng đầu nguồn và trồng rừng ven biển.
 C. xây đê, kè chắn sóng và trồng rừng ven biển.
 D. phòng chống cháy rừng và trồng rừng ven biển.

Câu 17: Quá trình phong hóa hóa học tham gia vào việc làm biến đổi bề mặt địa hình hiện tại của nước ta được biểu hiện ở

- A. hiện tượng bào mòn, rửa trôi. B. thành tạo địa hình cac-xtơ.
 C. đất trượt, đá lở ở sườn dốc. D. hiện tượng xâm thực mạnh.

Câu 18: Sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long chủ yếu là

- A. du lịch nghỉ dưỡng và du lịch biên giới gắn với cửa khẩu.
 B. du lịch biển, đảo, sinh thái miệt vườn, du lịch văn hóa lễ hội.
 C. nghiên cứu sinh thái, tham quan di sản, di tích lịch sử văn hóa.
 D. kết hợp du lịch với nghiên cứu bản sắc văn hóa, du lịch mạo hiểm.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau: Dãy Hoàng Liên Sơn tạo nên sự khác biệt giữa vùng núi Tây Bắc với vùng núi Đông Bắc. Trong khi vùng núi Đông Bắc mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa thì vùng núi thấp Tây Bắc có cảnh quan nhiệt đới ẩm gió mùa và vùng núi cao cảnh quan giống như vùng ôn đới.

- a) Vùng núi Đông Bắc có một mùa đông lạnh đến sớm và kết thúc muộn.
 b) Vùng núi Tây Bắc ít lạnh hơn trong mùa đông do bức chắn địa hình là dãy Hoàng Liên Sơn.

c) Sự phân hóa thiên nhiên của vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc chủ yếu là do địa hình kết hợp với hướng gió.

d) Chủ yếu do đặc điểm địa hình và vị trí địa lí nên thiên nhiên vùng núi Đông Bắc có sự phân hóa theo độ cao rõ rệt.

Câu 2: Cho thông tin sau: Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2022 ước tính đạt 5 363,3 nghìn tỉ đồng, tăng 21,7 % so với năm 2021. Xét theo ngành kinh doanh, bán lẻ hàng hoá đạt 4 202,5 nghìn tỉ đồng, chiếm 78,3 % tổng mức và tăng 15,5 % so với năm trước; dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 565,9 nghìn tỉ đồng, chiếm 10,6 % và tăng 55,2 %; dịch vụ và du lịch đạt 594,9 nghìn tỉ đồng, chiếm 11,1 % và tăng 47,3 %. Đến thời điểm 31/12/2022, cả nước có 8 517 chợ, giảm 32 chợ so với năm 2021; 1 241 siêu thị, tăng 74 siêu thị và 258 trung tâm thương mại, tăng 4 trung tâm.

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022, tr.711)

a) Ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống chiếm nhỏ nhất, tăng nhiều nhất.

b) So với năm 2021, năm 2022 các nhóm ngành kinh doanh đều tăng.

c) So với năm 2021, năm 2022 số chợ, siêu thị và trung tâm thương mại đều tăng.

d) So với năm 2021, năm 2022 nội thương của nước ta tăng không đáng kể.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta, được bồi tụ phù sa bởi hệ thống sông Mê Công và phù sa biển. Địa hình thấp và khá bằng phẳng. Vùng có ba mặt giáp biển, trên bề mặt đồng bằng có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, thuận lợi cho nhiều hoạt động kinh tế.

a) Nhóm đất phổ biến của vùng Đồng bằng sông Cửu Long là nhóm đất phù sa.

b) Địa hình kết hợp với đất đai đã tạo thuận lợi cho vùng quy hoạch sản xuất lương thực, thực phẩm quy mô lớn.

c) Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều thuận lợi cho việc phát triển tổng hợp kinh tế biển, đặc biệt là ngành thủy sản và giao thông vận tải biển.

d) Đồng bằng sông Cửu Long là vùng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, làm gia tăng những hiện tượng thời tiết cực đoan, tình trạng xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt vào mùa khô ngày càng nghiêm trọng.

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Diện tích lúa cả năm phân theo mùa vụ của nước ta, giai đoạn 2018 - 2021

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm		2018	2020	2021
Tổng số		7 570,9	7 278,9	7 238,9
Trong đó	Lúa đông xuân	3 102,8	3 024,0	3 006,8
	Lúa hè thu và thu đông	2 784,8	2 669,1	2 673,5
	Lúa mùa	1 683,3	1 585,8	1 558,5

- a) Tổng diện tích lúa, diện tích lúa đông xuân tăng, lúa hè thu và thu đông giảm.
 b) Diện tích lúa mùa giảm nhiều nhất và nhanh nhất trong các vụ lúa ở nước ta.
 c) Tỷ trọng diện tích lúa đông xuân luôn lớn nhất và có xu hướng tăng lên.
 d) Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện quy mô và cơ cấu diện tích lúa cả năm phân theo mùa vụ của nước ta qua các năm.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng trong năm tại Hà Nội năm 2021

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	16,9	20,9	22,5	25,6	29,7	31,6	30,8	30,5	28,7	24,6	22,5	19,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết nhiệt độ trung bình năm tại Hà Nội năm 2021 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của $^{\circ}\text{C}$)

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng năm 2022 tại Vinh

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	27,4	77,2	68,8	110,8	280,7	63,8	255,6	166,3	1166,7	352,0	718,6	47,2

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa trong mùa mưa tại Vinh năm 2022? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

Câu 3: Năm 2023, tổng số dân của Đồng bằng sông Cửu Long là 17,5 triệu người, tỷ lệ dân thành thị của vùng là 27,4%. Tính tổng số dân nông thôn của vùng năm 2023. (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của triệu người)

Câu 4: Tổng giá trị xuất nhập khẩu của nước ta năm 2022 là 732 tỉ USD, trong đó trị giá xuất khẩu so với trị giá nhập khẩu là 103,3%. Tính giá trị xuất khẩu của nước ta năm 2022. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

Câu 5: Cho bảng số liệu sau:

Diện tích gieo trồng và sản lượng lúa nước ta giai đoạn 2010 – 2023

Năm	2010	2015	2020	2023
Chỉ số				

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính năng suất lúa của nước ta năm 2023. (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của ta/ha)

Câu 6: Biết tổng diện tích rừng của nước ta năm 2021 là 14,7 triệu ha, diện tích rừng tự nhiên là 10,1 triệu ha. Hãy cho biết tỉ lệ diện tích rừng tự nhiên trong tổng diện tích rừng cả nước là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %)

ĐỀ 8	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2026 MÔN: ĐỊA LÍ <i>Thời gian: 50 phút</i>
-------------	---

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Vùng đất của nước ta bao gồm

- A.** đất liền và hải đảo.
- B.** đất liền và nội thủy.
- C.** hải đảo và lãnh hải.
- D.** lãnh hải và nội thủy.

Câu 2: Bao ở nước ta thường kèm theo thiên tai nào sau đây?

- A.** Đông đất. **B.** Ngập lụt. **C.** Hạn hán. **D.** Cháy rừng.

Câu 3: Mạng lưới đô thị nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A.** Phân bố rộng khắp trên cả nước.
- B.** Chủ yếu là đô thị loại đặc biệt.
- C.** Mật độ cao ở vùng đồng bằng.
- D.** Khác nhau giữa các vùng kinh tế.

Câu 4: Vùng kinh tế nào sau đây có mật độ dân số cao nhất nước ta?

- A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Đông Nam Bộ.

Câu 5: Cây công nghiệp nào sau đây có nguồn gốc cận nhiệt đới?

- A.** Cao su. **B.** Chè. **C.** Bông. **D.** Hồ tiêu.

Câu 6: Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu sản lượng điện nước ta là

- A.** nhiệt điện. **B.** thủy điện. **C.** điện mặt trời. **D.** điện gió.

Câu 7: Đầu mối giao thông vận tải lớn nhất miền Trung nước ta là

- A.** Đà Nẵng. **B.** Quy Nhơn. **C.** Nha Trang. **D.** Đồng Hới.

Câu 8: Nghỉ dưỡng biển đảo gắn với di sản là sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng du lịch nào sau đây ?

- A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông cửu Long. **D.** Đông Nam Bộ.

Câu 9: Trung du và miền núi Bắc Bộ dẫn đầu cả nước về số lượng vật nuôi nào sau đây?

- A. Trâu. B. Bò. C. Cừu. D. Gà.

Câu 10: Vườn quốc gia nào sau đây nằm ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Tam Đảo. B. Cát Tiên. C. Phú Quốc. D. Núi Chúa.

Câu 11: Giao thông vận tải đường biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển mạnh dựa trên thuận lợi nào sau đây?

- A. trữ lượng hải sản lớn. B. đường bờ biển cắt xẻ mạnh.
C. độ mặn nước biển cao. D. khí hậu ổn định quanh năm.

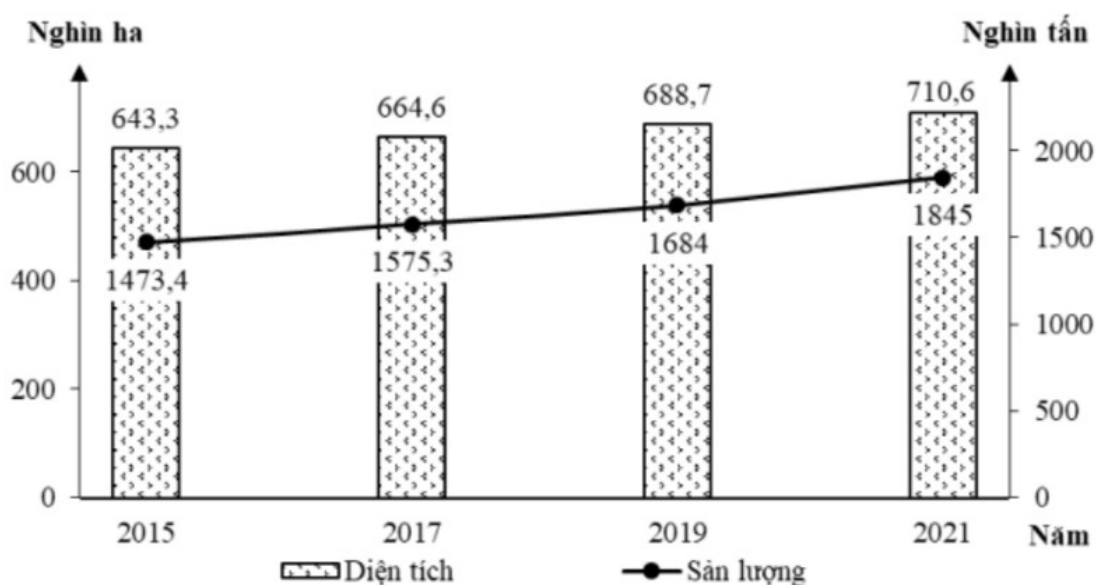
Câu 12: Loại khoáng sản nào sau đây có trữ lượng lớn ở Đông Nam Bộ?

- A. Dầu mỏ. B. Than đá. C. Bô-xít. D. Đất hiếm.

Câu 13: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho quá trình xâm thực diễn ra mạnh ở vùng núi nước ta?

- A. Mưa lớn, địa hình dốc, mất lớp phủ thực vật.
B. Nhiệt độ cao, đồi núi thấp, diện tích rừng giảm.
C. Đất đá bờ rời, đồi núi thấp, sông ngòi dày đặc.
D. Mưa theo mùa, nhiều núi cao, tốc độ gió lớn.

Câu 14: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ diện tích, sản lượng cà phê nước ta giai đoạn 2015 - 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Diện tích cà phê có tốc độ tăng nhanh hơn sản lượng cà phê.
B. Diện tích và sản lượng cà phê đều tăng trong giai đoạn trên.
C. Diện tích tăng liên tục, tăng 76,3 nghìn ha giai đoạn 2015 - 2021.
D. Năng suất cà phê có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn sản lượng.

Câu 15: Trị giá xuất khẩu của nước ta tăng nhanh chủ yếu do

- A. nhiều thành phần tham gia, hàng hóa dồi dào.
B. tăng cường đầu tư, đổi mới công tác quản lý.
C. sản xuất phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng.

D. giao thông phát triển, liên kết nhiều quốc gia.

Câu 16: Ý nghĩa của việc đẩy mạnh đánh bắt xa bờ ở Bắc Trung Bộ là

A. phát triển kinh tế, bảo vệ chủ quyền vùng biển đảo.

B. tăng cường khai thác tài nguyên, nâng cao thu nhập.

C. nâng cao vị thế của vùng, tạo thêm nhiều việc làm.

D. thúc đẩy du lịch quốc tế và giao thông vận tải biển.

Câu 17: Ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tới ngành du lịch nước ta là

A. sản phẩm đa dạng, nhiều di sản thiên nhiên thế giới, chi phí bảo tồn lớn.

B. diễn ra quanh năm, có tính mùa vụ, nhiều tài nguyên du lịch nhân văn.

C. tăng trưởng nhanh, thu hút nhiều khách quốc tế, phát triển đều ở các vùng.

D. doanh thu ổn định, sản phẩm đặc trưng theo vùng, nhiều trung tâm lớn.

Câu 18: Giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. áp dụng công nghệ hiện đại, phát triển công nghiệp chế biến, đổi mới phương tiện.

B. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, ứng dụng công nghệ định vị cá, tăng cường thu hút đầu tư.

C. nâng cao trình độ lao động, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cấp hệ thống cảng cá.

D. đẩy mạnh công nghiệp chế biến, tăng cường hợp tác quốc tế, phát triển thương hiệu.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Nhiệt độ trung bình năm của cả nước trên 20°C (trừ vùng núi cao), tổng giờ nắng là 1400 - 3000 giờ. Lượng mưa trung bình năm 1500 - 2000mm, những vùng núi cao đón gió lượng mưa có thể lên tới 3500 – 4000mm, độ ẩm không khí trung bình khoảng 80-85%. Trong năm nước ta có hai mùa gió là gió mùa đông và gió mùa hạ.

a) Nội dung trên thể hiện đặc điểm khí hậu nước ta là nhiệt đới ẩm gió mùa.

b) Những khu vực núi cao và sườn đón gió có lượng mưa rất lớn.

c) Nhiệt độ trung bình năm ở các vùng núi cao thấp hơn mức trung bình cả nước chủ yếu do ảnh hưởng của hướng địa hình.

d) Gió mùa đông ảnh hưởng đến khu vực đồng bằng Bắc Bộ là gió mùa Đông Bắc và Tín phong Bắc bán cầu.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Trồng trọt là ngành sản xuất chính trong nông nghiệp nước ta hiện nay với giá trị sản xuất chiếm 60,8% giá trị sản xuất nông nghiệp cả nước (năm 2021). Ngoài việc cung cấp các nông sản cho nền kinh tế, xuất khẩu và đảm bảo đời sống nhân dân, ngành trồng trọt cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, thông qua việc áp dụng các phương pháp canh tác thông minh gắn với nông nghiệp sinh thái, sử dụng phân bón hữu cơ, tối ưu hóa việc sử dụng nguồn nước...

a) Ngành trồng trọt có tỉ trọng lớn nhất trong sản xuất nông nghiệp nước ta.

b) Trồng trọt cung cấp nguồn lương thực cần thiết và các loại thực phẩm, các chất đạm bổ dưỡng cho bữa ăn hàng ngày của người dân.

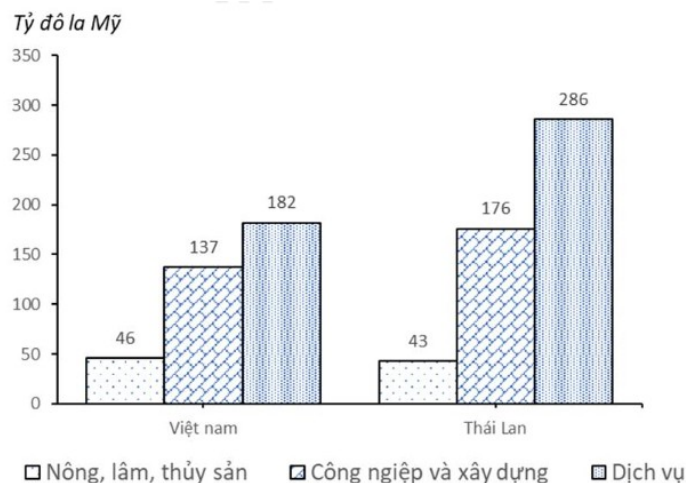
- c) Việc sử dụng nhiều phân bón, máy móc tự động trong nông nghiệp góp phần phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.
- d) Các phương pháp canh tác thông minh trong nông nghiệp bao gồm sử dụng mô hình tưới phun sương tự động, máy bay nông nghiệp, robot trồng cây... giúp bảo vệ và cải thiện chất lượng đất, nước, tạo ra các sản phẩm chất lượng cao.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Tây Nguyên là vùng có trữ năng thủy điện lớn thứ hai cả nước, chỉ đứng sau vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Trong những năm qua, việc xây dựng các nhà máy thủy điện trên các bậc thang thủy điện đã góp phần cung cấp điện năng cho nội vùng Tây Nguyên và các vùng lân cận, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường, góp phần đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống người dân. Ngoài ra, việc phát triển thủy điện còn có ý nghĩa trong phát triển du lịch và nuôi thủy sản ở Tây Nguyên.

- a) Trữ năng thủy điện của Tây Nguyên chiếm hơn 50% trữ năng thủy điện cả nước.
- b) Tây Nguyên hình thành được nhiều bậc thang thủy điện giúp tiết kiệm chi phí, chủ yếu do đặc điểm cấu trúc địa hình.
- c) Việc khai thác tiềm năng thủy điện góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho Tây Nguyên phát triển cơ cấu kinh tế đa dạng, thúc đẩy tốc độ tăng trưởng, tạo tiền đề cho quá trình sát nhập nhiều tỉnh với vùng Đông Nam Bộ.
- d) Nhiều dòng sông ở Tây Nguyên là phụ lưu của hệ thống sông Mê Công, nên mục đích chủ yếu của việc xây dựng các hồ thủy điện ở Tây Nguyên là đảm bảo cung cấp nước vào mùa khô, phát triển du lịch, nuôi trồng thủy sản đồng thời giúp điều tiết chế độ nước cho hệ thống sông Cửu Long.

Câu 4: Cho biểu đồ:



Biểu đồ tổng sản phẩm trong nước (GDP) phân theo ngành kinh tế của Việt Nam và Thái Lan năm 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thông kê 2024)

- a) Giá trị ngành dịch vụ trong GDP của Việt Nam lớn hơn Thái Lan.
- b) Tỷ trọng ngành dịch vụ trong GDP của Việt Nam nhỏ hơn Thái Lan.
- c) Tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Thái Lan gấp hai lần Việt Nam.
- d) Việt Nam và Thái Lan đều có ngành nông, lâm, thủy sản chiếm tỉ trọng nhỏ nhất.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại trạm quan trắc Nam Định và Cà Mau năm 2022

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nam Định	18,1	15,1	22,5	23,9	26,4	30,4	29,9	29,0	28,1	24,8	24,8	17,0
Cà Mau	27,1	27,9	28,0	28,7	28,6	28,7	27,9	27,8	27,4	27,4	27,7	26,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt năm 2022 tại trạm quan trắc Nam Định cao hơn biên độ nhiệt năm 2022 tại trạm quan trắc Cà Mau là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Lưu lượng nước trung bình tháng của sông Hồng tại trạm Hà Nội năm 2023

(Đơn vị: m³/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu Lượng	1455	1343	1215	1522	2403	4214	7300	7266	5181	3507	2240	1517

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho lưu lượng nước trung bình của sông Hồng tại trạm Hà Nội là bao nhiêu m³/s. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 3: Năm 2021, dân số nam của Việt Nam là 49 092 700 người còn dân số nữ của nước ta là 49 411 700 người. Hãy cho biết tỉ lệ giới tính nam của nước ta năm 2021 là bao nhiêu phần trăm. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4: Năm 2021, tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của nước ta là 668,5 tỉ USD, trong đó trị giá nhập khẩu là 332,2 tỉ USD. Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2021 là bao nhiêu tỉ USD. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 5: Năm 2021, khối lượng vận chuyển hàng hoá của loại hình giao thông đường biển nước ta là 69 639,0 nghìn tấn, khối lượng luân chuyển hàng hoá của loại hình giao thông đường biển nước ta là 152 277,2 triệu tấn.km. Hãy cho biết cự li vận chuyển trung bình của loại hình vận tải này là bao nhiêu km (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2010 – 2021

(Đơn vị: nghìn tấn)

Tiêu chí	Năm	2010	2021
Sản lượng hải sản khai thác		707,2	1167,9
Trong đó: Cá biển		516,9	966,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng sản lượng khai thác cá biển trong sản lượng hải sản khai thác năm 2021 so với năm 2010 tăng thêm bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

----- HẾT -----

ĐỀ 9**ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2026****MÔN: ĐỊA LÍ***Thời gian: 50 phút*

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.
Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Phần đất liền của lãnh thổ nước ta tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

- A. Thái Lan. B. Ma-lai-xi-a. C. Campuchia. D. Mi-an-ma.

Câu 2: Biện pháp hạn chế thiệt hại do bão gây ra ở vùng đồng bằng nước ta là

- A. xây hồ thủy điện ở thượng nguồn. B. sơ tán dân đến nơi an toàn.
 C. chống hạn mặn vùng ven biển. D. mở rộng đô thị vừa và nhỏ.

Câu 3: Thành phố nào sau đây của nước ta **không** thuộc đô thị trực thuộc Trung ương?

- A. Cần Thơ. B. Hạ Long. C. Hà Nội. D. Đà Nẵng.

Câu 4: Nguồn lao động ở nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

- A. Có tác phong công nghiệp rất cao. B. Lao động đã qua đào tạo giảm.
 C. Ít có khả năng hội nhập quốc tế. D. Tỷ lệ lao động ở nông thôn giảm.

Câu 5: Bò lấy sữa được nuôi với quy mô lớn trên các vùng

- A. cao nguyên. B. đồng bằng. C. núi cao. D. ven biển.

Câu 6: Nhà máy điện khí nào sau đây có công suất lớn nhất ở nước ta hiện nay?

- A. Phú Mỹ 1. B. Nhơn Trạch 1. C. Phả Lại 2. D. Ô Môn 1.

Câu 7: Loại hình vận tải có tốc độ phát triển và hiện đại hóa nhanh ở nước ta hiện nay là

- A. đường bộ. B. đường hàng không. C. đường biển. D. đường sắt.

Câu 8: Trung tâm du lịch nào sau đây có ý nghĩa quốc gia?

- A. Phan Thiết. B. Hạ Long.
 C. Thành phố Hồ Chí Minh D. Buôn Ma Thuột.

Câu 9: Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh kinh tế nào sau đây?

- A. Phát triển điện khí. B. Phát triển điện gió.
 C. Phát triển địa nhiệt. D. Phát triển thủy điện.

Câu 10: Hiện nay, huyện đảo nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Vân Đồn. B. Phú Quý. C. Cồn Cỏ. D. Bạch Long Vĩ.

Câu 11: Duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện thuận lợi để xây dựng cảng biển nhờ có

- A. Vùng biển rộng, khí hậu thuận lợi, hải sản phong phú.
 B. Nhiệt độ cao, nắng quanh năm, có nhiều con sông lớn.
 C. Đường bờ biển dài, nhiều vũng vịnh nước sâu kín gió.
 D. Nhiều bãi biển đẹp, nhiều dãy núi chạy sát ra bờ biển.

Câu 12: Hiện nay, Đông Nam Bộ đứng đầu cả nước về

- A. tổng trị giá xuất nhập khẩu. B. số lượng đàn gia súc lớn.

C. diện tích cây lương thực.

D. sản lượng thủy sản khai thác.

Câu 13: Quá trình feralit là quá trình hình thành đất chủ yếu ở nước ta do nguyên nhân nào sau đây?

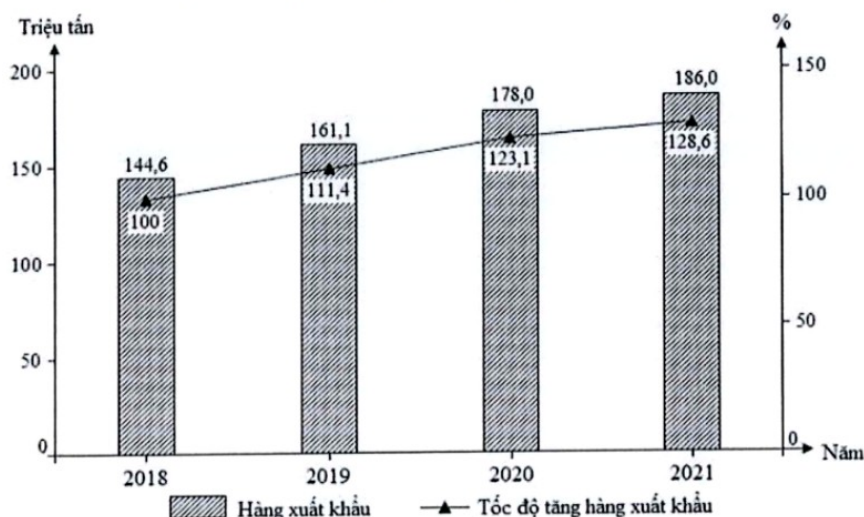
A. Địa hình chủ yếu là đồng bằng thấp.

B. vị trí tiếp giáp với biển Đông rộng lớn.

C. Khí hậu nhiệt đới ẩm, nhiều đồi núi thấp.

D. Tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương.

Câu 14: Cho biểu đồ về hàng xuất khẩu qua các cảng của nước ta giai đoạn 2018-2021



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

A. Tốc độ tăng hàng xuất khẩu có xu hướng giảm nhanh.

B. Hàng xuất khẩu tăng 41,4 triệu tấn từ năm 2018-2021.

C. Hàng xuất khẩu tăng nhanh nhưng không liên tục.

D. Tốc độ tăng hàng xuất khẩu năm 2020 thấp nhất.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây **không đúng** với ngoại thương ở nước ta hiện nay?

A. Trị giá xuất khẩu hàng hóa tăng nhanh.

B. Trị giá nhập khẩu hàng hóa tăng liên tục.

C. Thị trường nhập khẩu ngày càng thu hẹp.

D. Thị trường xuất khẩu ngày càng mở rộng.

Câu 16: Vùng Bắc Trung Bộ đẩy mạnh đánh bắt xa bờ là để

A. nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản và bảo vệ môi trường biển.

B. chú trọng ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại.

C. tăng cường chế biến thủy sản và mở rộng thị trường tiêu thụ.

D. mở rộng diện tích nuôi trồng và áp dụng khoa học công nghệ.

Câu 17: Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên nước ta theo chiều Bắc-Nam **không có** ảnh hưởng nào sau đây đến phát triển kinh tế?

A. Tạo sự đa dạng về cơ cấu cây trồng vật nuôi theo Bắc-Nam.

B. Phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả cận nhiệt ở phía Bắc.

C. Phát triển chuyên canh cây công nghiệp nhiệt đới ở phía Nam.

D. Giảm tính liên kết trong phát triển kinh tế giữa các vùng miền.

Câu 18: Giải pháp để phát triển và mang lại hiệu quả kinh tế cao trong chăn nuôi ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đẩy mạnh thâm canh, liên kết vùng sản xuất, ứng phó biến đổi khí hậu.
- B. mở rộng diện tích đất trồng, đảm bảo nước tưới, thu hút vốn đầu tư.
- C. áp dụng công nghệ mới, phát triển chế biến và thị trường tiêu thụ.
- D. quy hoạch vùng sản xuất, mở rộng thị trường, xây dựng thương hiệu.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Hệ sinh thái tiêu biểu ở phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là rừng nhiệt đới gió mùa. Mùa đông có nhiều loài cây rụng lá, mùa hạ cây cối phát triển xanh tốt. Trong rừng có thành phần loài nhiệt đới chiếm ưu thế, ngoài ra còn có các loài cây cận nhiệt và ôn đới như dẻ, re, sa mu, pơ mu,...; các loài thú có lông dày như gấu, chồn,... Vào mùa đông, ở đồng bằng trồng được các loại cây vụ đông.

- a) Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta chỉ có các loài nhiệt đới.
- b) Mùa đông lạnh không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp ở phía Bắc nước ta.
- c) Sự phân bố các loài cây như dẻ, re, sa mu ở phía Bắc cho thấy ảnh hưởng của điều kiện khí hậu đa dạng.
- d) Nhiều loài cây rụng lá vào mùa đông, trong rừng có các loài thú có lông dày là do phần lãnh thổ phía Bắc khí hậu có một mùa đông lạnh.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Dịch vụ là những hoạt động mang tính xã hội tạo ra các sản phẩm nhằm thỏa mãn các nhu cầu sản xuất và đời sống của con người nên có cơ cấu ngành đa dạng và phức tạp. Việc phân chia các ngành dịch vụ hiện nay dựa vào các hoạt động dịch vụ diễn ra trong thực tế với ba nhóm: dịch vụ kinh doanh, dịch vụ tiêu dùng và dịch vụ công. Ở nước ta, dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế và phát triển ngày càng đa dạng.

- a) Dịch vụ góp phần quan trọng trong thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.
- b) Cơ cấu ngành dịch vụ ở nước ta ngày càng đa dạng.
- c) Thể dục thể thao, du lịch, y tế, giáo dục thuộc nhóm ngành dịch vụ kinh doanh.
- d) Hệ thống chính sách cùng sự phát triển mạnh mẽ khoa học - công nghệ tạo nên sự đa dạng về cơ cấu ngành dịch vụ nước ta.

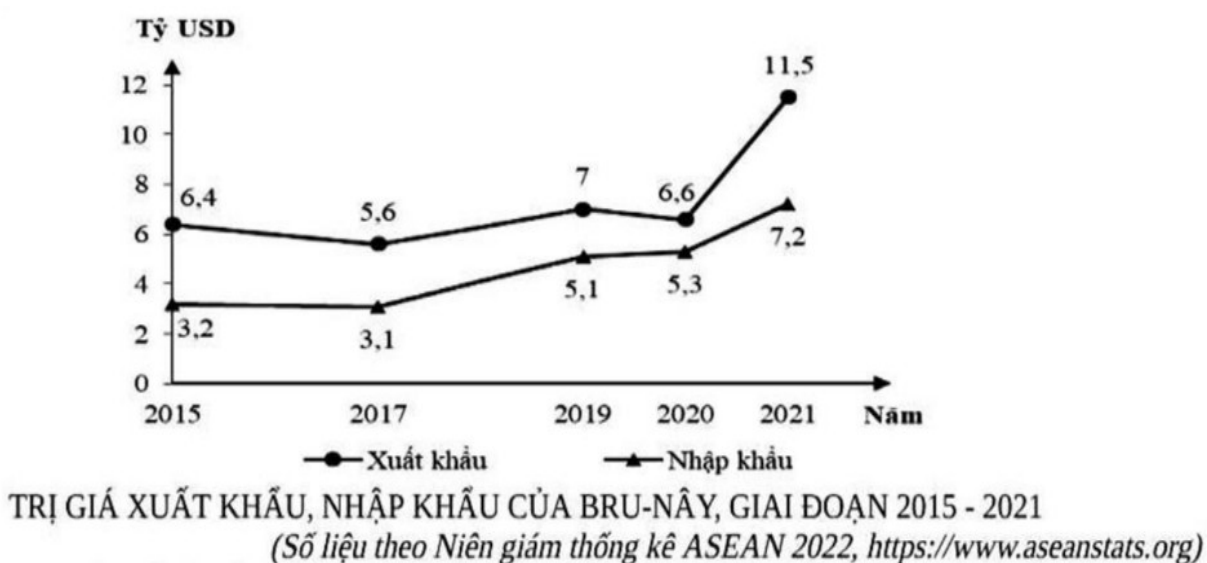
Câu 3: Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đồng bằng phì nhiêu, được coi là vừa lúa, vừa trái cây, vừa thủy sản của đất nước, nhưng Đồng bằng sông Cửu Long lại đang đứng trước nạn hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở do biến đổi khí hậu gây ra. Từ đó, đã và đang gây ra nhiều tác động đáng lo ngại đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại Việt Nam.

- a) Đồng bằng sông Cửu Long là vùng ít chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thiên tai.
- b) Diện tích canh tác nông nghiệp sử dụng nguồn nước ngọt như lúa, hoa màu, cây ăn trái và nuôi trồng thủy sản sẽ bị thu hẹp, năng suất và sản lượng sẽ suy giảm.
- c) Tăng cường khai thác và sử dụng nguồn năng lượng hóa thạch của vùng như dầu khí, than bùn là giải pháp để giảm thiểu nguồn phát thải khí nhà kính.

d) Điều chỉnh cơ cấu mùa vụ, thay đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, nâng cấp hệ thống thủy lợi là giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu cho vùng.

Câu 4: Cho biểu đồ:



- a) Năm 2021, Bru-nây có cán cân thương mại xuất siêu với trị giá cao nhất.
b) Từ năm 2015 đến năm 2021, Bru-nây có cán cân thương mại xuất siêu.
c) Trị giá xuất khẩu và trị giá nhập khẩu của Bru-nây có biến động trong giai đoạn 2015 - 2021. d) Năm 2021 so với năm 2015, trị giá nhập khẩu của Bru-nây tăng chậm hơn trị giá xuất khẩu.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng tại trạm quan Trắc Đà Nẵng, năm 2021

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	20,3	22,3	25,8	27,5	29,6	31,1	30,9	30,8	27,8	26,8	25,1	22,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB thống kê 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ không khí trung bình năm 2021 tại trạm quan trắc Đà Nẵng là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Mực nước một số sông chính ở nước ta năm 2022

(Đơn vị: cm)

Mực nước	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà (trạm Hòa Bình)	1813	777
Sông Hồng (trạm Hà Nội)	726	24

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022, sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Đà tại trạm Hòa Bình cao hơn so với sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Hồng tại trạm Hà Nội là bao nhiêu cm.

Câu 3: Năm 2022, khu vực thành thị của nước ta có tỉ suất sinh thô là 14,2% tỉ suất chết thô là 5,0%. Tỉ suất tăng dân số tự nhiên của khu vực thành thị nước ta là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Câu 4: Năm 2023, tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ của nước ta là 49,4 tỉ USD, trong đó trị giá xuất khẩu là 20,3 tỉ USD. Hãy cho biết tỉ trọng trị giá nhập khẩu của nước ta trong tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5: Năm 2023, sản lượng lương thực có hạt của nước ta là 47,9 triệu tấn, dân số 100,3 triệu người. Hãy cho biết sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người của nước ta là bao nhiêu kg/người (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Diện tích một số cây công nghiệp lâu năm và diện tích cây cà phê của Tây Nguyên năm 2010 và năm 2021

(Đơn vị: Nghìn ha)

Tiêu chí	Năm	2010	2021
Diện tích một số cây công nghiệp lâu năm		877,2	1074,9
Diện tích cây cà phê		526,7	657,4

(Nguồn: Cục thống kê năm 2021, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng diện tích cây cà phê trong tổng diện tích một số cây công nghiệp lâu năm của Tây Nguyên năm 2021 so với năm 2010 tăng thêm bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

ĐỀ 10	ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2026 MÔN: ĐỊA LÍ <i>Thời gian: 50 phút</i>
--------------	---

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.
Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Biện pháp chủ yếu thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm cây ăn quả nước ta là

- A. hoàn thiện mẫu mã, phát triển giao thông.
- B. mở rộng thị trường, đa dạng hóa cây trồng.
- C. nâng cao chất lượng, đẩy mạnh quảng bá.
- D. phát triển chế biến, xây dựng thương hiệu.

Câu 2: Dân cư nước ta hiện nay

- A. tập trung chủ yếu ở đồng bằng.
- B. gia tăng dân số tự nhiên rất cao.
- C. quy mô dân số có xu hướng giảm.
- D. phân bố đều khắp giữa các vùng.

Câu 3: Đất feralit ở nước ta có màu đỏ vàng chủ yếu do

- A. tích tụ ôxit sắt và ôxit nhôm.
- B. quá trình tích tụ mùn mạnh.

C. quá trình phong hóa mạnh mẽ.

D. rửa trôi các chất bado dễ tan.

Câu 4: Khả năng mở rộng diện tích đất nông nghiệp ở đồng bằng không nhiều chủ yếu là do

A. lịch sử khai thác lâu đời, đất bạc màu không thể cải tạo được.

B. dân số đông, bình quân đất nông nghiệp theo đầu người thấp.

C. đất chưa sử dụng còn ít, sức ép công nghiệp hóa và đô thị hóa.

D. diện tích đất phù sa nhỏ, sức ép công nghiệp hóa và đô thị hóa.

Câu 5: Mục đích chính của việc hình thành và phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất ở nước ta là

A. nhận sự hỗ trợ vốn đầu tư, chuyển giao công nghệ từ nhóm nước kinh tế phát triển.

B. tạo mặt hàng xuất khẩu chủ lực thu ngoại tệ, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

C. thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, tạo việc làm cho lực lượng lao động đông đảo.

D. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu.

Câu 6: Sản lượng thủy sản khai thác có tốc độ tăng chậm hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng chủ yếu là do

A. gặp khó khăn về phương tiện, nguồn lợi hải sản ven bờ suy giảm, thiên tai.

B. thị trường tiêu thụ nhỏ, có ít tiềm năng để đánh bắt thủy sản ở ngoài khơi.

C. điều kiện tự nhiên không thích hợp cho đánh bắt, ngư dân ít kinh nghiệm.

D. vốn đầu tư ít, điều kiện tự nhiên không thuận lợi, bão thường xuyên xảy ra.

Câu 7: Đô thị nước ta hiện nay có sự chuyển dịch cơ cấu lao động rõ rệt chủ yếu do

A. tập trung nhiều khu công nghiệp, tăng cường sự liên kết, hợp tác quốc tế.

B. tập trung nhiều lao động, hấp dẫn đầu tư, nhu cầu tìm việc làm dễ dàng.

C. ngành nghề đa dạng, cơ sở hạ tầng tốt, thu hút lao động chất lượng cao.

D. công nghiệp phát triển, đô thị hóa mở rộng, thu hút nhiều loại vốn đầu tư.

Câu 8: Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta hiện nay

A. tương ứng với quá trình hiện đại hóa.

B. hình thành nên các khu kinh tế cửa khẩu.

C. chỉ tập trung phát triển khu vực dịch vụ.

D. làm giảm tỉ trọng của khu vực Nhà nước.

Câu 9: Yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp của nước ta hiện nay là

A. vị trí địa lý, thị trường tiêu thụ.

B. sự đồng bộ của các điều kiện.

C. nguồn nhân lực trình độ cao.

D. nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Câu 10: Nước ta khuyến khích phát triển thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chủ yếu nhằm

A. tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

B. mở rộng thị trường sang các nước kinh tế phát triển hơn.

C. tăng cường chuyển giao dây chuyền công nghệ hiện đại.

D. giải quyết khó khăn về nguồn vốn, khoa học kỹ thuật.

Câu 11: Sản lượng công nghiệp khai thác than ở nước ta tăng nhanh trong vài năm trở lại đây là do

- A. mở rộng thị trường tiêu thụ và đầu tư trang thiết bị khai thác hiện đại.
- B. thu hút được nguồn vốn đầu tư nước ngoài lớn và đầu tư trang thiết bị.
- C. phát triển mạnh các nhà máy nhiệt điện và mở rộng thị trường tiêu thụ.
- D. chính sách phát triển công nghiệp của Nhà nước và mở rộng thị trường.

Câu 12: Sử dụng than trong sản xuất nhiệt điện ở nước ta gây ra vấn đề môi trường chủ yếu nào sau đây?

- A. Phá hủy tầng đất mặt.
- B. Ô nhiễm nguồn nước.
- C. Ô nhiễm không khí.
- D. Cạn kiệt khoáng sản.

Câu 13: Mạng lưới đô thị nước ta hiện nay

- A. phát triển mạnh ở vùng đồi núi.
- B. sắp xếp theo các cấp khác nhau.
- C. có rất nhiều thành phố cực lớn.
- D. phân bố đều khắp ở trong nước.

Câu 14: Nước ta nằm khu vực hoạt động của các khối khí theo mùa nên có

- A. cân bằng ẩm đạt giá trị dương.
- B. nhiệt độ trung bình năm thấp.
- C. chế độ mưa thay đổi theo mùa.
- D. thực vật xanh tốt quanh năm.

Câu 15: Ngành chăn nuôi chiếm tỉ trọng còn thấp trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp nước ta, chủ yếu là do.

- A. các điều kiện phát triển còn nhiều hạn chế.
- B. nhu cầu thị trường còn thấp và biến động.
- C. sản phẩm chưa đáp ứng được yêu cầu.
- D. hiệu quả chưa thật cao và chưa ổn định.

Câu 16: Đặc điểm thiên nhiên nổi bật của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta là

- A. địa hình cao, các dãy núi xen kẽ thung lũng sông hướng tây - đông.
- B. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, mùa đông lạnh nhất ở nước ta.
- C. địa hình có các sơn nguyên bóc mòn và các cao nguyên badan.
- D. khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.

Câu 17: Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 18: Đặc điểm nào sau đây đúng với vùng nông nghiệp Tây Nguyên?

- A. Địa hình chủ yếu là đồi núi và khí hậu có mùa đông lạnh.
- B. Trồng và phát triển cây công nghiệp lâu năm ưa nhiệt.
- C. Có các cơ sở công nghiệp chế biến nông sản hiện đại.
- D. Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho bảng số liệu:

**SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á
NĂM 2021**

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Dân số (triệu người)	271,7	15,5	32,8	109,6
Dân thành thị (%)	56,7	23,8	76,6	47,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

- a) Dân số và tỉ lệ dân thành thị của In-đô-nê-xi-a cao nhất trong 4 quốc gia.
- b) Năm 2021, Ma-lai-xi-a là quốc gia có số dân nông thôn ít nhất so với các nước.
- c) Tỉ lệ dân thành thị của Ma-lai-xi-a cao nhất do quá trình đô thị hóa mạnh.
- d) Để thể hiện dân số và tỉ lệ dân thành thị các nước, biểu đồ đường thích hợp nhất.

Câu 2: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ Ở NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2021

Năm	2010	2021
Khu vực kinh tế Nhà nước.	636,5	846,7
Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước	843,6	4 481,2
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1 565,5	7 698,8
Tổng	3 045,6	13 026,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

- a) Tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước và ngoài Nhà nước tăng.
- b) Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng chậm hơn khu vực ngoài Nhà nước.
- c) Khu vực ngoài Nhà nước giữ vai trò chủ yếu do chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp.
- d) Để thể hiện quy mô và cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo thành phần kinh tế, biểu đồ miền thích hợp nhất.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Năm 2023, sản lượng lương thực có hạt đạt 47,9 triệu tấn, tăng 0,8 triệu tấn so với năm trước, trong đó sản lượng lúa đạt 43,5 triệu tấn tăng 795 nghìn tấn. Lúa đông xuân sản lượng đạt 20,2 triệu tấn; lúa hè thu sản lượng đạt 11 triệu tấn; lúa thu đông sản lượng đạt 4 triệu tấn; lúa mùa sản lượng ước đạt 8,23 triệu tấn. Sản lượng lương thực nói chung và sản lượng lúa nói riêng tăng so với năm trước đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước, đảm bảo an ninh lương thực, phục vụ chế biến và xuất khẩu. Sản xuất lúa được thực hiện từ phát triển chiều rộng sang phát triển chiều sâu theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững như đưa vào sản xuất các giống lúa chịu mặn cho vùng ven biển; ứng dụng quy trình sản xuất "1 phải 5 giảm" nhằm tiết kiệm vật tư đầu vào, giảm phát thải khí nhà kính và tăng thu nhập cho nông dân.

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn>)

- a) Lúa là cây trồng chính trong sản xuất lương thực.
- b) Sản lượng lúa thu đông chiếm tỉ trọng cao nhất.
- c) Nhân tố chủ yếu dẫn đến sự phân hóa mùa vụ của nền nông nghiệp nước ta là khí hậu.

d) Năng suất và sản lượng lúa tăng do nước ta đẩy mạnh thâm canh và chuyên môn hóa.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Điểm nổi bật nữa của chế độ mưa ở nước ta là mưa theo mùa, do gió mùa mùa đông khô, tương phản với gió mùa mùa hạ ẩm. Mùa khô mưa ít, có tháng không mưa giọt nào, còn mùa mưa thì chiếm đến 80 -85% lượng mưa năm và tháng mưa ít nhất cũng phải từ 100 mm trở lên, còn tháng mưa nhiều nhất thì có thể tới 300 - 600 mm. Trên cả nước mùa mưa và mùa khô trong các vùng không khớp hoàn toàn.

a) Khí hậu nước ta phân thành hai mùa mưa, khô rõ rệt nhưng khác biệt giữa các vùng.

b) Mùa mưa ở Bắc Bộ và Nam Bộ vào mùa hè, còn ở miền Trung là vào thu đông.

c) Mùa mưa ở Trung Bộ vào thu đông do tác động của gió đông bắc và gió TBg.

d) Nam Bộ có mùa khô sâu sắc hơn Bắc Bộ do tác động của vị trí, gió mùa Tây Nam.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu (Đơn vị: tỉ đồng).

GDP CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

(Đơn vị: tỉ đồng).

GDP	Năm	2010	2015	2018	2020
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản		421 253	489 989	535 022	565 987
Công nghiệp, xây dựng		904 775	1778 887	2 561 274	2 955 806
Dịch vụ		1 113 126	2 190 376	2 955 777	3365 060
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm		300 689	470 631	629 411	705 470

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

GDP của nước ta năm 2020 tăng gấp bao nhiêu lần so với năm 2010? (Kết quả làm tròn đến số thập phân thứ hai của lần)

Câu 2: Cho bảng số liệu

Cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi ở nước ta giai đoạn 1999 – 2021.

(Đơn vị: %):

Năm	1999	2009	2019	2021
0 – 14 tuổi	33,1	24,5	24,3	24,1
15 – 64 tuổi	61,1	69,1	68,0	67,6
Từ 65 tuổi trở lên	5,8	6,4	7,7	8,3

Hãy cho biết, số dân trong nhóm 15 – 64 tuổi năm 2021 của nước ta là bao nhiêu triệu người. Biết tổng dân số năm 2021 là 98,5 triệu người. (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của triệu người)

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng tại Huế năm 2022

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt	95,6	70,8	128,3	381	1573	33,8	61,3	157,5	448,8	1366,5	226,4	786,6

độ												
----	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023, NXB Thống kê Việt Nam, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa của Huế năm 2022 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

Câu 4: Quy mô dân số nước ta năm 2021 là 98 504,4 nghìn người, trong đó dân thành thị là 36 563,3 nghìn người. Vậy tỉ lệ dân nông thôn năm 2021 của nước ta là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %).

Câu 5: Dựa vào bảng số liệu sau:

**GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ Ở NƯỚC TA
NĂM 2010 VÀ 2021**

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm	2010	2021
Ngành công nghiệp		
Khu vực kinh tế Nhà nước.	636,5	846,7
Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước	843,6	4481,2
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1 565,5	7 698,8
Tổng	3 045,6	13 026,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

Tỉ trọng giá trị sản xuất của khu vực kinh tế Nhà nước năm 2021 chiếm bao nhiêu % trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp ? (Kết quả làm tròn đến số thập phân thứ nhất của %)

Câu 6: Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2010 – 2021**

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	2010	2015	2021
Khai thác	2 414,4	3 049,9	3 863,7
Nuôi trồng	2 728,3	3532,2	4 633,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, cho biết sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2021 chiếm bao nhiêu % so với tổng sản lượng thủy sản của nước ta? (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của %)

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 1	ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI
-------------	---------------------------

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.
Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.A	2.B	3.A	4.C	5.B	6.A	7.A	8.B	9.D	10.A
11.C	12.A	13.A	14.B	15.B	16.A	17.A	18.A		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.

Cách giải:

Vùng đất của nước ta bao gồm đất liền và hải đảo.

B, C, D sai vì nội thủy và lãnh hải là các bộ phận của vùng biển nước ta.

Chọn A.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào chuyên đề Địa lí: Thiên tai và biện pháp phòng chống.

Cách giải:

Bão ở nước ta thường kèm theo ngập lụt.

Chọn B.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm đô thị hóa nước ta.

Cách giải:

Đô thị đầu tiên của nước ta là Cổ Loa.

Chọn A.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm nguồn lao động nước ta hiện nay.

Cách giải:

Nguồn lao động nước ta hiện nay có đặc điểm: chất lượng lao động phân hóa theo vùng.

A sai vì lao động nước ta đông và tăng nhanh, mỗi năm tăng khoảng 1 triệu lao động.

B sai vì tỉ trọng lao động phân theo ngành kinh tế không có sự chênh lệch quá lớn giữa các ngành kinh tế. Năm 2021, tỉ trọng lao động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản là 29,1%; công nghiệp, xây dựng là 33,1%; dịch vụ là 37,8%.

D sai vì lao động nước ta chủ yếu chưa qua đào tạo.

Chọn C.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành trồng trọt (phần sản xuất cây công nghiệp).

Cách giải:

Cây chè là loại cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt.

Chọn B.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành công nghiệp sản xuất điện.

Cách giải:

Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu sản lượng điện nước ta là nhiệt điện. Năm 2021, nhiệt điện chiếm 56,2% sản lượng điện của nước ta.

Chọn A.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành giao thông vận tải của nước ta.

Cách giải:

Đầu mối giao thông vận tải lớn nhất miền Trung nước ta là Đà Nẵng.

Chọn A.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào sự phân hóa ngành du lịch nước ta.

Cách giải:

Nghỉ dưỡng biển đảo gắn với di sản là sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ.

Chọn B.

Câu 9 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào khai thác thế mạnh để phát triển cây công nghiệp lâu năm, cây dược liệu, cây rau thực phẩm.

Cách giải:

Hướng phát triển cây trồng của vùng là tập trung trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, cây đặc sản, cây dược liệu gắn với công nghiệp chế biến. Phát triển theo hướng nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao, sản xuất an toàn, hữu cơ, xanh, sạch; hình thành các vùng chuyên canh quy mô lớn.

=> Tập trung chủ yếu cây dược liệu không phải là hướng phát triển cây trồng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Chọn D.

Câu 10 (TH):**Phương pháp:**

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Đồng bằng sông Hồng hoặc dựa vào bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Vườn quốc gia Tam Đảo nằm ở Đồng bằng sông Hồng.

B sai vì vườn quốc gia Cát Tiên ở vùng Đông Nam Bộ.

C sai vì vườn quốc gia Phú Quốc ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

D sai vì vườn quốc gia Núi Chúa ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

Chọn A.**Câu 11 (TH):****Phương pháp:**

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cách giải:

Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển giao thông vận tải biển nhờ điều kiện đường bờ biển dài, nhiều vịnh nước sâu, kín gió.

A sai vì đó là điều kiện để phát triển ngành thủy, hải sản.

B, D sai vì đó là các điều kiện thuận lợi để phát triển ngành du lịch.

Chọn C.**Câu 12 (NB):****Phương pháp:**

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Đông Nam Bộ.

Cách giải:

Loại đất trồng chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ là đất xám phù sa cổ.

Chọn A.**Câu 13 (VD):****Phương pháp:**

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và liên hệ.

Cách giải:

Mưa lớn, địa hình dốc, mật lớp phủ thực vật là các nguyên nhân chính làm cho quá trình xâm thực diễn ra mạnh ở vùng núi nước ta.

- Mưa lớn: Lượng mưa lớn, đặc biệt là mưa lớn tập trung theo mùa ở Việt Nam, tạo ra dòng chảy mạnh trên bề mặt đất. Nước mưa cuốn trôi đất, đá và các vật liệu vụn bở khác, gây ra xói mòn và xâm thực.

- Địa hình dốc: Vùng núi nước ta có địa hình dốc, làm tăng tốc độ dòng chảy của nước mưa. Nước chảy càng nhanh thì khả năng cuốn trôi vật liệu càng lớn, dẫn đến xâm thực mạnh mẽ hơn.

- Mất lớp phủ thực vật: Rừng và thảm thực vật có vai trò quan trọng trong việc giữ đất và hạn chế xói mòn. Khi rừng bị chặt phá hoặc thảm thực vật bị suy thoái, đất trở nên trơ trọi và dễ bị nước mưa cuốn trôi hơn.

Chọn A.

Câu 14 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào biểu đồ, nhận xét sự tăng/giảm của diện tích và sản lượng cà phê của nước ta trong giai đoạn trên.

Cách giải:

Diện tích và sản lượng cà phê đều tăng trong giai đoạn trên là nhận xét đúng với biểu đồ trên vì: - Diện tích cà phê tăng liên tục, tăng từ 643,3 nghìn ha (năm 2015) lên 710,6 nghìn ha (năm 2021)

- Sản lượng cà phê tăng liên tục, tăng từ 1473,4 nghìn tấn (năm 2015) lên 1845 nghìn tấn (năm 2021).

Chọn B.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành nội thương nước ta.

Cách giải:

Mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại ngày càng phát triển là phát biểu đúng với nội thương ở nước ta hiện nay.

A sai vì nước ta đã có nhiều trung tâm thương mại có vốn đầu tư nước ngoài.

C sai vì hoạt động nội thương phát triển mạnh ở các đô thị, nơi tập trung đông dân hơn vùng nông thôn, thưa dân.

D sai vì mức sống của người dân nước ta hiện nay càng cao => Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng.

Chọn B.

Câu 16 (VD):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: đánh bắt xa bờ.

Lựa chọn đáp án đầy đủ và chính xác nhất của ý nghĩa đánh bắt xa bờ.

Cách giải:

Ý nghĩa của việc đẩy mạnh đánh bắt xa bờ ở Bắc Trung Bộ là phát triển kinh tế (ý nghĩa về mặt kinh tế), bảo vệ chủ quyền vùng biển đảo (ý nghĩa về an ninh quốc phòng).

Đây là đáp án đầy đủ và chính xác nhất. B, C, D sai vì đáp án chỉ đề cập về các ý nghĩa về mặt kinh tế.

Chọn A.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: phân hóa.

Dựa vào ảnh hưởng của khí hậu đến sản xuất nông nghiệp ở nước ta.

Cách giải:

Sự phân hoá khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta ảnh hưởng chủ yếu đến cơ cấu mùa vụ và cơ cấu sản phẩm nông nghiệp (Ngành nông nghiệp chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi khí hậu => sự phân hóa khí hậu tác động trực tiếp đến cơ cấu sản xuất nông nghiệp).

- Tính chất mùa vụ: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với sự phân hóa theo mùa (mùa mưa và mùa khô) rõ rệt chi phối mạnh mẽ đến thời gian gieo trồng, thu hoạch và loại cây trồng phù hợp cho từng mùa.

- Cơ cấu sản phẩm nông nghiệp: Sự khác biệt về nhiệt độ, lượng mưa và độ ẩm giữa các vùng miền khác nhau tạo ra các vùng sinh thái nông nghiệp khác nhau. Điều này dẫn đến sự đa dạng trong cơ cấu cây trồng và vật nuôi.

Chọn A.

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành thủy sản và liên hệ các giải pháp để nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản ở Đồng bằng sông Hồng.

Dùng phương pháp loại trừ.

Cách giải:

Giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long là áp dụng công nghệ hiện đại, phát triển công nghiệp chế biến, đổi mới phương tiện.

B sai vì nguồn lợi thủy sản của vùng phong phú, trước mắt chưa cần sử dụng đến ứng dụng công nghệ định vị cá.

C sai vì ngành thủy sản không yêu cầu chất lượng lao động như các ngành công nghệ cao.

D sai vì tăng cường hợp tác quốc tế không phải là giải pháp chủ yếu vì thủy sản được khai thác hoàn toàn trong vùng biển nước ta.

Chọn A.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐDSS	ĐSDĐ	ĐĐSD	SĐSD

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

a) Dựa vào các đặc điểm nổi bật: sự giảm sút ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, dãy Hoàng Liên Sơn, mùa đông ở Tây Bắc ẩm và ngắn hơn Đông Bắc.

b, **d)** Dựa vào đoạn thông tin và biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phân gió mùa). **c)** Dựa vào đoạn thông tin và suy luận.

Cách giải:

a) Đúng.

b) Đúng “do tác động bức chắn của dãy Trường Sơn Bắc, hình thành gió Tây khô nóng ở Bắc Trung Bộ vào đầu mùa hạ”, đây chính là gió mùa tây nam có nguồn gốc từ áp cao Bắc Ấn Độ Dương.

c) Sai vì “Dãy Hoàng Liên Sơn ngăn cản sự xâm nhập trực tiếp của gió mùa Đông Bắc” => Do vị trí và đặc điểm địa hình nên gió mùa Đông Bắc khi di chuyển đến miền này bị biến tính, suy yếu.

d) Sai vì do các bức chắn địa hình nên vào đầu mùa hạ nên ven biển Bắc Trung Bộ và phía nam Tây Bắc chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió phơn Tây Nam khô nóng.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào các nhân tố ảnh hưởng đến các ngành dịch vụ.

Cách giải:

a) Đúng; các khu vực hoặc vùng có trình độ phát triển cao và dân cư đông đúc, ngành dịch vụ phát triển mạnh với mạng lưới dịch vụ dày đặc và ngược lại.

b) Sai vì bản sắc văn hóa không ảnh hưởng đến sự phát triển các dịch vụ kinh doanh và thương mại điện tử.

c) Đúng.

d) Đúng vì những thành tựu của công nghệ hiện đại, công nghệ số, kinh tế số, công nghệ thông tin,... đã làm thay đổi phương thức sản xuất, cung ứng nhiều loại hình dịch vụ, xuất hiện nhiều loại hình dịch vụ mới.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

a) Dựa vào đoạn thông tin.

b, c, d) Dựa vào đặc điểm ngành du lịch vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Cách giải:

a) Đúng vì đoạn thông tin có đề cập: Vùng có nhiều lợi thế về tự nhiên để phát triển du lịch: hệ thống sông, kênh, rạch chằng chịt và hệ sinh thái rừng ngập mặn, rừng tràm, hệ thống các đảo ven biển tạo nên cảnh quan thiên nhiên độc đáo.”

b) Đúng.

c) Sai vì loại hình du lịch của vùng đa dạng dựa vào tài nguyên du lịch.

d) Đúng, đây chính là các thách thức để du lịch phát triển với chất lượng cao hơn.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

a) Dựa vào biểu đồ.

b) Tính tỉ trọng ngành dịch vụ của 2 quốc gia theo công thức:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng)*100

c) Tính tổng sản phẩm trong nước của hai quốc gia.

d) Dựa vào giá trị ngành nông, lâm, thủy sản của 2 quốc gia.

Cách giải:

a) Sai vì giá trị ngành dịch vụ của Việt Nam là 182 tỷ đô la Mỹ; Thái Lan là 286 tỷ đô la Mỹ
=> Giá trị ngành dịch vụ trong GDP của Việt Nam thấp hơn Thái Lan.

b) Đúng vì:

- Tỷ trọng ngành dịch vụ của Việt Nam là: $[182/(46 + 137 + 182)] * 100 = 49,9\%$

- Tỷ trọng ngành dịch vụ của Thái Lan là: $[286/(43 + 176 + 286)] * 100 = 56,6\%$

c) Sai vì tổng sản phẩm trong nước của Thái Lan là $43 + 176 + 286 = 505$ tỷ đô la Mỹ; của Việt Nam là $46 + 137 + 182 = 365$ tỷ đô la Mỹ.

=> Tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Thái Lan gấp: $505/365 = 1,38$ lần Việt Nam.

d) Đúng vì giá trị ngành nông, lâm, thủy sản của 2 quốc gia đều thấp hơn so với ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	13,2	3264	49,8	4,1	2187	9,6

Câu 1 (TH):**Phương pháp:**

Tính toán dựa vào công thức:

Biên độ nhiệt = Nhiệt độ tháng cao nhất – Nhiệt độ tháng thấp nhất

Cách giải:

Biên độ nhiệt năm 2022 tại trạm quan trắc Nam Định cao hơn biên độ nhiệt năm 2022 tại trạm quan trắc Cà Mau là: $(30,4 - 15,1) - (28,7 - 26,6) = 13,2^\circ\text{C}$

Đáp án 13,2

Câu 2 (TH):**Phương pháp:**

Tính toán dựa vào công thức:

Lưu lượng nước trung bình = Tổng lưu lượng nước 12 tháng/12

Cách giải:

Lưu lượng nước trung bình của sông Hồng tại trạm Hà Nội là:

$(1455 + 1343 + 1215 + \dots + 1517)/12 = 3264 \text{ m}^3/\text{s}$

Đáp án 3264

Câu 3 (VD):**Phương pháp:**

Tính toán dựa vào công thức:

Tỷ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng) * 100

Cách giải:

Tỷ lệ giới tính nam của nước ta năm 2021 là:

$[49\,092\,700/(49\,092\,700 + 49\,411\,700)] * 100 = 49,8\%$

Đáp án 49,8**Câu 4 (VD):****Phương pháp:**

Tính toán dựa vào công thức:

Cán cân xuất nhập khẩu = Trị giá xuất khẩu – Trị giá nhập khẩu.

Tổng giá trị xuất nhập khẩu = Trị giá xuất khẩu + Trị giá nhập khẩu.

Cách giải:Tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của nước ta là 668,5 tỉ USD, trong đó trị giá nhập khẩu là 332,2 tỉ USD => Trị giá xuất khẩu là: $668,5 - 332,2 = 336,3$ tỉ USD.Cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2021 là: $336,3 - 332,2 = 4,1$ tỉ USD**Đáp án 4,1****Câu 5 (VD):****Phương pháp:**

Tính toán dựa vào công thức:

Cự li vận chuyển = Khối lượng luân chuyển/Khối lượng vận chuyển

Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

Đổi: 152 277,2 triệu tấn.km = 152 277 200 nghìn tấn.km

=> Cự li vận chuyển trung bình của loại hình vận tải giao thông đường biển là: $152\,277\,200 / 69\,639,0 = 2\,187$ km**Đáp án 2187****Câu 6 (VD):****Phương pháp:**

Tính toán dựa vào công thức:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng)*100

Cách giải:So với năm 2010, sản lượng khai thác cá biển trong sản lượng hải sản khai thác năm 2021 tăng thêm: $[(966,0/1167,9)*100] - [(516,9/707,2)*100] = 9,6\%$ **Đáp án 9,6****ĐỀ 2**

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI
ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2026
MÔN: ĐỊA LÍ
Thời gian: 50 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.
 Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.B	2.A	3.C	4.B	5.A	6.C	7.C	8.D	9.D	10.A
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	------

11.D	12.C	13.C	14.B	15.C	16.C	17.D	18.D		
------	------	------	------	------	------	------	------	--	--

Câu 1 (NB):**Phương pháp:**

Kiến thức phần quá trình đô thị hóa ở nước ta.

Cách giải:

Số lượng đô thị ở nước ta đã tăng nhanh trong những năm gần đây, phản ánh quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ.

Chọn B.**Câu 2 (VD):****Phương pháp:**

Phân tích các nguyên nhân dẫn tới sự phân hóa thiên nhiên theo chiều đông – tây.

Cách giải:

Thiên nhiên Việt Nam có sự phân hóa Đông - Tây chủ yếu do gió mùa và hướng của các dãy núi. - Gió mùa Đông Bắc (mùa đông) và gió mùa Tây Nam (mùa hè) tác động mạnh đến sự phân hóa khí hậu theo hướng Đông - Tây. Các khu vực đón gió và khu vực khuất gió có sự khác biệt rõ rệt về lượng mưa và nhiệt độ.

- Các dãy núi chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam (Hoàng Liên Sơn) và vòng cung (Đông Bắc) ảnh hưởng đến sự phân hóa khí hậu, sinh vật và thổ nhưỡng giữa các sườn núi.

Ví dụ: Trường Sơn Đông và Trường Sơn Tây có sự khác biệt rõ rệt về khí hậu và thảm thực vật do ảnh hưởng của gió mùa.

Chọn A.**Câu 3 (TH):****Phương pháp:**

Dựa vào kiến thức phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở nước ta.

Cách giải:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành giúp phát huy lợi thế và sử dụng hợp lý nguồn lực của đất nước. Ví dụ: Chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ giúp khai thác tốt hơn nguồn lao động và tài nguyên.

Phát triển các ngành mũi nhọn như công nghệ thông tin, chế biến, du lịch giúp tận dụng lợi thế so sánh của Việt Nam.

Chọn C.**Câu 4 (NB):****Phương pháp:**

Kiến thức phần chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp.

Cách giải:

Cơ cấu sản phẩm công nghiệp của nước ta chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo, giảm tỉ trọng nhsom ngành công nghiệp khai thác. Công nghiệp chế biến,

chế tạo chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu công nghiệp vì phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế hiện đại, tạo ra giá trị gia tăng cao hơn so với khai thác tài nguyên thô, hỗ trợ xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài.

Chọn B.

Câu 5 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Cách giải:

Ban hành Sách Đỏ, xây dựng các vườn quốc gia, khu bảo tồn là biện pháp chủ yếu và hiệu quả nhất để bảo vệ đa dạng sinh học.

- Ban hành Sách Đỏ Việt Nam giúp xác định các loài động, thực vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng để có biện pháp bảo vệ.
- Xây dựng vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên giúp duy trì hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật.

Chọn A.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần.

Cách giải:

Kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế Việt Nam: chi phối các ngành kinh tế quan trọng như: điện, dầu khí, ngân hàng, hàng không, viễn thông...; duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo quốc phòng - an ninh; đầu tư vào hạ tầng, các lĩnh vực then chốt mà khu vực tư nhân chưa phát triển mạnh.

Chọn C.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức phần vị trí địa lý nước ta.

Cách giải:

Việt Nam nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến của bán cầu Bắc, có vĩ độ từ khoảng $8^{\circ}34'B$ đến $23^{\circ}23'B$.

Chọn C.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Nội dung kiến thức phần phòng chống thiên tai.

Cách giải:

- Lũ quét là thiên tai đặc trưng của vùng núi nước ta, thường xảy ra sau những trận mưa lớn kéo dài.
- Nguyên nhân:
 - + Địa hình dốc, đất dễ sạt lở.

- + Mưa lớn, rừng bị chặt phá làm giảm khả năng giữ nước.
- + Dòng chảy mạnh cuốn trôi đất đá, gây thiệt hại nặng nề.
- Khu vực chịu ảnh hưởng nhiều: Tây Bắc, Đông Bắc, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên.

Chọn D.

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần chất lượng lao động nước ta.

Cách giải:

Lao động chưa qua đào tạo chiếm 73,8% tổng lực lượng lao động (2021).

Chọn D.

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần gió mùa.

Cách giải:

Gió mùa Đông Bắc ở nước ta có nguồn gốc từ áp cao Xi-bia (Siberia, Nga) vào mùa đông.

Chọn A.

Câu 11 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần ngành chăn nuôi nước ta.

Cách giải:

Nguồn cung cấp thịt chủ yếu của nước ta hiện nay là từ chăn nuôi lợn, chiếm khoảng 60 – 70% sản lượng thịt các loại (2021).

Chọn D.

Câu 12 (VD):

Phương pháp:

Phân tích tổng hợp.

Cách giải:

Nguyên nhân chủ yếu giúp ngành nuôi trồng thủy sản phát triển nhanh hiện nay là do nhu cầu thị trường và công nghiệp chế biến.

- Thị trường tiêu thụ mở rộng: Xuất khẩu thủy sản tăng mạnh, đặc biệt sang Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản. Các hiệp định thương mại tự do (FTA) giúp giảm thuế xuất khẩu, thúc đẩy tiêu thụ thủy sản Việt Nam.

- Công nghiệp chế biến phát triển: Hệ thống nhà máy chế biến hiện đại giúp gia tăng giá trị sản phẩm, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu. Thủy sản đông lạnh, chế biến sẵn có sức hút lớn trên thị trường thế giới.

Ví dụ: Cá tra, tôm sú, tôm thẻ chân trắng của Việt Nam có giá trị xuất khẩu cao nhờ chế biến công nghiệp.

Chọn C.

Câu 13 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần đất (Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa).

Cách giải:

Quá trình feralit diễn ra mạnh ở vùng đồi núi thấp trên đá mẹ axit => đất feralit là loại đất chủ yếu ở đồi núi nước ta.

Chọn C.

Câu 14 (VD):

Phương pháp:

Phân tích các nguyên nhân hình thành mạng lưới sông ở nước ta.

Cách giải:

Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc chủ yếu do mưa nhiều và địa hình đồi núi bị cắt xẻ mạnh. - Lượng mưa lớn: Việt Nam có lượng mưa trung bình 1500 - 2500mm/năm, giúp cung cấp nước dồi dào cho hệ thống sông ngòi.

- Địa hình đồi núi bị cắt xẻ mạnh: Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích cả nước, với nhiều dãy núi chạy dài theo hướng khác nhau. Sự chia cắt mạnh của địa hình làm hình thành nhiều sông ngòi có lưu vực nhỏ, độ dốc lớn.

Chọn B.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần cơ cấu dân số theo tuổi.

Cách giải:

Dân số nước ta cơ cấu đang già hoá. Cơ cấu dân số theo tuổi của nước ta đang thay đổi theo hướng giảm tỉ trọng dân số nhóm 0 - 14 tuổi, tăng tỉ trọng dân số nhóm 15 – 64 tuổi và từ 65 tuổi trở lên. Tỉ lệ người trên 60 tuổi ngày càng tăng. Tỉ lệ sinh giảm, tuổi thọ trung bình tăng, dẫn đến già hóa nhanh hơn.

Chọn C.

Câu 16 (NB):

Phương pháp:

Kiến thức bài học phần trang trại (tổ chức lãnh thổ nông nghiệp).

Cách giải:

Trang trại nuôi trồng thủy sản tập trung nhiều nhất ở Đồng bằng Sông Cửu Long với 1825 trang trại năm 2021.

Chọn C.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Nhận xét biểu đồ.

Cách giải:

Giai đoạn 2019 - 2023 sản lượng bia giảm từ 4593,6 triệu lít xuống còn 4176,6 triệu lít, giảm 417 triệu lít. Sản lượng nước khoáng cũng giảm từ 1251,8 triệu lít (2019) xuống 1049,1 triệu lít (2023). **Chọn D.**

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

Phân tích các thế mạnh để sản xuất cây công nghiệp lâu năm. Chú ý từ khóa “thuận lợi tự nhiên” **Cách giải:**

Thuận lợi tự nhiên để sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở nước ta là có nhiều diện tích đất feralit. Đất feralit là loại đất chính ở miền núi và trung du Việt Nam, thích hợp cho cây công nghiệp lâu năm như: Cà phê (Tây Nguyên), cao su (Đông Nam Bộ), chè (Trung du miền núi Bắc Bộ), hồ tiêu (Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên). Đất feralit có tầng phong hóa dày, giàu khoáng chất, phù hợp với các cây công nghiệp có chu kỳ sinh trưởng dài.

Chọn D.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐĐSS	ĐĐĐS	SSĐĐ	ĐSĐS

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Phương pháp: Tính toán.

Công thức tính: Cán cân thương mại = trị giá xuất khẩu – trị giá nhập khẩu

Cách giải:

a) Đúng. Năm 2021, Bru-nây có cán cân thương mại xuất siêu với trị giá 4,3 tỉ USD.

- Xuất khẩu > Nhập khẩu → Xuất siêu.

- Cán cân thương mại năm 2021 = trị giá xuất khẩu – trị giá nhập khẩu = 11,5 tỉ USD - 7,2 tỉ USD = 4,3 tỉ USD. → Xuất siêu.

b) Đúng. Từ năm 2015 - 2021, trị giá nhập khẩu của Bru-nây tăng nhanh hơn trị giá xuất khẩu.

Cụ thể:

- Xuất khẩu tăng từ 6,4 tỉ USD lên 11,5 tỉ USD, tăng khoảng 1,8 lần.

- Nhập khẩu tăng từ 3,2 tỉ USD lên 7,2 tỉ USD, tăng khoảng 2,3 lần.

c) Sai. Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của Bru-nây đều giảm trong giai đoạn 2019 – 2020.

d) Sai. Trong giai đoạn 2019 - 2021, Bru-nây luôn có cán cân thương mại xuất siêu (Xuất khẩu luôn lớn hơn Nhập khẩu). Cụ thể:

Năm 2019: Xuất khẩu = 7 tỉ USD, Nhập khẩu = 5,1 tỉ USD → Xuất siêu.

Năm 2020: Xuất khẩu = 6,6 tỉ USD, Nhập khẩu = 5,3 tỉ USD → Xuất siêu.

Năm 2021: Xuất khẩu = 11,5 tỉ USD, Nhập khẩu = 7,2 tỉ USD → Xuất siêu.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức bài học về phần chăn nuôi để phân tích thực tiễn sự phát triển ngành chăn nuôi nước ta. **Cách giải:**

a) Đúng. Số lượng đàn gia cầm tăng nhanh là do sự phát triển mạnh của công nghiệp chế biến thức ăn, sản xuất gắn với thị trường:

- Công nghiệp chế biến thức ăn đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển đàn gia cầm. Sự phát triển của các nhà máy chế biến thức ăn giúp cải thiện chất lượng và giảm chi phí sản xuất cho người chăn nuôi, từ đó nâng cao năng suất chăn nuôi.

- Sản xuất gắn với thị trường: Ngành gia cầm phát triển mạnh mẽ khi có một hệ thống thị trường ổn định, cung cấp nhu cầu tiêu thụ sản phẩm. Các nhà sản xuất gia cầm có thể đáp ứng nhu cầu thị trường một cách hiệu quả hơn, giúp mở rộng quy mô chăn nuôi và tăng trưởng số lượng đàn gia cầm.

b) Đúng. Giá trị sản xuất và tỉ trọng chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp ngày càng tăng:

- Giá trị sản xuất tăng: Việc tăng trưởng mạnh mẽ của ngành chăn nuôi đã dẫn đến gia tăng giá trị sản xuất. Điều này phản ánh sự phát triển không chỉ ở quy mô mà còn ở hiệu quả và chất lượng sản phẩm. Tỉ trọng tăng: Sự gia tăng tỉ trọng chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp cho thấy ngành này đang dần chiếm ưu thế, đóng góp lớn hơn vào GDP nông nghiệp, thay vì chỉ tập trung vào trồng trọt như trước đây. Tỉ trọng sản xuất của ngành chăn nuôi trong giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp năm 2010 là 25,1 %, năm 2021 là 34,7% và ngày càng có vai trò quan trọng.

c) Đúng. Nhờ áp dụng kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, hiệu quả sản xuất của ngành chăn nuôi ngày càng tăng:

- Kỹ thuật và công nghệ tiên tiến: Sự ứng dụng các công nghệ mới trong việc cải tiến giống, chế độ dinh dưỡng, quản lý dịch bệnh và điều kiện chăn nuôi đã giúp ngành chăn nuôi phát triển nhanh chóng. Những công nghệ này giúp giảm chi phí, tăng hiệu quả và giảm thiểu rủi ro trong chăn nuôi. - Hiệu quả sản xuất tăng: Sản lượng và chất lượng sản phẩm (như thịt, trứng, sữa) đã được cải thiện rõ rệt nhờ vào các phương pháp nuôi trồng hiện đại, từ đó gia tăng thu nhập cho người chăn nuôi và cải thiện nguồn cung thực phẩm cho thị trường.

d) Sai. Chăn nuôi hữu cơ không chỉ áp dụng cho bò sữa mà còn đang được mở rộng ra các ngành khác như chăn nuôi gia cầm (gà, vịt), gia súc (bò, cừu), và các loại gia súc khác, đặc biệt trong bối cảnh người tiêu dùng ngày càng chú trọng đến sản phẩm thực phẩm an toàn, không chứa hóa chất hay thuốc kháng sinh. Các sản phẩm hữu cơ này cũng đang ngày càng có mặt trên thị trường, không chỉ để phục vụ nhu cầu trong nước mà còn để xuất khẩu sang các thị trường quốc tế, nơi mà tiêu chuẩn thực phẩm hữu cơ ngày càng được yêu cầu cao.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức bài học về phần công nghiệp để phân tích.

Cách giải:

a) Sai. Mặc dù thị trường tiêu thụ trong nước có thể không bằng các thị trường quốc tế, nhưng không phải là khó khăn chủ yếu. Những yếu tố như công nghệ, vốn đầu tư, và lao động tay nghề cao mới là thách thức lớn hơn.

b) Sai. Mặc dù việc đầu tư vào nông thôn để tận dụng lao động dồi dào giá rẻ là một trong những yếu tố có thể góp phần vào phát triển các ngành công nghiệp, nhưng đối với ngành sản xuất sản phẩm điện tử và máy vi tính, yếu tố quan trọng hơn là yêu cầu về trình độ kỹ thuật cao và hạ tầng công nghệ. Các nhà máy sản xuất sản phẩm điện tử thường cần lao động có tay nghề cao và môi trường làm việc đòi hỏi công nghệ tiên tiến, mà điều này thường có sẵn ở các thành phố lớn hơn, nơi có các trường đào tạo kỹ thuật, công nghệ và cơ sở hạ tầng phù hợp.

c) Đúng. Ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính yêu cầu nguồn vốn đầu tư lớn và lao động có kỹ năng cao. Chính vì vậy, các nhà máy, cơ sở sản xuất này chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn, nơi có cơ sở hạ tầng phát triển, gần các nguồn cung cấp lao động chất lượng cao và tiện lợi hơn cho việc xuất khẩu.

d) Đúng. Các sản phẩm như tivi, tủ lạnh, máy tính, linh kiện điện tử, điện thoại và thiết bị điện là những sản phẩm chủ yếu trong ngành sản xuất sản phẩm điện tử. Đây là những sản phẩm có nhu cầu tiêu thụ lớn trên thị trường cả trong nước và quốc tế, và là những mặt hàng được sản xuất với công nghệ hiện đại trong ngành điện tử.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Phân tích thông tin và kiến thức đã học phần thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

Cách giải:

a) Đúng. Với khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nước ta có lượng mưa dồi dào, ánh sáng mặt trời nhiều, và nguồn nước phong phú, giúp cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là việc trồng vụ và năng suất cây trồng. Các điều kiện khí hậu thuận lợi này giúp nông dân có thể trồng nhiều loại cây và thu hoạch nhiều vụ trong năm.

b) Sai. Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nhưng thiên nhiên có sự phân hóa nên không phải khắp mọi nơi trên lãnh thổ đều có nhiệt độ trung bình năm trên 20°C .

VD: Vùng núi cao ở phía Bắc và Tây Bắc của nước ta có thể có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn 20°C , đặc biệt là các khu vực như Sapa, Mẫu Sơn. Các vùng này có khí hậu ôn đới, với mùa đông lạnh và nhiệt độ có thể xuống dưới 0°C .

c) Đúng. Tính chất nhiệt đới của khí hậu Việt Nam biểu hiện ở một số yếu tố chủ yếu, trong đó có tổng số giờ nắng trong năm và nhiệt độ trung bình năm cao. Trên cả nước, tổng số giờ nắng trong năm phổ biến từ 1400 đến 3000 giờ. Ngoài các vùng núi cao và trung bình, nhiệt độ không khí trung bình năm của cả nước thường lớn hơn 21°C .

d) Sai vì tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi vị trí địa lý nằm trong vùng nội chí tuyến. Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên có góc nhập xạ lớn, nhận được lượng bức xạ Mặt Trời lớn và ở mọi nơi trong năm đều có 2 lần Mặt Trời lên thiên đỉnh. Tiếp giáp với Biển Đông không phải là nguyên nhân.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	61,9	8	1098	14,4	11,4	23

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Công thức tính: Tỷ lệ dân số nông thôn = Dân số nông thôn : Tổng số dân $\times 100$

Cách giải:

Ta có:

Dân số nông thôn = $100,3 - 38,2 = 62,1$ triệu người

→ Tỷ lệ dân số nông thôn = $62,1 : 100,3 \times 100 \approx 61,9\%$

Câu 2 (VD):**Phương pháp:**

Công thức tính: Năng suất lúa = Sản lượng lúa : Diện tích gieo trồng

Cách giải:

- Năng suất lúa của nước ta năm 2010 = $40 : 7,5 \approx 5,33$ tấn/ha = 53,3 tạ/ha

- Năng suất lúa của nước ta năm 2021 = $43,9 : 7,2 \approx 6,08$ tấn/ha = 60,8 tạ/ha

→ Sự thay đổi năng suất = $60,8 \text{ tạ/ha} - 53,3 \text{ tạ/ha} = 7,5 \text{ tạ/ha} \approx 8 \text{ tạ/ha}$.

Câu 3 (VD):**Phương pháp:**

Công thức tính: Mật độ dân số = Số dân : Diện tích

Cách giải:

Ta có:

Số dân = 23372,4 nghìn người = 23372400 người

Diện tích = 21278,6 km²

→ Mật độ dân số = $23372400 : 21278,6 \approx 1098$ người/ km²

Câu 4 (VD):**Phương pháp:**

Công thức tính:

Tỉ trọng GTSXCN khu vực kinh tế Nhà Nước = Giá trị sản xuất của khu vực Nhà nước : Tổng giá trị sản xuất công nghiệp $\times 100$

Cách giải:

Ta có:

Tỉ trọng GTSXCN khu vực kinh tế Nhà Nước năm 2010 = $636,5 : 3045,6 \times 100 \approx 20,9\%$

Tỉ trọng GTSXCN khu vực kinh tế Nhà Nước năm 2021 = $846,7 : 13026,8 \times 100 \approx 6,5\%$

→ Chênh lệch tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực kinh tế Nhà nước của nước ta năm 2021 so với năm 2010 là 14,4%.

Câu 5 (TH):**Phương pháp:**

Công thức tính: Biên độ nhiệt độ = Nhiệt độ cao nhất – Nhiệt độ thấp nhất

Cách giải:

Biên độ nhiệt độ năm tại Lai Châu năm 2023 = $24, 6^{\circ}\text{C} - 13, 2^{\circ}\text{C} \approx 11,4^{\circ}\text{C}$

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Tính nhiệt độ và độ cao theo tiêu chuẩn cứ lên cao 100m thì nhiệt độ giảm $0,6^{\circ}\text{C}$, ở sườn khuất gió xuống 100m nhiệt độ tăng 1°C .

Cách giải:

sườn khuất gió xuống 100m nhiệt độ tăng 1°C .

Ta có: Lên cao 1000m thì nhiệt độ giảm 6°C

- Khoảng cách giữa độ cao 500 m và 2500 m là 2000 m

→ Sự thay đổi nhiệt độ = $(2000 : 1000) \times 6 = 12^{\circ}\text{C}$ (Nhiệt độ giảm 12°C khi tăng độ cao từ 500 m lên 2500 m).

→ Nhiệt độ tại độ cao 2500 m = $35^{\circ}\text{C} - 12^{\circ}\text{C} = 23^{\circ}\text{C}$

ĐỀ 3

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI
ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2026

MÔN: ĐỊA LÍ

Thời gian: 50 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.A	2.A	3.B	4.D	5.D	6.A	7.C	8.C	9.B	10.B
11.A	12.B	13.B	14.C	15.D	16.B	17.C	18.C		

Câu 1 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào phần kiến thức về lãnh thổ nước ta, vùng biển.

Cách giải:

Vùng đất của nước ta bao gồm toàn bộ phần đất liền và các hải đảo.

Chọn A.

Câu 2 (TH):**Phương pháp:**

Dựa vào kiến thức về đặc điểm tự nhiên của đồng bằng.

Cách giải:

Nguyên nhân chủ yếu gây ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long là do mưa lớn trong mùa mưa kết hợp với hiện tượng triều cường, khiến cho nước từ sông, kênh rạch không thoát kịp và gây ngập. Triều cường làm gia tăng mức độ ngập, đặc biệt trong mùa mưa lớn.

Chọn A.

Câu 3 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào kiến thức về phân loại đô thị.

Cách giải:

TP. Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, với vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội của cả nước.

Chọn B.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức phân lao động và việc làm.

Cách giải:

Lao động ở Việt Nam có sự gia tăng về số lượng hàng năm do tăng trưởng dân số và tỉ lệ tham gia lao động ngày càng cao. Mỗi năm, nước ta có thêm khoảng 1 triệu lao động. Phân bố lao động không đều giữa các vùng và chất lượng lao động, đặc biệt là trình độ tay nghề, vẫn cần được cải thiện để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế.

Chọn D.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức phân phát triển ngành thủy sản, hoạt động nuôi trồng thủy sản.

Cách giải:

Các đối tượng nuôi trồng chủ yếu là tôm, cá tra, cá basa, rong biển,... Tôm là một trong những đối tượng nuôi trồng thủy sản quan trọng, đặc biệt là tôm sú và tôm chân trắng, với giá trị xuất khẩu cao, đóng góp lớn vào nền kinh tế thủy sản của đất nước.

Chọn D.

Câu 6 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức về ngành công nghiệp sản xuất điện.

Cách giải:

Tiềm năng để phát triển nhiệt điện ở nước ta là than đá. Việt Nam có nguồn tài nguyên than đá phong phú, đặc biệt ở vùng Quảng Ninh, và đây là nguyên liệu chính cho các nhà máy nhiệt điện, đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp điện năng cho đất nước.

Chọn A.

Câu 7 (VD):

Phương pháp:

Phân tích tổng hợp các ưu, nhược điểm của các loại hình vận tải và tiềm năng vận tải của nước ta.

Cách giải:

Việt Nam có đường bờ biển dài, vị trí địa lý đặc biệt quan trọng giúp việc trao đổi hàng hóa với các nước trong khu vực và thế giới thông qua các cảng biển lớn như TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng trở nên thuận lợi và hiệu quả. Vận tải đường biển hiệu quả trên các quãng đường xa, khả năng vận tải lớn.

Chọn C.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức về ngành du lịch.

Cách giải:

Vùng bờ biển tập trung nhiều bãi tắm đẹp có giá trị hàng đầu đối với hoạt động du lịch biển ở nước ta là Duyên hải Nam Trung Bộ. Khu vực này có nhiều bãi biển nổi tiếng như Nha Trang, Mũi Né, Quy Nhơn, Cam Ranh, và Phan Thiết. Các bãi biển ở đây không chỉ đẹp mà còn có cơ sở hạ tầng du lịch phát triển, thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước.

Chọn C.

Câu 9 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức về khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Thế mạnh lớn nhất của Trung du và miền núi Bắc Bộ là khai thác khoáng sản và thủy điện. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đặc biệt là than đá và quặng sắt, cũng như tiềm năng lớn trong phát triển thủy điện nhờ hệ thống sông suối dồi dào. Đây là những yếu tố quan trọng đóng góp vào sự phát triển kinh tế của khu vực.

Chọn B.

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức về vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ vùng Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Đảo Cái Bàu nằm ở tỉnh Quảng Ninh, thuộc khu vực Đồng bằng sông Hồng, là một trong những địa điểm du lịch nổi bật với cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp. Các đảo còn lại, như Lý Sơn, Côn Đảo và Phú Quốc, nằm ở các khu vực khác của Việt Nam.

Chọn B.

Câu 11 (VD):

Phương pháp:

Phân tích các đặc điểm của ngành nuôi trồng thủy sản và loại trừ.

Cách giải:

- Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều vũng vịnh, đầm phá, là điều kiện thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là nuôi tôm, cá và các loài thủy sản khác. Những khu vực này cung cấp môi trường lý tưởng cho sự phát triển của các loài thủy sản, đồng thời giúp bảo vệ chúng khỏi các điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

- Nhiều loài cá quý, loài tôm mực, liên kết với các ngư trường lớn là điều kiện thuận lợi phát triển đánh bắt thủy sản.

Chọn A.

Câu 12 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức về phát triển thương mại của vùng Đông Nam Bộ.

Cách giải:

Đông Nam Bộ, với TP. Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế chính, chiếm khoảng 60-65% tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu của cả nước. Khu vực này là đầu tàu trong xuất khẩu các mặt hàng như máy móc, điện tử, dệt may, giày dép, thủy sản, và các sản phẩm công nghiệp chế biến. TP. Hồ Chí Minh đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam.

Chọn B.

Câu 13 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức về đặc điểm sông ngòi trong phần Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

Cách giải:

Ở Việt Nam, có hai mùa rõ rệt là mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 10) và mùa khô (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau). Mùa mưa tạo ra lượng nước lớn từ các trận mưa, làm tăng dòng chảy của các sông, trong khi mùa khô thì lượng nước trong sông giảm xuống. Đây là nguyên nhân chính khiến chế độ nước của sông ngòi nước ta có sự thay đổi rõ rệt theo mùa: mùa lũ thường kéo dài 4 – 5 tháng và trùng với mùa mưa, mùa cạn dài 7 – 8 tháng và trùng với mùa khô. Trong đó, khoảng 70-80% lượng nước cả năm tập trung vào mùa lũ.

Chọn B.

Câu 14 (VD):

Phương pháp:

Phân tích các đặc điểm về ngành thương mại nước ta và vận dụng thực tiễn.

Cách giải:

Hoạt động xuất khẩu của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển sản xuất hàng hóa.

- Việc gia nhập các tổ chức quốc tế như WTO, các hiệp định thương mại tự do (FTA), cùng với việc phát triển mạnh mẽ các ngành sản xuất hàng hóa, đã giúp Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu và gia tăng sản lượng hàng hóa xuất khẩu. Sự hội nhập này tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận với các thị trường quốc tế, nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam.

- Nền kinh tế phát triển cùng với sự nâng cao của năng lực sản xuất, sản xuất hàng hóa ngày càng phát triển, tạo ra nhiều mặt hàng mới, chất lượng hàng hóa tốt hơn, đáp ứng nhu cầu của thị trường xuất khẩu. Ngoài ra, sự cải tiến trong các lĩnh vực như logistics, hạ tầng giao thông, giúp cho việc vận chuyển và xuất khẩu hàng hóa trở nên nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Chọn C.

Câu 15 (VD):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

Giai đoạn 2010 – 2022:

- Tỷ trọng khu vực kinh tế ngoài Nhà nước tăng từ 44,6% lên 57,3%, tăng 12,7%.
- Tỷ trọng khu vực kinh tế Nhà nước giảm từ 34,9% xuống còn 26,2%, giảm 8,7%.

- Tỷ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm từ 20,5% xuống còn 16,5%, giảm 4%.

Chọn D.

Câu 16 (VD):

Phương pháp:

Phân tích các đáp án.

Cách giải:

- A sai vì giảm việc khai thác để duy trì trữ lượng thủy sản mà không có một kế hoạch khai thác hợp lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản một cách khoa học sẽ không đảm bảo sự phát triển bền vững.
- B đúng vì việc phát triển ngư nghiệp ở vùng Bắc Trung Bộ cần phải chú trọng đến việc khai thác hợp lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản để đảm bảo tính bền vững trong lâu dài. Vùng có nhiều ngư trường và nguồn tài nguyên thủy sản phong phú, nhưng nếu khai thác quá mức mà không có sự quản lý, sẽ dễ dẫn đến tình trạng cạn kiệt nguồn lợi thủy sản và làm suy giảm chất lượng môi trường biển.
- C sai vì hạn chế nuôi trồng thủy sản không phải là giải pháp chính cho vấn đề phát triển ngư nghiệp. Ngược lại, phát triển nuôi trồng thủy sản có thể giúp giảm áp lực khai thác thủy sản tự nhiên, đồng thời cung cấp nguồn thu nhập ổn định cho ngư dân và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tự nhiên.
- D sai vì việc ngừng khai thác ven bờ không phải là giải pháp tối ưu, vì ven bờ là nơi có nhiều hệ sinh thái thủy sản quan trọng và là nơi đánh bắt chủ yếu của ngư dân. Việc đánh bắt xa bờ có thể đắt đỏ và không phải lúc nào cũng khả thi đối với mọi ngư dân, đặc biệt là những người có nguồn lực hạn chế.

Chọn B.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Phân tích các ảnh hưởng của sự phân hóa đa dạng tự nhiên. Chú ý từ khóa “xã hội”.

Cách giải:

Sự phân hóa thiên nhiên tạo sự phân hóa về phân bố dân cư. Các vùng có điều kiện tự nhiên thuận lợi sẽ thu hút dân cư và phát triển mạnh mẽ, trong khi những khu vực khó khăn về tự nhiên như vùng núi, vùng sâu, vùng xa có thể có mật độ dân cư thấp hơn. Điều này ảnh hưởng đến các chính sách phát triển xã hội, giáo dục, y tế và các vấn đề khác trong phát triển kinh tế - xã hội.

Chọn C.

Câu 18 (VDC):

Phương pháp:

Phân tích những khó khăn và cơ cấu kinh tế của vùng để lựa chọn mục đích chủ yếu của việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

Cách giải:

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay không chỉ nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn đặc biệt quan trọng trong việc thích ứng với biến đổi khí hậu, vì khu vực này là một trong những nơi chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của hiện tượng này, với vấn

đề như xâm nhập mặn, hạn hán, và lũ lụt. Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế sẽ giúp khu vực này phát triển những ngành nghề phù hợp hơn với điều kiện tự nhiên, bảo vệ môi trường và giảm thiểu rủi ro từ biến đổi khí hậu, đồng thời vẫn đảm bảo tăng trưởng kinh tế.

Chọn C.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), **d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1 (VD): Phương pháp:

Câu	1	2	3	4
Đáp án	SĐSĐ	ĐSĐĐ	ĐSĐS	ĐĐSĐ

Phân tích thông tin kết hợp kiến thức đã học về gió mùa của thiên nhiên nhiệt đới ẩm.

Cách giải:

- a)** Sai – Theo thông tin, nửa đầu mùa đông ở miền Bắc có thời tiết lạnh khô, chứ không phải lạnh ẩm. Thời tiết lạnh ẩm chỉ xuất hiện vào nửa sau mùa đông.
- b)** Đúng – Dãy Bạch Mã là ranh giới khí hậu quan trọng, làm suy yếu tác động của gió mùa Đông Bắc khi đi vào miền Trung và miền Nam, khiến miền Nam chủ yếu chịu ảnh hưởng của Tín phong bán cầu Bắc.
- c)** Sai – Mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên chủ yếu do Tín phong bán cầu Bắc chứ không phải do gió mùa Đông Bắc.
- d)** Đúng – Gió mùa Đông Bắc di chuyển một quãng đường dài trên lục địa châu Á trước khi đến miền Bắc nước ta, mang theo tính chất lạnh và khô vào đầu mùa đông.

Cụ thể:

- Gió mùa Đông Bắc xuất phát từ cao áp Xi-bia. Đây là một vùng có khí hậu rất lạnh vào mùa đông, đặc biệt là vào khoảng tháng 11 đến tháng 1. Do xuất phát từ một khu vực lục địa rộng lớn và khô ráo, khối không khí này mang đặc tính lạnh và khô.
- Khi di chuyển từ cao áp Xi-bia xuống miền Bắc Việt Nam, khối khí này đi qua lục địa Trung Quốc. Trong quá trình di chuyển qua lục địa, nó không nhận thêm hơi ẩm mà còn mất đi một phần hơi nước, nên khi đến miền Bắc Việt Nam vào đầu mùa đông, nó vẫn mang tính chất khô và lạnh.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Phân tích thông tin kết hợp kiến thức đã học về ngành thương mại.

Cách giải:

- a)** Đúng - Năm 2022, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu đạt 371,3 tỷ USD, tăng 10,5% so với năm 2021.
- b)** Sai - Tỷ lệ tăng của khu vực Kinh tế trong nước là 6,8%; Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 11,8%. Như vậy, khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (kể cả dầu thô) có tốc độ tăng nhanh hơn so với khu vực kinh tế trong nước.
- c)** Đúng - Việc kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh (10,5%) phản ánh rằng hàng hóa Việt Nam có sức cạnh tranh cao, đáp ứng được nhu cầu thị trường quốc tế.

d) Đúng - Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh (11,8%) và chiếm 74,3% tổng kim ngạch xuất khẩu, cho thấy vai trò rất lớn của doanh nghiệp nước ngoài trong nền kinh tế Việt Nam. Sự phát triển này là kết quả của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, kí kết các hiệp định thương mại tự do, và thực hiện các chính sách thu hút đầu tư.

Cụ thể:

- Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu, tham gia vào Hiệp định thương mại tự do (FTA), CPTPP (Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương), EVFTA (Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU),... Những hiệp định này giúp giảm thuế xuất khẩu, tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, thu hút doanh nghiệp nước ngoài đầu tư sản xuất để tận dụng ưu đãi.

- Chính phủ Việt Nam đã có nhiều chính sách hấp dẫn để thu hút đầu tư nước ngoài với các chính sách ưu đãi thuế. Vì vậy, nhiều doanh nghiệp FDI lớn như Samsung, Intel, LG, Foxconn, Nike đã đặt nhà máy sản xuất ở Việt Nam.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Phân tích thông tin kết hợp kiến thức đã học về Đồng bằng sông Cửu Long.

Cách giải:

a) Đúng - Đồng bằng sông Cửu Long có khí hậu cận xích đạo gió mùa.

b) Sai - Xâm nhập mặn không diễn ra mạnh vào mùa mưa, mà vào mùa khô. Mùa mưa có lượng nước ngọt lớn từ sông Mekong đổ về, đẩy nước mặn ra xa bờ. Do đó, xâm nhập mặn giảm. Mùa khô, lượng nước ngọt từ sông Mekong giảm, nước biển dễ dàng lấn sâu vào nội địa qua các cửa sông, gây ra hiện tượng xâm nhập mặn mạnh mẽ.

c) Đúng - Biến đổi khí hậu làm tăng nhiệt độ toàn cầu, dẫn đến: Nước biển dâng cao, khiến nước mặn dễ xâm nhập vào đất liền hơn; Lưu lượng nước từ sông Mekong giảm do hạn hán kéo dài, làm cho nước biển lấn sâu vào Đồng bằng sông Cửu Long; Hạn hán xảy ra nghiêm trọng hơn vào mùa khô, khiến thiếu nước ngọt cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp. Vì thế, biến đổi khí hậu làm xâm nhập mặn và hạn hán trở nên nghiêm trọng hơn.

d) Sai - Đồng bằng sông Cửu Long đúng là chịu ảnh hưởng sâu sắc của nước biển dâng, nhưng không phải do "khí hậu có hai mùa mưa và khô sâu sắc". Nước biển dâng là hệ quả của biến đổi khí hậu toàn cầu, không liên quan trực tiếp đến đặc điểm khí hậu hai mùa.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Phương pháp: Nhận xét biểu đồ và tính toán.

Cán cân thương mại = giá trị xuất khẩu – giá trị nhập khẩu.

Xuất siêu: Xuất khẩu > Nhập khẩu

Nhập siêu: Xuất khẩu < Nhập khẩu

Cách giải:

a) Đúng.

- Năm 2020: Xuất khẩu: 183,5 tỷ USD; Nhập khẩu: 165,6 tỷ USD

→ Cán cân thương mại = 183,5 - 165,6 = 17,9 tỷ USD (xuất siêu)

- So sánh với các năm khác:

2019: Cán cân thương mại = $208,1 - 213 = -4,9$ tỷ USD → Nhập siêu

2021: Cán cân thương mại = $254 - 222,9 = 31,1$ tỷ USD → Xuất siêu

2022: Cán cân thương mại = $321,1 - 275,7 = 45,4$ tỷ USD → Xuất siêu

→ Kết luận: Năm 2020 là năm có xuất siêu thấp nhất.

b) Đúng - Từ năm 2020 đến năm 2022, In-đô-nê-xi-a có cán cân thương mại xuất siêu.

2020: Cán cân thương mại = $183,5 - 165,6 = 17,9$ tỷ USD → Xuất siêu

2021: Cán cân thương mại = $254 - 222,9 = 31,1$ tỷ USD → Xuất siêu

2022: Cán cân thương mại = $321,1 - 275,7 = 45,4$ tỷ USD → Xuất siêu

c) Sai - Trị giá xuất khẩu và trị giá nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a năm 2020 đều giảm so với 2019.

d) Đúng. Năm 2022 so với năm 2019, trị giá xuất khẩu của In-đô-nê-xi-a tăng nhanh hơn trị giá nhập khẩu.

- Xuất khẩu tăng từ 208,1 tỷ USD lên 321,1 tỷ USD, tăng 1,54 lần.

- Nhập khẩu tăng từ 213 tỷ USD lên 275,7 tỷ USD, tăng 1,29 lần.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	14,7	2632	62,9	50,2	60,0	112

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Công thức tính biên độ nhiệt: Biên độ nhiệt – Nhiệt độ cao nhất – Nhiệt độ thấp nhất

Cách giải:

Xác định nhiệt độ cao nhất và thấp nhất từ bảng số liệu:

Nhiệt độ cao nhất: $31,6^{\circ}\text{C}$ (tháng 6)

Nhiệt độ thấp nhất: $16,9^{\circ}\text{C}$ (tháng 1)

→ Biên độ nhiệt = $31,6 - 16,9 \approx 14,7^{\circ}\text{C}$

→ Biên độ nhiệt độ không khí trung bình năm 2021 tại Hà Nội là $14,7^{\circ}\text{C}$.

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Công thức tính lưu lượng trung bình: Lưu lượng trung bình = Tổng lưu lượng các tháng : 12

Cách giải:

Lưu lượng trung bình = $(1022 + 905 + 853 + 1004 + 1578 + 3469 + 5891 + 6245 + 4399 + 2909 + 2024 + 1285) : 12 \approx 2632 \text{ m}^3/\text{s}$

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Công thức tính: Tỷ lệ dân nông thôn = Dân số nông thôn : Tổng dân số $\times 100$

Cách giải:

Ta có:

Tổng dân số năm 2021: 98504,4 nghìn người. Dân số thành thị: 36563,3 nghìn người

→ Dân số nông thôn = Tổng dân số - Dân số thành thị = 98504,4 - 36563,3 = 61941,1 nghìn người
→ Tỷ lệ dân số nông thôn = 61941,1 : 98504,4 × 100 ≈ 62,9%.

Câu 4 (VD):**Phương pháp:**

Công thức tính: Tỷ trọng xuất khẩu (%) = Trị giá xuất khẩu : Tổng trị giá thương mại × 100

Cách giải:

Ta có: Trị giá xuất khẩu: 336,1 tỉ USD. Trị giá nhập khẩu: 332,9 tỉ USD

→ Tổng trị giá thương mại = Xuất khẩu + Nhập khẩu = 336,1 + 332,9 = 669,0 (tỉ USD)

→ Tỷ trọng xuất khẩu = 336,1 : 669,0 × 100 ≈ 50,2%

Câu 5 (VD):**Phương pháp:**

Công thức tính: Năng suất = Sản lượng lúa : Diện tích gieo trồng

Cách giải:

Chuyển đổi đơn vị: 1 tấn = 10 tạ

Năng suất lúa = (42660,8 × 10) : 7108,9 ≈ 60,0 (tạ/ha)

Câu 6 (VD):**Phương pháp:**

Công thức tính: Mật độ dân số = Tổng dân số : Tổng diện tích

Cách giải:

Diện tích các tỉnh = 9677 + 15510 + 13070 + 6509 + 9781 = 54547 km²

Dân số các tỉnh = 580 + 1591 + 1918 + 671 + 1333 = 6093 nghìn người = 6093000 người

→ Mật độ dân số = 6093000 : 54547 ≈ 112 người/km²

ĐỀ 4

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI
ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2026
MÔN: ĐỊA LÍ
Thời gian: 50 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.
Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.A	2.B	3.C	4.C	5.B	6.A	7.B	8.C	9.D	10.A
11.C	12.B	13.A	14.D	15.A	16.B	17.D	18.A		

Câu 1 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.

Cách giải:

Lãnh thổ nước ta tiếp giáp với Biển Đông thông ra Thái Bình Dương.

Chọn A.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào chuyên đề Địa lí: Thiên tai và biện pháp phòng chống.

Cách giải:

Ở nước ta, xâm nhập mặn xảy ra nghiêm trọng nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Chọn B.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm mạng lưới đô thị ở nước ta.

Cách giải:

Thành phố Việt Trì, Đà Nẵng là đô thị loại I.

Thành phố Sơn La là đô thị loại II.

Hà Nội là đô thị loại đặc biệt.

Chọn C.

Câu 4 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào chiến lược và giải pháp phát triển dân số.

Cách giải:

Chiến lược phát triển dân số của nước ta hiện nay là đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng. **Chọn C.**

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào tình hình phát triển và phân bố của nông nghiệp (phần chăn nuôi).

Cách giải:

Vật nuôi có tổng đàn lớn nhất ở nước ta hiện nay là gia cầm (năm 2021, có 524,1 triệu đàn gia cầm).

Chọn B.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành công nghiệp sản xuất điện của nước ta.

Cách giải:

Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1 có công suất 1 245 MW; Phú Mỹ 1 có công suất 1 140 MW; Phải Lát 2 có công suất 600 MW; Cà Mau 1 có công suất 771 MW.

=> Duyên Hải 1 là nhà máy nhiệt điện có công suất lớn nhất nước ta hiện nay.

Chọn A.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành giao thông vận tải của nước ta.

Cách giải:

Loại hình vận tải có tốc độ phát triển nhanh nhất ở nước ta hiện nay là đường hàng không.

Chọn B.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào sự phân hóa du lịch của nước ta.

Cách giải:

Du lịch về nguồn là sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc Bộ. **Chọn C.**

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: cây công nghiệp lâu năm.

Dựa vào khai thác thế mạnh để phát triển cây công nghiệp lâu năm, cây dược liệu, cây rau thực phẩm.

Cách giải:

Cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là chè.

A, B sai vì quế, hồi là cây dược liệu.

C sai vì mận là cây ăn quả.

Chọn D.

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành dịch vụ vùng Đồng bằng sông Hồng (phần đường hàng không).

Cách giải:

Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn (Quảng Ninh) thuộc Đồng bằng sông Hồng.

Chọn A.

Câu 11 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cách giải:

Duyên hải Nam Trung Bộ đẩy mạnh phát triển các trung tâm logistic gắn với cảng biển nhờ điều bờ biển dài, nhiều vịnh nước sâu.

A sai vì đây là các điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông vận tải đường biển nhưng không phải là điều kiện quan trọng.

B sai vì có nhiều bãi tắm đẹp là điều kiện thuận lợi phát triển du lịch.

D sai vì đây là điều kiện thuận lợi để nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn.

Chọn C.

Câu 12 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào các thế mạnh kinh tế nổi bật vùng Đông Nam Bộ.

Cách giải:

Hiện nay, Đông Nam Bộ không đứng đầu cả nước về nuôi trồng thủy sản.

Vùng đứng đầu cả nước về nuôi trồng thủy sản là vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Chọn B.

Câu 13 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

Cách giải:

Khí hậu nóng ẩm, đất feralit là nguyên nhân chủ yếu làm cho hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa là cảnh quan tiêu biểu của nước ta vì khí hậu và đất trồng quyết định đến loại rừng.

Chọn A.

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

Xác định tỉ trọng dân số phân theo các nhóm tuổi và nhận xét về sự tăng/giảm.

Cách giải:

Tỉ trọng nhóm từ 15 đến 64 tuổi giảm nhiều hơn nhóm dưới 15 tuổi là nhận xét đúng vì tỉ trọng nhóm từ 15 đến 64 tuổi giảm 1,5%; tỉ trọng nhóm dưới 15 tuổi giảm 0,4%.

Chọn D.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: kinh tế - xã hội.

Dựa vào đặc điểm ngành thương mại nước ta.

Cách giải:

Ý nghĩa lớn nhất của hoạt động thương mại đối với phát triển kinh tế - xã hội nước ta là thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ, phát triển kinh tế.

B, D sai vì chưa có ý nghĩa về mặt kinh tế.

C sai vì thay đổi môi trường không phải là ý nghĩa về mặt kinh tế - xã hội.

Chọn A.

Câu 16 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội đối với ngành nuôi trồng thủy sản; liên hệ với các ý nghĩa trong phát triển nuôi trồng thủy sản ở vùng ven biển Bắc Trung Bộ.

Cách giải:

Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở vùng ven biển Bắc Trung Bộ là thay đổi cơ cấu kinh tế (giúp tăng tỉ trọng ngành thủy sản, mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn), phát huy các thế mạnh (các thế mạnh về tự nhiên và kinh tế - xã hội), tạo nông sản hàng hóa (tạo ra nhiều loại thủy sản, sản lượng lớn phục vụ cho việc xuất khẩu, làm tăng kim ngạch xuất khẩu cho vùng và cả nước).

A, C, D sai vì ngành nuôi trồng thủy sản ở vùng ven biển không mang ý nghĩa chủ yếu về tạo nhiều việc làm (ngành nuôi trồng thủy sản không tạo ra quá nhiều việc làm cho người dân), nâng cao vị thế cho vùng, tăng liên kết vùng.

Chọn B.**Câu 17 (VD):****Phương pháp:**

Liên hệ tổng hợp các kiến thức về tự nhiên, từ đó đưa ra các yếu tố ảnh hưởng đến chế độ nhiệt ở nước ta. **Cách giải:**

Các vùng trên lãnh thổ nước ta khác nhau về chế độ nhiệt chủ yếu do tác động của vị trí địa lí, địa hình, các loại gió và thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.

- Vị trí địa lí: Việt Nam nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nhưng lãnh thổ trải dài nhiều vĩ tuyến đã tạo ra sự khác biệt về chế độ nhiệt giữa các vùng.

- Địa hình: hướng địa hình (các dãy núi) làm ngăn cản hoặc đón gió mùa, tạo ra sự phân hóa nhiệt độ. Địa hình núi cao tạo ra sự phân hóa nhiệt độ theo độ cao,...

- Các loại gió: gió mùa Đông Bắc mang đến không khí lạnh vào mùa đông ở miền Bắc, trong cùng thời điểm gió Tín phong thống trị miền Nam nên nhiệt độ cao; gió tây nam kết hợp với bức chắn địa hình dãy Trường Sơn tạo ra sự phân hóa về mùa mưa giữa tây Trường Sơn và đông Trường Sơn;...

- Thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh: Càng gần chí tuyến, khoảng cách giữa 2 lần mặt trời lên thiên đỉnh trong năm càng gần. Càng gần xích đạo, khoảng cách giữa 2 lần mặt trời lên thiên đỉnh trong năm càng xa. Miền Nam có khoảng cách hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh cách xa nhau hơn

=> chế độ nhiệt có 2 cực đại, 2 cực tiểu. Miền Bắc có khoảng cách hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh gần nhau hơn => chế độ nhiệt có 1 cực đại, 1 cực tiểu.

Chọn D.**Câu 18 (VD):****Phương pháp:**

Liên hệ kiến thức về dịch vụ hậu cần nghề cá, đặc điểm ngành thủy sản vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Cách giải:

Hệ thống dịch vụ hậu cần nghề cá được chú trọng phát triển ở nhiều nơi của Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Nâng cao hiệu quả khai thác: Hệ thống dịch vụ hậu cần nghề cá phát triển giúp ngư dân tiếp cận các dịch vụ như cung cấp nhiên liệu, sửa chữa tàu thuyền, thông tin về ngư trường,... Từ đó, họ có thể khai thác hiệu quả hơn, tăng sản lượng và chất lượng thủy sản.

- Giảm tổn thất sau thu hoạch: Hệ thống dịch vụ hậu cần bao gồm cảng cá, kho lạnh, cơ sở chế biến,... giúp bảo quản và chế biến thủy sản sau thu hoạch một cách nhanh chóng và hiệu quả, giảm thiểu tổn thất về số lượng và chất lượng.

Chọn A.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐĐDS	ĐĐSS	ĐĐSS	SĐSS

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

- a)** Dựa vào đoạn thông tin hoặc nguyên nhân làm cho miền Bắc nước ta có một mùa đông lạnh.
b) Dựa vào nguyên nhân gây mưa phùn vào nửa sau mùa đông ở miền Bắc.
c) Dựa vào thời gian mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên, kết hợp với đoạn thông tin. **d)** Dựa vào các tác động của gió mùa Đông Bắc.

Cách giải:

- a)** Đúng.
b) Đúng.
c) Đúng vì thời gian từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau là mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên do gió Tín phong bán cầu Bắc thống trị.
d) Sai vì gió mùa Đông Bắc gây mưa phùn cho vùng đồng bằng và ven biển Bắc Trung Bộ, Bắc Bộ vào giai đoạn nửa sau mùa đông (tháng 2,3,4) nên đây không phải là nguyên nhân gây nên mùa khô cho cả nước.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

- a)** Dựa vào đoạn thông tin.
b) Dựa vào các yếu tố kinh tế - xã hội tác động đến ngành thủy sản nói riêng và ngành nông nghiệp nói chung. **c)** Dựa vào mối quan hệ giữa chất lượng sản phẩm thủy sản và trình độ người lao động. **d)** Liên hệ giải pháp để sản phẩm xuất khẩu mang lại giá trị cao hơn.

Cách giải:

- a)** Đúng vì đoạn thông tin có đề cập: “Các mặt hàng thủy sản của nước ta cũng đã thâm nhập được vào thị trường EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản,...”
b) Đúng vì ngành nông nghiệp nói chung chịu sự tác động rất mạnh bởi thị trường.
c) Sai vì trình độ lao động không tác động trực tiếp tới chất lượng sản phẩm thủy sản. Chất lượng sản phẩm thủy sản xuất khẩu ngày càng cao do công nghiệp chế biến phát triển.
d) Sai vì để sản phẩm xuất khẩu mang lại giá trị cao hơn, giải pháp chủ yếu là nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, chế biến sâu,...

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

- a) Dựa vào đoạn thông tin kết hợp với thể mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- b) Dựa vào hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. c) Dựa vào yếu tố tác động trực tiếp đến sự đa dạng cơ cấu cây trồng.
- d) Liên hệ dựa vào những ý nghĩa của đa dạng hóa hoạt động nông nghiệp.

Cách giải:

- a) Đúng vì đoạn thông tin có đề cập: “phát triển các vùng chuyên canh tập trung với qui mô thích hợp như cây chè, hoa, rau, quả,...”
- b) Đúng.
- c) Sai vì yếu tố chủ yếu tác động đến sự đa dạng trong cơ cấu sản phẩm ngành trồng trọt của Trung du và miền núi Bắc Bộ là khí hậu. Khí hậu của vùng có sự phân hóa nên có thể đa dạng hóa cơ cấu cây trồng.
- d) Sai vì đa dạng hóa hoạt động nông nghiệp nhằm khai thác hiệu quả thể mạnh (các thể mạnh về tự nhiên và kinh tế - xã hội), đáp ứng nhu cầu thị trường, đạt hiệu quả kinh tế cao.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào biểu đồ và công thức tính:

Mật độ dân số = Số dân/Diện tích $\Rightarrow$ Số dân = Mật độ dân số * Diện tích

Cách giải:

Dựa vào công thức tính số dân, ta có số dân của Hải Dương, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Quảng Ninh lần lượt là: 1,95 triệu người; 1,2 triệu người; 1,49 triệu người; 1,37 triệu người.

$\Rightarrow$ a, c, d – Sai; b – Đúng.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	300	20	0,94	220 2	3	31

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

Mật độ dân số = Số dân/Diện tích

Cách giải:

Mật độ dân số của nước ta năm 2022 là: $99\,461,7/331,3 = 300$ người/km²

Đáp án: 300

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

Nhiệt độ trung bình năm = Tổng nhiệt độ 12 tháng/12

Cách giải:

Nhiệt độ trung bình năm của Lai Châu là: $(12,6 + 17,0 + 20,2 + \dots + 14,2)/12 = 20^\circ\text{C}$

Đáp án: 20

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên = (Tỉ suất sinh – Tỉ suất tử)/10

Cách giải:

Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2021 là: $(15,8 - 6,4)/10 = 0,94\%$

Đáp án: 0,94

Câu 4 (TH):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

Tổng diện tích rừng = Diện tích rừng trồng + Diện tích rừng tự nhiên

Cách giải:

Diện tích rừng tự nhiên ở Bắc Trung Bộ năm 2021 là: $3\,131,1 - 929,6 = 2202$ nghìn ha.

Đáp án: 2202

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

Cán cân xuất, nhập khẩu = Trị giá xuất khẩu – Trị giá nhập khẩu

Cách giải:

Cán cân xuất, nhập khẩu năm 2021 của nước ta là: $336,1 - 332,9 = 3,2 \approx 3$ tỉ USD

Đáp án: 3

Câu 6 (TH):

Phương pháp:

Làm phép tính chia

Cách giải:

So với năm 2010, GDP của nước ta năm 2021 gấp: $84\,974,8/2\,739,8 = 31$ lần.

Đáp án: 31

ĐỀ 5

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI
ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2026

MÔN: ĐỊA LÍ

Thời gian: 50 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.
Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.C	2.C	3.A	4.B	5.A	6.C	7.A	8.C	9.D	10.B
11.B	12.A	13.B	14.B	15.A	16.D	17.A	18.C		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm vị trí địa lí của nước ta.

Cách giải:

Phía tây nước ta tiếp giáp với Lào và Cam-pu-chia.

Chọn C.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ý nghĩa về vị trí địa lí của nước ta.

Cách giải:

Nước ta giáp Biển Đông nên có tổng lượng mưa lớn, độ ẩm không khí cao.

Chọn C.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm đô thị hóa ở nước ta.

Cách giải:

Đô thị Cổ Loa được hình thành sớm nhất ở nước ta.

Chọn A.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm nguồn lao động nước ta.

Cách giải:

Chất lượng lao động ngày càng tăng là nhận định đúng với chất lượng lao động của nước ta. Các nhận định còn lại sai vì phần lớn lao động nước ta chưa qua đào tạo.

Chọn B.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành trồng trọt của nước ta.

Cách giải:

Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt ở nước ta, loại cây trồng chiếm tỉ trọng cao nhất là cây lương thực.

Chọn A.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành công nghiệp sản xuất điện của nước ta.

Cách giải:

Nhà máy nhiệt điện chạy bằng than có công suất lớn nhất nước ta là Phả Lại, có công suất 600 MW.

Chọn C.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành giao thông vận tải (đường bộ) của nước ta.

Cách giải:

Trục đường bộ xuyên quốc gia có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của phía tây nước ta là đường Hồ Chí Minh. Đây là tuyến đường chạy từ Cao Bằng đến Cà Mau.

Chọn A.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành du lịch (các địa điểm du lịch nổi tiếng) của nước ta.

Cách giải:

Di sản văn hóa thế giới phố cổ Hội An thuộc tỉnh Quảng Nam.

Chọn C.

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên hoặc các ngành kinh tế nổi bật của Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Trung du và miền núi Bắc Bộ **không** có thế mạnh về phát triển kinh tế biển vì vùng này không giáp biển.

Chọn D.

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành du lịch vùng Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Hai trung tâm du lịch tiêu biểu của vùng Đồng bằng sông Hồng là Hà Nội, Hải Phòng. Ngoài ra vùng còn có hai trung tâm du lịch tiêu biểu khác là Quảng Ninh và Ninh Bình.

Chọn B.

Câu 11 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh để phát triển du lịch biển, đảo ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cách giải:

Duyên hải Nam Trung Bộ có thế mạnh để phát triển du lịch biển, đảo là do có các bãi biển đẹp, nhiều vũng vịnh nổi tiếng, các đảo gần bờ.

A sai vì có nhiều vịnh ăn sâu vào đất liền, kín gió là điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông vận tải biển; giàu khoáng sản là điều kiện thuận lợi phát triển ngành công nghiệp khai khoáng.

C sai vì ngư trường là điều kiện thuận lợi để phát triển ngành khai thác thủy sản.

D sai vì đó là các điều kiện thuận lợi để phát triển ngành nuôi trồng, khai thác thủy sản.

Chọn B.

Câu 12 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của Đông Nam Bộ.

Cách giải:

Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về diện tích gieo trồng cây cao su.

Chọn A.

Câu 13 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (sông ngòi).

Cách giải:

Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do trong năm có hai mùa mưa và khô. Mùa mưa của khí hậu tương ứng với mùa lũ của sông ngòi, mùa khô của khí hậu tương ứng với mùa cạn của sông ngòi.

Chọn B.

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào tỉ trọng GDP của các thành phần kinh tế năm 2015 và năm 2020, nhận xét sự tăng/giảm. **Cách giải:**

Dựa vào biểu đồ trên ta thấy:

- Tỉ trọng GDP của Nhà nước và ngoài Nhà nước giảm.

- Tỉ trọng GDP của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng.

=> Tỉ trọng của kinh tế ngoài Nhà nước giảm là nhận xét đúng.

Chọn B.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành thương mại của nước ta (nội thương).

Cách giải:

Có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế (Nhà nước, ngoài Nhà nước, có vốn đầu tư nước ngoài) là nhận định đúng về ngành nội thương của nước ta hiện nay.

B sai vì sự phát triển mạnh mẽ của ngành nội thương là do sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.

C sai vì ngành nội thương xuất hiện ở tất cả các vùng.

D sai vì vốn chủ yếu từ ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Chọn A.

Câu 16 (VD):

Phương pháp:

- Thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian là chuỗi phát triển kinh tế từ tây sang đông hoặc từ đông sang tây.
- Dựa vào đặc điểm các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Bắc Trung Bộ.

Cách giải:

Để tạo thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian ở vùng Bắc Trung Bộ, biện pháp quan trọng nhất là gắn các vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp với ngư nghiệp. Việc liên kết các vùng này thông qua các hoạt động kinh tế sẽ tạo ra một chuỗi giá trị khép kín, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của vùng.

- A sai vì đây là một điều kiện cần nhưng chưa đủ để tạo thế liên hoàn. Giao thông vận tải tốt giúp kết nối các vùng, nhưng nếu không có sự liên kết về kinh tế giữa các vùng thì giao thông cũng không phát huy được tối đa hiệu quả.
- B sai vì việc phát triển kinh tế - xã hội ở vùng phía tây là quan trọng nhưng không phải là quan trọng nhất để tạo thế liên hoàn. Vùng phía tây chủ yếu là vùng núi, việc phát triển kinh tế ở đây cần chú trọng đến bảo vệ rừng và phát triển kinh tế rừng. Để tạo thế liên hoàn, cần có sự kết nối với các vùng khác.
- C sai vì các trung tâm công nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp. Tuy nhiên, để tạo thế liên hoàn, cần có sự liên kết chặt chẽ giữa các trung tâm công nghiệp với các vùng sản xuất nguyên liệu.

Chọn D.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: sự phân hóa.

Suy luận đáp án dựa vào từ khóa.

Cách giải:

Sự phân hóa về khí hậu luôn tạo điều kiện thuận lợi để đa dạng hóa cơ cấu nông nghiệp.

=> Sự phân hóa thiên nhiên tạo điều kiện cho việc đa dạng hóa cây trồng (lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, cây ăn quả), vật nuôi (gia súc, gia cầm), và bố trí các mùa vụ khác nhau để khai thác tối ưu tiềm năng của từng vùng.

Chọn A.

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

Chú ý từ khóa “ứng phó với biến đổi khí hậu”. Cần hiểu rõ hệ quả của biến đổi khí hậu ảnh hưởng như thế nào đến vùng ĐB sông Cửu Long.

Cách giải:

Biến đổi khí hậu khiến mực nước biển dâng lên, khiến cho hiện tượng xâm nhập mặn ngày càng diễn ra nghiêm trọng và lấn sâu vào đất liền. Hậu quả là tăng diện tích đất phèn đất mặn, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất nông nghiệp (đặc biệt canh tác lương thực).

=> Do vậy biện pháp chủ yếu, lâu dài để ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu là cần chủ động chuyển đổi cơ cấu sản xuất và bố trí mùa vụ hợp lý

- Chuyển đổi cơ cấu sản xuất cụ thể là tăng diện tích cây ăn quả, cây công nghiệp và mặt nước nuôi trồng thủy sản để thích ứng với hiện tượng xâm nhập mặn lấn sâu và ngập úng lâu dài.
- Bố trí mùa vụ hợp lý với các vụ cây ngắn ngày, thu hoạch sớm trước mùa mưa lũ, hạn mặn... để tránh thiệt hại sản xuất.

Chọn C.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), **d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐĐSS	ĐĐĐS	ĐĐSS	SĐSĐ

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

- a)** Dựa vào các điều kiện giúp vùng núi Đông Bắc có mùa đông lạnh nhất cả nước.
- b)** Dựa vào nguyên nhân làm cho vùng núi Tây Bắc có mùa đông ẩm và khô hơn vùng núi Đông Bắc.
- c, **d)** Dựa vào từ khóa: vùng núi cao, nhiệt độ hạ thấp. Từ đó đưa ra nguyên nhân.

Cách giải:

- a)** Đúng vì vùng núi Đông Bắc nằm ở phía Đông Bắc nước ta, chịu ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ của gió mùa Đông Bắc. Vùng có các dãy núi hình cánh cung (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều) mở rộng về phía Bắc, tạo điều kiện cho gió mùa Đông Bắc xâm nhập sâu vào khu vực.
- b)** Đúng vì vùng núi Tây Bắc có mùa đông ẩm và khô hơn do nằm ở phía tây dãy Hoàng Liên Sơn, dãy núi này chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam đóng vai trò như một bức tường chắn gió, ngăn cản gió mùa Đông Bắc xâm nhập sâu vào khu vực, làm giảm độ lạnh và tăng tính khô hạn.
- c)** Sai vì vùng núi cao Tây Bắc nhiệt độ hạ thấp do quy luật đai cao (càng lên cao nhiệt độ càng giảm).
- d)** Sai vì vùng núi Tây Bắc có nhiệt độ hạ thấp do địa hình cao, không phải do nguyên nhân hút gió từ các hướng tới.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm và vai trò của ngành dịch vụ nước ta.

Cách giải:

- a)** Đúng, dịch vụ đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao trình độ sản xuất trong nước (các ngành dịch vụ như khoa học công nghệ, tài chính, tư vấn, logistics... cung cấp kiến thức, công nghệ, vốn và giải pháp cho các ngành sản xuất, giúp nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả) và tăng cường hội nhập với thế giới (các ngành dịch vụ như du lịch, vận tải, viễn thông...

tạo điều kiện cho việc giao lưu, trao đổi hàng hóa, dịch vụ, văn hóa giữa Việt Nam với các nước trên thế giới, thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế).

b) Đúng, Dịch vụ góp phần bảo vệ môi trường (các ngành dịch vụ như xử lý chất thải, năng lượng sạch, tư vấn môi trường... giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường), xây dựng và phát triển nền kinh tế bền vững (các ngành dịch vụ như du lịch sinh thái, nông nghiệp hữu cơ... góp phần tạo ra các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường, thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững).

c) Đúng, dịch vụ đẩy nhanh đổi mới sáng tạo (các ngành dịch vụ như công nghệ thông tin, nghiên cứu và phát triển... tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong nền kinh tế), hỗ trợ các mô hình kinh tế số, kinh tế chia sẻ (các nền tảng dịch vụ trực tuyến, ứng dụng di động... tạo ra các mô hình kinh tế số, kinh tế chia sẻ, giúp tối ưu hóa nguồn lực và tạo ra giá trị mới).

d) Sai vì sự phát triển của ngành dịch vụ có thể làm tăng thêm sự phân hóa về trình độ phát triển kinh tế giữa các địa phương. Các ngành dịch vụ thường tập trung ở các thành phố lớn, nơi có cơ sở hạ tầng phát triển, nguồn nhân lực chất lượng cao và nhu cầu dịch vụ lớn. Sự phát triển dịch vụ không đồng đều giữa các vùng miền có thể làm gia tăng khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế giữa các địa phương.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

a) Dựa vào đoạn thông tin.

b) Dựa vào vai trò của công nghiệp chế biến.

c) Dựa vào điều kiện thuận lợi giúp ngành công nghiệp chế biến phát triển mạnh ở Đồng bằng sông Cửu Long. **d)** Dựa vào các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Cách giải:

a) Đúng, nguồn năng lượng gió và Mặt Trời chính là nguồn năng lượng tái tạo.

b) Đúng, công nghiệp chế biến giúp nâng cao giá trị nông sản, tạo ra nhiều mặt hàng – chính là nguồn hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường.

c) Sai vì, các ngành công nghiệp chế biến phát triển mạnh ở Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do có nguồn nguyên liệu dồi dào từ ngành nông nghiệp.

d) Sai vì sự phát triển ngành công nghiệp và dịch vụ không tác động đến đất đai.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

a) Dựa vào biểu đồ.

b) Dựa vào mối liên hệ giữa doanh thu và số lượt khách du lịch.

c) Dựa vào tình hình du lịch của nước ta hiện nay.

d) Liên hệ thực tế.

Cách giải:

a) Sai vì khách quốc tế đến nước ta tăng trong giai đoạn 2017 – 2019. Giai đoạn 2019 – 2021 giảm liên tục do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

- b) Đúng vì doanh thu tăng do số khách tăng và ngược lại.
- c) Sai vì hiện nay, ngành du lịch đang phục hồi, số lượt khách du lịch ngày càng tăng nên doanh thu có xu hướng tăng.
- d) Đúng, dịch Covid-19 làm ngành du lịch của nước ta bị đóng băng.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	16,1	14	0,12	50,2	61	3,1

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

Biên độ nhiệt = Nhiệt độ tháng cao nhất – Nhiệt độ tháng thấp nhất.

Cách giải:

Biên độ nhiệt độ năm tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) năm 2022 là: $31,4 - 15,3 = 16,1^{\circ}\text{C}$

Đáp án: 16,1

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Tính biên độ nhiệt của 2 địa điểm dựa vào công thức:

Biên độ nhiệt = Nhiệt độ tháng cao nhất – Nhiệt độ tháng thấp nhất.

Sau đó tính sự chênh lệch về biên độ nhiệt giữa hai địa điểm.

Cách giải:

Biên độ nhiệt độ năm của Hà Nội cao hơn của Cà Mau là:

$$(31,4 - 15,3) - (28,7 - 26,7) = 14,1 \approx 14^{\circ}\text{C}$$

Đáp án: 14

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Tính tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên dựa vào công thức:

Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên = $(\text{Tỉ suất sinh} - \text{Tỉ suất tử})/10$

Sau đó tính sự chênh lệch về tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giữa hai năm.

Cách giải:

So với năm 2010, tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2022 giảm đi: $[(17,1 - 6,8)/10] - [(15,2 - 6,1)/10] = 0,12\%$

Đáp án: 0,12

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng giá trị)*100

Cách giải:

Tổng giá trị xuất, nhập khẩu là: $336,1 + 332,9 = 669$ tỉ USD

Tỉ lệ xuất khẩu trong tổng giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta năm 2021 là: $(336,1/669)*100 = 50,2\%$

Đáp án: 50,2

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

Năng suất = Sản lượng/Diện tích.

Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

Năng suất lúa của nước ta năm 2021 là: $43,9/7,2 = 6,1$ tấn/ha = 61 tạ/ha

Đáp án: 61

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng giá trị)*100

Cách giải:

Tổng thủy sản khai thác ở nước ta năm 2010 là: $2\,220,0 + 194,4 = 2\,414,4$ nghìn tấn

Tổng thủy sản khai thác ở nước ta năm 2021 là: $3\,743,8 + 195,0 = 3\,938,8$ nghìn tấn

So với năm 2010, tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác nội địa năm 2021 giảm:

$[(194,4/2\,414,4)*100] - [(195,0/3\,938,8)*100] = 3,1\%$

Đáp án: 3,1

ĐỀ 6

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI
ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2026

MÔN: ĐỊA LÍ

Thời gian: 50 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.
Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.B	2.A	3.C	4.A	5.A	6.D	7.D	8.A	9.D	10.A
11.A	12.B	13.A	14.D	15.B	16.B	17.D	18.B		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.

Cách giải:

Điểm cực Tây trên đất liền nước ta thuộc tỉnh Điện Biên.

A sai vì điểm cực Đông trên đất liền thuộc Khánh Hòa.

C sai vì điểm cực Bắc trên đất liền thuộc Hà Giang.

D sai vì điểm cực Nam trên đất liền thuộc Cà Mau.

Chọn B.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên (phần tài nguyên rừng/tài nguyên sinh vật).

Cách giải:

Rừng ở nước ta hiện nay phân bố nhiều nơi.

Chọn A.

Câu 3 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm lao động và việc làm ở nước ta.

Cách giải:

Lao động nước ta hiện nay có số lượng đông, chất lượng nâng lên.

Chọn C.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào

Cách giải:

Các đô thị lớn ở nước ta phân bố tập trung ở đồng bằng, ven biển vì đây là nơi có nhiều điều kiện thuận lợi để dân cư tập trung đông đúc, phát triển các ngành kinh tế (đặc biệt là công nghiệp và dịch vụ).

Chọn A.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành trồng trọt (phần trồng cây ăn quả).

Cách giải:

Cây ăn quả ở nước ta hiện nay tạo được các sản phẩm xuất khẩu.

B, C, D sai vì cây ăn quả có cơ cấu cây trồng đa dạng, có nguồn gốc nhiệt đới, phân bố tập trung ở đồng bằng và vùng núi.

Chọn A.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành công nghiệp sản xuất điện ở nước ta.

Cách giải:

Tiềm năng thủy điện của nước ta tập trung lớn nhất ở hệ thống sông Hồng.

Chọn D.

Câu 7 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ.

Cách giải:

Điều kiện thuận lợi nổi bật để xây dựng các cảng biển nước sâu ở nước ta là có nhiều vịnh biển. Việc xây dựng cảng biển nước sâu đòi hỏi những điều kiện tự nhiên đặc biệt, và một trong những yếu tố quan trọng nhất chính là sự hiện diện của các vịnh biển. Vịnh biển, với đặc điểm sâu và kín gió, tạo điều kiện lý tưởng cho tàu thuyền lớn có thể ra vào và neo đậu một cách an toàn.

Chọn D.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào sử dụng hợp lý tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long (phân các thế mạnh và hạn chế về tự nhiên).

Cách giải:

Ở Đồng bằng sông Cửu Long có các nhóm đất chính: đất phù sa sông có diện tích khoảng hơn 1 triệu ha; đất phèn hơn 1,6 triệu ha; đất mặn gần 1 triệu ha.

=> Nhóm đất chính ở đồng bằng sông Cửu Long là phù sa và đất phèn.

Chọn A.

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh và hạn chế điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Trung du và miền núi Bắc Bộ **không** có thuận lợi tự nhiên cho phát triển đánh bắt cá và khai thác dầu mỏ. Hai hoạt động kinh tế này chủ yếu phát triển ở vùng biển, trong đó Trung du và miền núi Bắc Bộ không giáp biển.

Chọn D.

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh và hạn chế điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Có một mùa đông lạnh là thế mạnh cho vùng Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển cây vụ đông.

Chọn A.

Câu 11 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh và hạn chế điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cách giải:

Nghề làm muối ở các tỉnh ven biển Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển mạnh là do ở đây có nền nhiệt cao, ít cửa sông lớn đổ ra biển.

- Nền nhiệt cao: Nhiệt độ cao giúp nước biển bốc hơi nhanh chóng, làm tăng độ mặn và rút ngắn thời gian sản xuất muối. Ánh nắng mặt trời dồi dào cũng là nguồn năng lượng tự nhiên và tiết kiệm cho quá trình làm muối.

- Ít cửa sông lớn đổ ra biển: Điều này làm cho độ mặn của nước biển ở khu vực này cao hơn so với các vùng khác, giúp cho việc sản xuất muối hiệu quả hơn

Chọn A.

Câu 12 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào thế mạnh và hạn chế điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Tây Nguyên.s

Cách giải:

Khoáng sản có giá trị nhất ở Tây Nguyên là bô-xít.

Chọn B.

Câu 13 (TH):**Phương pháp:**

Dựa vào biểu hiện thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

Cách giải:

Mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc do địa hình nhiều đồi núi, lượng mưa lớn.

- Địa hình nhiều đồi núi: Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nước ta, tạo ra độ dốc lớn và nhiều khe rãnh. Điều này thúc đẩy quá trình hình thành và phát triển của mạng lưới sông ngòi. Nước mưa dễ dàng tập trung và chảy tràn trên địa hình đồi núi, tạo thành các dòng chảy.

- Lượng mưa lớn: Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với lượng mưa trung bình hàng năm lớn. Lượng mưa này cung cấp nguồn nước dồi dào cho các sông ngòi. Mưa lớn cũng góp phần vào quá trình xói mòn và bào mòn địa hình, tạo ra nhiều khe rãnh và làm dày thêm mạng lưới sông ngòi.

Chọn A.

Câu 14 (TH):**Phương pháp:**

Dựa vào trị trọng giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo khu vực kinh tế ở nước ta, giai đoạn 2018 - 2021 trong biểu đồ. Nhận xét sự tăng/giảm của từng đối tượng.

Cách giải:

A sai vì khu vực kinh tế trong nước có tỉ trọng giảm, khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có tỉ trọng tăng.

B sai vì khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài luôn có tỉ trọng cao hơn khu vực kinh tế trong nước.

C sai vì tỉ trọng khu vực kinh tế trong nước giảm: $28,6 - 26,6 = 2\%$ giai đoạn 2018 - 2021.

D đúng vì năm 2021, tỉ trọng khu vực kinh tế trong nước gấp: $73,4/26,6 = 2,75$ lần khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Chọn D.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành ngoại thương, lựa chọn đáp án chứa các yếu tố tác động trực tiếp đến ngành ngoại thương của nước ta.

Cách giải:

Tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế là vai trò chủ yếu giúp ngoại thương nước ta phát triển mạnh trong thời gian qua vì đây là các yếu tố tác động trực tiếp đến hoạt động xuất, nhập khẩu của nước ta.

Chọn B.

Câu 16 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào giải pháp để tăng cường, đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp và dịch vụ; hiện đại hóa cơ sở hạ tầng.

Cách giải:

Giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Bắc Trung Bộ là thu hút các nguồn đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng.

- Thu hút các nguồn đầu tư: Đầu tư là yếu tố then chốt để thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nguồn vốn đầu tư có thể đến từ trong nước và nước ngoài, từ các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân. Đầu tư vào các ngành công nghiệp chủ lực, công nghệ cao, các dự án hạ tầng quan trọng sẽ tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển của vùng.

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng: Cơ sở hạ tầng (giao thông, điện, nước, viễn thông...) đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút đầu tư và thúc đẩy phát triển kinh tế. Cơ sở hạ tầng hiện đại, đồng bộ sẽ giúp giảm chi phí vận chuyển, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất và kinh doanh, đồng thời nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Chọn B.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Liên hệ các yếu tố gây ra sự phân hoá theo Bắc – Nam dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

Cách giải:

Khí hậu nước ta có sự phân hoá theo Bắc - Nam chủ yếu do tác động của vĩ độ địa lí, gió mùa và gió thường xuyên, địa hình, dải hội tụ.

- Vĩ độ địa lí: Việt Nam trải dài trên nhiều vĩ độ, từ Bắc vào Nam, dẫn đến sự khác biệt về góc chiếu sáng của Mặt Trời và lượng nhiệt nhận được.

- Gió mùa và gió thường xuyên: Gió mùa Đông Bắc ảnh hưởng mạnh mẽ đến miền Bắc vào mùa đông gây ra sự phân hóa khí hậu rõ rệt giữa miền bắc và miền Nam, trong khi gió Tín

phong (loại gió thổi thường xuyên ở nước ta) và gió mùa Tây Nam chi phối thời tiết ở miền Nam.

- Địa hình: địa hình tác động đến hướng gió và lượng mưa. Ví dụ: địa hình dãy Bạch Mã chạy theo hướng đông – tây đã làm ngăn cản ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc đến phía nam nước ta.

- Dải hội tụ: Dải hội tụ nhiệt đới là một vùng khí áp thấp, nơi hai khối khí nóng và ẩm gặp nhau, gây ra mưa lớn. Vị trí của dải hội tụ thay đổi theo mùa, ảnh hưởng đến lượng mưa và thời tiết ở các vùng khác nhau.

Chọn D.

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

Liên hệ về vai trò của các tác động trong từng đáp án, lựa chọn đáp án đúng về tác động chủ yếu đến sự phát triển theo hướng tập trung ngành nuôi trồng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long. **Cách giải:**

Nuôi trồng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay phát triển theo hướng tập trung do tác động chủ yếu của sản xuất theo hướng thâm canh, ứng phó với biến đổi khí hậu vì sản xuất thâm canh trên quy mô lớn (tập trung) sẽ dễ dàng, thuận tiện và đạt hiệu quả cao trong việc áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Bên cạnh đó, Đồng bằng sông Cửu Long là vùng chịu tác động mạnh nhất của biến đổi khí hậu, nên cần nuôi trồng thủy sản theo hướng tập trung để hạn chế các rủi ro.

Chọn B.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), **d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	SĐSĐ	ĐĐSS	SSĐS	ĐSSS

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phản ánh hưởng của gió mùa Đông Bắc).

Cách giải:

a) Sai vì do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên phần lãnh thổ phía Bắc vào mùa đông nhiệt độ hạ thấp => biên độ nhiệt năm cao.

b) Đúng, vào nửa đầu mùa đông, gió mùa Đông Bắc thổi từ lục địa nên lạnh, khô; nửa sau mùa đông gió mùa Đông Bắc thổi lệch hướng, mang theo hơi ẩm từ biển vào.

c) Sai vì thời tiết ở miền Bắc vào mùa đông thất thường không phải do gió mùa Đông Bắc (vì loại gió này hoạt động ổn định vào mùa đông).

d) Đúng vì gió mùa Đông Bắc kết hợp với đặc điểm địa hình là nguyên nhân chủ yếu làm cho chế độ nhiệt của nước ta có sự phân hóa theo chiều Đông – Tây (Đông Bắc và Tây Bắc).

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

- a, **b)** Dựa vào đặc điểm của du lịch xanh.
 c, **d)** Liên hệ về ngành du lịch nước ta.

Cách giải:

a) Đúng.

b) Đúng vì du lịch được chia làm 2 loại: du lịch tự nhiên và du lịch nhân văn.

c) Sai vì du lịch xanh nhằm phát triển bền vững, luôn gắn với việc bảo vệ môi trường. => Những nơi kinh tế phát triển, đô thị hoá mạnh, đông dân không phải là các điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch xanh.

d) Sai vì Nhà nước đã có nhiều chính sách để thúc đẩy ngành du lịch phát triển: quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng, thu hút vốn đầu tư,... để thu hút khách du lịch. Mặt khác, chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng tăng nên nhu cầu du lịch cũng tăng lên. Đồng thời, nhờ chính sách mở cửa, hội nhập nên lượng khách du lịch quốc tế của nước ta cũng tăng nhanh trong thời gian gần đây.

-> Ngành du lịch nước ta phát triển nhanh trong thời gian gần đây nguyên nhân chủ yếu do chính sách phát triển, nhu cầu về du lịch tăng.

Câu 3 (VD):**Phương pháp:**

- a, **b)** Dựa vào đoạn thông tin
c) Dựa vào đặc điểm nổi bật của ngành trồng trọt vùng Đông Nam Bộ, kết hợp với những hiểu biết về nông nghiệp bền vững.
d) Dựa vào đặc điểm của gió mùa mùa hạ.

Cách giải:

a) Sai vì “Đông Nam Bộ có khí hậu mang tính chất cận xích đạo, nền nhiệt cao, ít thay đổi trong năm” nên vùng không có thể mạnh về trồng cây công nghiệp cận nhiệt.

b) Sai vì Chuyển đổi cơ cấu cây trồng không phải là giải pháp hàng đầu trong việc chống hạn để phát triển nông nghiệp bền vững.

c) Đúng vì đoạn thông tin có đề cập: “Đông Nam Bộ có khí hậu mang tính chất cận xích đạo, nền nhiệt cao, ít thay đổi trong năm”

d) Sai vì gió mùa mùa hạ (gió mùa Tây Nam) tạo nên mùa mưa ở Đông Nam Bộ.

Câu 4 (VD):**Phương pháp:**

Xác định giá trị xuất khẩu, nhập khẩu năm 2015 và năm 2021.

Nhận xét về sự tăng/giảm Lưu ý: tăng nhanh/chậm dùng phép chia; tăng nhiều/ít dùng phép trừ.

Cách giải:

a) Đúng vì so với năm 2015, năm 2020 Bru-nây có giá trị xuất khẩu tăng $11,5/6,4 = 1,8$ lần; giá trị nhập khẩu tăng $7,2/3,2 = 2,25$ lần.

b, **c)** Sai vì so với năm 2015, năm 2020 Bru-nây có giá trị xuất khẩu tăng $11,5 - 6,4 = 5,1$ tỷ USD; giá trị nhập khẩu tăng $7,2 - 3,2 = 4,0$ tỷ USD.

d) Sai vì Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu của Bru-nây, giai đoạn 2015 – 2021 có nhập khẩu và xuất khẩu đều tăng.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	203	14	99,4	182	2486	11

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

Số giờ nắng trung bình năm = Tổng số giờ nắng 12 tháng/12

Cách giải:

Số giờ nắng trung bình các tháng trong năm tại trạm quan trắc Quy Nhơn năm 2021 là: $(108,4 + 203,9 + \dots + 101,9)/12 = 203$ giờ

Đáp án: 203

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

Biên độ nhiệt = Nhiệt độ tháng cao nhất – Nhiệt độ tháng thấp nhất

Cách giải:

Biên độ nhiệt độ năm của Hà Nội cao hơn của Cà Mau:

$(31,4 - 15,3) - (28,7 - 26,6) = 14^\circ\text{C}$

Đáp án: 14

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

Tỉ số giới tính = $(\text{Số dân nam}/\text{Số dân nữ}) \times 100$

Cách giải:

Tỉ số giới tính của nước ta năm 2022 là: $(49,6/49,9) \times 100 = 99,4\%$

Đáp án: 99,4

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

Tốc độ tăng trưởng = $(\text{Giá trị năm sau}/\text{Giá trị năm gốc}) \times 100$

Cách giải:

Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2020 là:

$[(565\,987 + 2\,955\,806 + 3\,365\,060)/(421\,253 + 904\,775 + 1\,113\,126)] \times 100 = 282\%$

=> So với năm 2010, GDP của nước ta năm 2020 tăng thêm: $282\% - 100\% = 182\%$ (do coi GDP năm 2010 là 100%).

Đáp án: 182**Câu 5 (VD):****Phương pháp:**

Tính toán dựa vào công thức:

Sản lượng điện bình quân đầu người = Sản lượng điện/Số dân

Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

Đổi: 244,9 tỉ kWh = 244 900 triệu kWh

Sản lượng điện bình quân đầu người của nước ta năm 2021 là:

 $244\,900/98,5 = 2486 \text{ kWh/người}$ **Đáp án: 2486****Câu 6 (VD):****Phương pháp:**

Tính toán dựa vào công thức:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng)*100

Cách giải:

Tổng lao động 15 tuổi trở lên của nước ta năm 2020 là:

So với khu vực Nhà nước, tỉ trọng lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc trong khu vực ngoài Nhà nước năm 2020 của nước ta gấp:

 $[(44777,4/53609,6)*100] / [(4098,4/53609,6)*100] = 11 \text{ lần}$ **Đáp án: 11****ĐỀ 7**

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI
ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2026
MÔN: ĐỊA LÍ
Thời gian: 50 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.
 Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.C	2.C	3.A	4.D	5.C	6.C	7.B	8.C	9.A	10.A
11.D	12.C	13.C	14.B	15.D	16.B	17.B	18.B		

Câu 1 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm vị trí địa lí của nước ta.

Cách giải:

Phía tây nước ta tiếp giáp với Lào và Cam-pu-chia.

Chọn C.**Câu 2 (NB):**

Phương pháp:

Dựa vào vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên (tài nguyên đất).

Cách giải:

Sử dụng thuốc trừ sâu, phân hóa học là hoạt động có nguy cơ cao dẫn tới suy giảm tài nguyên đất. **Chọn C.**

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm đô thị hóa ở nước ta.

Cách giải:

Đô thị Cổ Loa được hình thành sớm nhất ở nước ta.

Chọn A.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm nguồn lao động nước ta.

Cách giải:

Người lao động nước ta có nhiều kinh nghiệm sản xuất nhất trong lĩnh vực nông nghiệp vì nước ta là quốc gia xuất phát điểm từ nông nghiệp.

Chọn D.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh và hạn chế đối với phát triển nông nghiệp.

Cần hiểu rõ ngành nông nghiệp chịu tác động mạnh mẽ nhất bởi khí hậu.

Cách giải:

Nhân tố có tính chất quyết định đến sự phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta là khí hậu nhiệt đới.

Chọn C.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành công nghiệp sản xuất điện.

Cách giải:

Đường dây tải điện siêu cao áp 500 KV Bắc - Nam nối hai địa điểm Lai Châu - Cần Thơ.

Chọn C.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành giao thông vận tải đường thủy (đường sông).

Cách giải:

Vận tải đường thủy nội địa nước ta phát triển nhất trên hệ thống đường thủy nội địa sông Mê Công – sông Đồng Nai.

Chọn B.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long. **Cách giải:**

Nhóm đất phèn ở Đồng bằng sông Cửu Long phân bố tập trung chủ yếu ở Đồng Tháp Mười, Hà Tiên, vùng trũng Cà Mau.

A sai vì đó là sự phân bố của đất phù sa sông.

D sai vì đó là sự phân bố của đất mặn.

Chọn C.

Câu 9 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào hướng phát triển của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Gạch chân từ khóa: cây trồng chủ lực.

Cách giải:

Hình thành các vùng đa canh (canh tác nhiều loại cây trồng khác nhau trên một cùng một khu vực đất trồng) không phải là hướng phát triển đối với các cây trồng chủ lực của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trong thời gian tới vì đây không phải là biện pháp đạt hiệu quả kinh tế cao. Nên hướng vùng hình thành các vùng chuyên canh quy mô lớn sẽ đạt hiệu quả kinh tế cao hơn.

Chọn A.

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông do vùng có một mùa đông lạnh. **Chọn A.**

Câu 11 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào hướng phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cách giải:

Hướng phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ **không** phải là tập trung khai thác gần bờ gắn với chế biến. Đây mới là hướng phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ vì thủy sản gần bờ đang bị suy giảm mạnh.

Chọn D.

Câu 12 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm dân số vùng Đông Nam Bộ.

Cách giải:

Dân số đông (18,3 triệu người – 2021), tỉ lệ dân số thành thị cao nhất cả nước (66,4% - 2021) là nhận xét đúng về đặc điểm dân số vùng Đông Nam Bộ. Mật độ dân số của vùng cao thứ hai cả nước chỉ sau vùng Đồng bằng sông Hồng.

Chọn C.

Câu 13 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

Cách giải:

Kiểu thời tiết lạnh ẩm xuất hiện vào nửa sau mùa đông ở miền Bắc nước ta là do khối khí lạnh di chuyển lệch đông qua biển (mang theo hơi ẩm từ biển vào đất liền nước ta).

A sai vì gió mùa đông đi qua lục địa phương Bắc sẽ gây ra thời tiết khô.

B sai vì khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương không ảnh hưởng ở miền Bắc vào mùa đông.

D sai vì đây không phải là nguyên nhân.

Chọn C.

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào dấu hiệu nhận dạng biểu đồ thông qua các từ khóa: thay đổi cơ cấu, giai đoạn 2010 – 2021, thích hợp nhất.

Cách giải:

Để thể hiện sự thay đổi cơ cấu số lượt hành khách vận chuyển phân theo loại hình kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 – 2021, dạng biểu đồ miền là thích hợp nhất vì biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu/chuyển dịch cơ cấu của các đối tượng từ 4 năm trở lên.

Chọn B.

Câu 15 (VD):

Phương pháp:

Liên hệ ngành thương mại với đặc điểm nền kinh tế nước ta.

Cách giải:

Kim ngạch xuất, nhập khẩu của nước ta liên tục tăng chủ yếu do sự phát triển kinh tế (kinh tế Việt Nam liên tục tăng trưởng, tạo đà cho hoạt động sản xuất và thương mại, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu xuất khẩu,...) và những đổi mới trong cơ chế quản lý như:

- Cải cách thể chế: Nhà nước thực hiện cải cách hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, giảm chi phí giao dịch cho doanh nghiệp.

- Chính sách hỗ trợ: Nhà nước có nhiều chính sách khuyến khích xuất khẩu, như hỗ trợ tín dụng, xúc tiến thương mại, giảm thuế.

- Tự do hóa thương mại: Việt Nam từng bước tự do hóa thương mại, giảm thiểu các biện pháp can thiệp hành chính, tạo sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp.

Chọn D.

Câu 16 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào hạn chế về điều kiện tự nhiên của Bắc Trung Bộ, từ đó liên hệ và rút ra biện pháp phòng chống thiên tai quan trọng nhất của vùng.

Cách giải:

Để phòng chống thiên tai ở Bắc Trung Bộ, biện pháp quan trọng nhất là bảo vệ, phát triển rừng đầu nguồn và trồng rừng ven biển vì rừng đầu nguồn và rừng ven biển rất quan trọng:

- Rừng đầu nguồn:

+ Điều hòa nguồn nước: Rừng đầu nguồn giúp điều hòa lượng nước, giảm thiểu nguy cơ lũ lụt vào mùa mưa và hạn hán vào mùa khô.

+ Chống xói mòn, sạt lở: Rễ cây giữ đất, hạn chế xói mòn và sạt lở đất, đặc biệt là ở vùng đồi núi.

+ Bảo vệ môi trường: Rừng đầu nguồn có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sinh thái, duy trì đa dạng sinh học.

- Rừng ven biển:

+ Chắn sóng, giảm gió: Rừng ven biển có tác dụng chắn sóng, giảm gió, bảo vệ đê điều và khu dân cư ven biển.

+ Chống xâm nhập mặn: Rừng ngập mặn giúp ngăn chặn sự xâm nhập của nước mặn vào đất liền, bảo vệ nguồn nước ngọt và đất nông nghiệp.

+ Ổn định bờ biển: Rừng ven biển giúp ổn định bờ biển, hạn chế xói lở và bồi tụ.

Chọn B.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (địa hình).

Cách giải:

Quá trình phong hóa hóa học tham gia vào việc làm biến đổi bề mặt địa hình hiện tại của nước ta được biểu hiện ở thành tạo địa hình cac-xtơ. Địa hình cac-xtơ được hình thành do sự hòa tan của đá vôi (cacbonat canxi) bởi nước có chứa axit cacbonic, quá trình hòa tan tạo ra các hang động, sông ngầm, và các dạng địa hình đặc trưng khác.

Chọn B.

Câu 18 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào ngành du lịch vùng Đồng bằng sông Cửu Long hoặc sự phân hóa lãnh thổ du lịch ở nước ta.

Cách giải:

Sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long chủ yếu là du lịch biển, đảo, sinh thái miệt vườn, du lịch văn hóa lễ hội.

Chọn B.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐĐĐS	ĐĐSS	ĐĐSĐ	SĐĐĐ

- a)** Dựa vào đặc điểm khác nhau về khí hậu giữa vùng núi Đông Bắc và vùng núi Đông Bắc.
- b)** Dựa vào nguyên nhân làm cho vùng núi Tây Bắc có mùa đông ít lạnh hơn vùng núi Đông Bắc.
- c)** Dựa vào các nguyên nhân gây ra sự phân hóa thiên nhiên của vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc. **d)** Dựa vào nguyên nhân làm cho vùng núi Đông Bắc có sự phân hóa theo độ cao.

Cách giải:

- a)** Đúng, do vị trí và đặc điểm địa hình nên vùng núi Đông Bắc có một mùa đông lạnh đến sớm và kết thúc muộn. Đây cũng chính là sự khác biệt về khí hậu mùa đông giữa vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc.
- b)** Đúng, dãy Hoàng Liên Sơn chạy theo hướng tây bắc – đông nam làm ngăn cản ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
- c)** Đúng vì ở vùng núi Đông Bắc, địa hình thấp, chủ yếu là đồi núi thấp và các cánh cung núi mở ra phía Bắc và Đông Bắc làm gió mùa Đông Bắc xâm nhập sâu vào đất liền. Ở vùng núi Tây Bắc, có dãy Hoàng Liên Sơn chạy theo hướng tây bắc - đông nam, tạo thành bức tường chắn gió mùa Đông Bắc nên ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc yếu hơn.
- d)** Sai vì thiên nhiên có sự phân hóa theo độ cao là do độ cao địa hình, không phải do vị trí địa lí. Hơn nữa, vùng núi Tây Bắc có địa hình cao hơn nên thiên nhiên có sự phân hóa rõ rệt theo độ cao hơn vùng núi Đông Bắc.

Câu 2 (VD):**Phương pháp:**

- a, b, **c)** Dựa vào đoạn thông tin.
- d)** Liên hệ kiến thức về ngành nội thương ở nước ta hiện nay.

Cách giải:

- a)** Đúng, ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 565,9 nghìn tỉ đồng, chiếm 10,6 % và tăng 55,2 %; chiếm nhỏ nhất và tăng nhiều nhất so với các ngành còn lại.
- b)** Đúng.
- c)** Sai vì: “Đến thời điểm 31/12/2022, cả nước có 8 517 chợ, giảm 32 chợ so với năm 2021”
- d)** Sai vì nội thương của nước ta hiện nay ngày càng tăng, đặc biệt năm 2022 – đây là giai đoạn phục hồi sau thời kì Covid-19.

Câu 3 (VD):**Phương pháp:**

- a)** Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
- b)** Dựa vào thế mạnh về tự nhiên để sản xuất lương thực, thực phẩm ở Đồng bằng sông Cửu Long.

- c) Dựa đặc điểm kinh tế và liên hệ với hạn chế về tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
 d) Liên hệ với hạn chế tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

Cách giải:

- a) Đúng, đất phù sa là một trong những nhóm đất phổ biến ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long; ngoài ra còn có đất phèn và đất mặn.
 b) Đúng vì địa hình bằng phẳng, diện tích đất phù sa lớn là một trong những thuận lợi chủ yếu để vùng quy hoạch sản xuất lương thực, thực phẩm quy mô lớn.
 c) Sai vì đây là vùng có thêm lực địa nông nên không thuận lợi để phát triển giao thông vận tải biển.
 d) Đúng, đây chính là những khó khăn rất lớn mà Đồng bằng sông Cửu Long đang phải đối mặt.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

- a) Dựa vào bảng số liệu.
 b) Tính toán, giảm nhanh/chậm dùng phép trừ, giảm nhiều/ít dùng phép chia.
 c) Tính toán dựa vào công thức:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng giá trị)*100

- d) Dựa vào dấu hiệu nhận dạng biểu đồ dựa vào các từ khóa: quy mô và cơ cấu, thích hợp nhất.

Cách giải:

- a) Sai vì tổng diện tích lúa, diện tích lúa đông xuân, lúa hè thu và thu đông đều giảm.
 b) Đúng vì:
 - Diện tích lúa đông xuân giảm 96 nghìn ha; giảm 1,03 lần.
 - Diện tích lúa hè thu và đông xuân giảm 111,3 nghìn ha; giảm 1,04 lần.
 - Diện tích lúa mùa giảm 124,8 nghìn ha; giảm 1,08 lần.
 c) Đúng vì dựa vào công thức tính tỉ trọng, ta có bảng sau:

Tỉ trọng diện tích lúa cả năm phân theo mùa vụ của nước ta, giai đoạn 2018 – 2021

(Đơn vị: %)

Năm		2018	2020	2021
Tổng số		100,0	100,0	100,0
Trong đó	Lúa đông xuân	41,0	41,5	41,5
	Lúa hè thu và thu đông	36,8	36,7	36,9
	Lúa mùa	22,2	21,8	21,5

=> Tỉ trọng diện tích lúa đông xuân luôn lớn nhất và có xu hướng tăng lên.

- d) Đúng vì biểu đồ tròn là dạng biểu đồ duy nhất thể hiện được quy mô và cơ cấu của các đối tượng.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	25,3	2659	12,7	372	61,3	68,7

Câu 1 (TH):**Phương pháp:**

Tính toán dựa vào công thức:

Nhiệt độ trung bình năm = Tổng nhiệt độ 12 tháng/12

Cách giải:

Nhiệt độ trung bình năm tại Hà Nội năm 2021 là:

$$(16,9 + 20,9 + 22,5 + \dots + 19,4)/12 = 25,3^{\circ}\text{C}$$

Đáp án: 25,3

Câu 2 (VD):**Phương pháp:**

- Xác định mùa mưa, mùa mưa là 3 tháng trở lên liên tiếp có lượng mưa từ 100 mm trở lên.
- Sau đó tính tổng lượng của các tháng mùa mưa.

Cách giải:

Mùa mưa ở Vinh năm 2022 là từ tháng 7 đến tháng 11.

=> Tổng lượng mưa trong mùa mưa tại Vinh năm 2022 là:

$$255,6 + 166,3 + 1166,7 + 352,0 + 718,6 = 2659,2 \approx 2659 \text{ mm}$$

Đáp án: 2659

Câu 3 (TH):**Phương pháp:**

Tính toán dựa vào công thức:

$$\text{Giá trị thành phần} = (\text{Tỉ lệ \% giá trị thành phần} \times \text{Tổng})/100$$

Cách giải:

Tỉ lệ dân nông thôn của Đồng bằng sông Cửu Long năm 2023 là: $100 - 27,4 = 72,6\%$

Tổng số dân nông thôn của vùng năm 2023 là: $(72,6 \times 17,5)/100 = 12,7$ triệu người.

Đáp án: 12,7

Câu 4 (VD):**Phương pháp:**

- Đặt ẩn: đặt giá trị nhập khẩu là a
 - Tính toán dựa vào các dữ liệu đề bài cho:
 - + Tổng giá trị xuất nhập khẩu = 732 tỉ USD (= Giá trị xuất khẩu + Giá trị nhập khẩu).
 - + Trị giá xuất khẩu so với trị giá nhập khẩu là 103,3% => Trị giá xuất khẩu = 103,3%
- Giá trị nhập khẩu (= 103,3%a)

Cách giải:

Gọi giá trị nhập khẩu là a

Ta có:

Tổng giá trị xuất nhập khẩu = 732 tỉ USD

=> Giá trị xuất khẩu + Giá trị nhập khẩu = 732

=> $103,3\%a + a = 732$

=> $1,033a + a = 732$

=> $a = 360$ => Giá trị nhập khẩu là 360 tỉ USD

=> Giá trị xuất khẩu là: $732 - 360 = 372$ tỉ USD

Đáp án: 372

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

Năng suất = Sản lượng/Diện tích

Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

Năng suất lúa của nước ta năm 2023 là: $43,5/7,1 = 6,13$ tấn/ha = 61,3 tạ/ha

Đáp án: 61,3

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng giá trị)*100

Cách giải:

Tỉ lệ diện tích rừng tự nhiên trong tổng diện tích rừng cả nước là: $(10,1/14,7)*100 = 68,7\%$

Đáp án: 68,7

ĐỀ 8

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI
ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2026
MÔN: ĐỊA LÍ
Thời gian: 50 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.
Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.A	2.B	3.B	4.A	5.B	6.A	7.A	8.B	9.A	10.A
11.B	12.A	13.A	14.B	15.C	16.A	17.A	18.A		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.

Cách giải:

Vùng đất của nước ta bao gồm đất liền và hải đảo.

B, C, D sai vì nội thủy và lãnh hải là các bộ phận của vùng biển nước ta.

Chọn A.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào chuyên đề Địa lí: Thiên tai và biện pháp phòng chống.

Cách giải:

Bão ở nước ta thường kèm theo ngập lụt.

Chọn B.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm đô thị hóa ở nước ta

Cách giải:

Mạng lưới đô thị nước ta **không** có đặc điểm: chủ yếu là đô thị loại đặc biệt. Năm 2021, nước ta chỉ có 2 đô thị loại đặc biệt là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Chọn B.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm phân bố dân cư ở nước ta.

Cách giải:

Vùng kinh tế Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất nước ta. Năm 2021, mật độ dân số của vùng là 1 179 người/km².

Chọn A.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành trồng trọt (phần sản xuất cây công nghiệp).

Cách giải:

Cây chè là loại cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt.

Chọn B.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành công nghiệp sản xuất điện.

Cách giải:

Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu sản lượng điện nước ta là nhiệt điện. Năm 2021, nhiệt điện chiếm 56,2% sản lượng điện của nước ta.

Chọn A.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành giao thông vận tải của nước ta.

Cách giải:

Đầu mối giao thông vận tải lớn nhất miền Trung nước ta là Đà Nẵng.

Chọn A.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào sự phân hóa ngành du lịch nước ta.

Cách giải:

Nghỉ dưỡng biển đảo gắn với di sản là sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ.

Chọn B.

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm các ngành kinh tế vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (phần phát triển chăn nuôi gia súc lớn).

Cách giải:

Trung du và miền núi Bắc Bộ dẫn đầu cả nước về đàn trâu.

Chọn A.

Câu 10 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Đồng bằng sông Hồng hoặc dựa vào bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Vườn quốc gia Tam Đảo nằm ở Đồng bằng sông Hồng.

B sai vì vườn quốc gia Cát Tiên ở vùng Đông Nam Bộ.

C sai vì vườn quốc gia Phú Quốc ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

D sai vì vườn quốc gia Núi Chúa ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

Chọn A.

Câu 11 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên đối với ngành giao thông vận tải ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cách giải:

Giao thông vận tải đường biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển mạnh dựa trên thuận lợi: đường bờ biển cắt xẻ mạnh. Đặc điểm này tạo ra nhiều vũng, vịnh kín gió, thuận lợi cho việc xây dựng các cảng biển nước sâu và các khu neo đậu tàu thuyền an toàn. Các cảng biển này đóng vai trò quan trọng trong việc giao thương hàng hóa, phát triển kinh tế của vùng và cả nước.

Chọn B.

Câu 12 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Đông Nam Bộ.

Cách giải:

Dầu mỏ là loại khoáng sản có trữ lượng lớn ở Đông Nam Bộ.

Chọn A.

Câu 13 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và liên hệ.

Cách giải:

Mưa lớn, địa hình dốc, mất lớp phủ thực vật là các nguyên nhân chính làm cho quá trình xâm thực diễn ra mạnh ở vùng núi nước ta.

- Mưa lớn: Lượng mưa lớn, đặc biệt là mưa lớn tập trung theo mùa ở Việt Nam, tạo ra dòng chảy mạnh trên bề mặt đất. Nước mưa cuốn trôi đất, đá và các vật liệu vụn bở khác, gây ra xói mòn và xâm thực. - Địa hình dốc: Vùng núi nước ta có địa hình dốc, làm tăng tốc độ dòng chảy của nước mưa. Nước chảy càng nhanh thì khả năng cuốn trôi vật liệu càng lớn, dẫn đến xâm thực mạnh mẽ hơn.

- Mất lớp phủ thực vật: Rừng và thảm thực vật có vai trò quan trọng trong việc giữ đất và hạn chế xói mòn. Khi rừng bị chặt phá hoặc thảm thực vật bị suy thoái, đất trở nên trơ trọi và dễ bị nước mưa cuốn trôi hơn.

Chọn A.

Câu 14 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào biểu đồ, nhận xét sự tăng/giảm của diện tích và sản lượng cà phê của nước ta trong giai đoạn trên.

Cách giải:

Diện tích và sản lượng cà phê đều tăng trong giai đoạn trên là nhận xét đúng với biểu đồ trên vì: - Diện tích cà phê tăng liên tục, tăng từ 643,3 nghìn ha (năm 2015) lên 710,6 nghìn ha (năm 2021) - Sản lượng cà phê tăng liên tục, tăng từ 1473,4 nghìn tấn (năm 2015) lên 1845 nghìn tấn (năm 2021).

Chọn B.

Câu 15 (TH):**Phương pháp:**

Dựa vào

Cách giải:

Trị giá xuất khẩu của nước ta tăng nhanh chủ yếu do sản xuất phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng.

- Sản xuất phát triển: Sự phát triển của các ngành sản xuất, đặc biệt là các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và các ngành có lợi thế so sánh như dệt may, da giày, điện tử... đã tạo ra khối lượng hàng hóa lớn, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu ngày càng tăng.

- Hội nhập quốc tế sâu rộng: Việt Nam đã tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do và trở thành thành viên của nhiều tổ chức kinh tế khu vực và quốc tế. Điều này giúp mở rộng thị trường xuất khẩu, giảm thiểu rào cản thương mại, tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam tiếp cận thị trường quốc tế một cách dễ dàng hơn.

Chọn C.

Câu 16 (VD):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: đánh bắt xa bờ.

Lựa chọn đáp án đầy đủ và chính xác nhất của ý nghĩa đánh bắt xa bờ.

Cách giải:

Ý nghĩa của việc đẩy mạnh đánh bắt xa bờ ở Bắc Trung Bộ là phát triển kinh tế (ý nghĩa về mặt kinh tế), bảo vệ chủ quyền vùng biển đảo (ý nghĩa về an ninh quốc phòng). Đây là đáp án đầy đủ và chính xác nhất. B, C, D sai vì đáp án chỉ đề cập về các ý nghĩa về mặt kinh tế.

Chọn A.

Câu 17 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào

Cách giải:

Ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tới ngành du lịch nước ta là sản phẩm đa dạng, nhiều di sản thiên nhiên thế giới, chi phí bảo tồn lớn.

- Hệ sinh thái phong phú với nhiều cảnh quan thiên nhiên đẹp như rừng, biển, hang động,... → Sản phẩm du lịch đa dạng.

- Nhiều di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận (Vịnh Hạ Long, Phong Nha - Kẻ Bàng,...) → Thu hút khách du lịch.

- Tuy nhiên, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa cũng gây ra tác động tiêu cực như bão, lũ lụt, xói mòn... → Chi phí bảo tồn lớn.

B sai vì các ngành du lịch không diễn ra quanh năm (ví dụ: vào mùa đông ở miền Bắc, du lịch biển không phát triển).

C, D sai vì đặc điểm tự nhiên không tác động trực tiếp và sự tăng trưởng ngành du lịch, doanh thu du lịch.

Chọn A.

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành thủy sản và liên hệ các giải pháp để nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản ở Đồng bằng sông Hồng.

Dùng phương pháp loại trừ.

Cách giải:

Giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long là áp dụng công nghệ hiện đại, phát triển công nghiệp chế biến, đổi mới phương tiện.

B sai vì nguồn lợi thủy sản của vùng phong phú, trước mắt chưa cần sử dụng đến ứng dụng công nghệ định vị cá.

C sai vì ngành thủy sản không yêu cầu chất lượng lao động như các ngành công nghệ cao.

D sai vì tăng cường hợp tác quốc tế không phải là giải pháp chủ yếu vì thủy sản được khai thác hoàn toàn trong vùng biển nước ta.

Chọn A.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐĐSĐ	ĐSSĐ	SĐSS	SĐSĐ

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta.

Cách giải:

a) Đúng vì đoạn thông tin đề cập đến đầy đủ các biểu hiện về khí hậu của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta.

b) Đúng, do ảnh hưởng của địa hình, những khu vực núi cao và sườn đón gió có lượng mưa rất lớn.

c) Sai vì nhiệt độ trung bình năm ở các vùng núi cao thấp hơn mức trung bình cả nước chủ yếu do ảnh hưởng của độ cao địa hình do càng lên cao nhiệt độ càng giảm.

d) Đúng, vào mùa đông, khu vực đồng bằng Bắc Bộ chịu tác động của gió mùa Đông Bắc. Tuy nhiên, gió mùa Đông Bắc không thổi liên tục, xen giữa các đợt gió đó là Tín phong Bắc bán cầu.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành trồng trọt của nước ta và liên hệ về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, hiệu quả.

Cách giải:

a) Đúng, ngành trồng trọt chiếm tỉ trọng cao hơn ngành chăn nuôi và chiếm tỉ trọng lớn nhất trong sản xuất nông nghiệp nước ta (Năm 2021, giá trị sản xuất ngành trồng trọt chiếm 60,8% giá trị sản xuất nông nghiệp của cả nước).

b) Sai vì sản phẩm của ngành chăn nuôi mới cung cấp chất đạm các chất đạm bổ dưỡng cho bữa ăn hàng ngày của người dân.

c) Sai vì sử dụng nhiều phân bón không góp phần phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. **d)** Đúng.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành thủy điện ở Tây Nguyên.

Cách giải:

a) Sai vì: “Tây Nguyên là vùng có trữ năng thủy điện lớn thứ hai cả nước, chỉ đứng sau vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.” => Trữ năng thủy điện của Tây Nguyên không thể chiếm hơn 50% trữ năng thủy điện cả nước.

b) Đúng. Tây Nguyên có địa hình đồi núi cao nguyên, nhiều sông suối có độ dốc lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành các bậc thang thủy điện. Việc xây dựng các bậc thang thủy điện giúp tận dụng tối đa tiềm năng thủy điện, giảm chi phí đầu tư và vận hành.

c) Sai vì việc khai thác tiềm năng thủy điện góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Tây Nguyên nhưng không phải là yếu tố quyết định cho việc sáp nhập các tỉnh vào vùng Đông Nam Bộ. Việc sáp nhập hay không phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như quy hoạch vùng, liên kết kinh tế, văn hóa, xã hội...

d) Sai vì mặc dù một số dòng sông ở Tây Nguyên là phụ lưu của hệ thống sông Mê Công, nhưng mục đích chủ yếu của việc xây dựng các hồ thủy điện ở Tây Nguyên vẫn là cung cấp điện năng cho khu vực và cả nước. Ngoài ra, các hồ thủy điện cũng có vai trò quan trọng trong việc điều tiết nguồn nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân, phát triển du lịch và nuôi trồng thủy sản. Việc điều tiết chế độ nước cho hệ thống sông Cửu Long chỉ là một phần nhỏ trong vai trò của các hồ thủy điện ở Tây Nguyên.

Câu 4 (VD):**Phương pháp:**

a) Dựa vào biểu đồ.

b) Tính tỉ trọng ngành dịch vụ của 2 quốc gia theo công thức:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng)*100

c) Tính tổng sản phẩm trong nước của hai quốc gia.

d) Dựa vào giá trị ngành nông, lâm, thủy sản của 2 quốc gia.

Cách giải:

a) Sai vì giá trị ngành dịch vụ của Việt Nam là 182 tỷ đô la Mỹ; Thái Lan là 286 tỷ đô la Mỹ
=> Giá trị ngành dịch vụ trong GDP của Việt Nam thấp hơn Thái Lan.

b) Đúng vì:

- Tỉ trọng ngành dịch vụ của Việt Nam là: $[182/(46 + 137 + 182)]*100 = 49,9\%$

- Tỉ trọng ngành dịch vụ của Thái Lan là: $[286/(43 + 176 + 286)]*100 = 56,6\%$

c) Sai vì tổng sản phẩm trong nước của Thái Lan là $43 + 176 + 286 = 505$ tỷ đô la Mỹ; của Việt Nam là $46 + 137 + 182 = 365$ tỷ đô la Mỹ.

=> Tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Thái Lan gấp: $505/365 = 1,38$ lần Việt Nam.

d) Đúng vì giá trị ngành nông, lâm, thủy sản của 2 quốc gia đều thấp hơn so với ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	13,2	3264	49,8	4,1	2187	9,6

Câu 1 (TH):**Phương pháp:**

Tính toán dựa vào công thức:

Biên độ nhiệt = Nhiệt độ tháng cao nhất – Nhiệt độ tháng thấp nhất

Cách giải:

Biên độ nhiệt năm 2022 tại trạm quan trắc Nam Định cao hơn biên độ nhiệt năm 2022 tại trạm quan trắc Cà Mau là:

$$(30,4 - 15,1) - (28,7 - 26,6) = 13,2^{\circ}\text{C}$$

Đáp án 13,2**Câu 2 (TH):****Phương pháp:**

Tính toán dựa vào công thức:

Lưu lượng nước trung bình = Tổng lưu lượng nước 12 tháng/12

Cách giải:

Lưu lượng nước trung bình của sông Hồng tại trạm Hà Nội là:

$$(1455 + 1343 + 1215 + \dots + 1517)/12 = 3264 \text{ m}^3/\text{s}$$

Đáp án 3264**Câu 3 (VD):****Phương pháp:**

Tính toán dựa vào công thức:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng)*100

Cách giải:

Tỉ lệ giới tính nam của nước ta năm 2021 là:

$$[49\,092\,700/(49\,092\,700 + 49\,411\,700)]*100 = 49,8\%$$

Đáp án 49,8**Câu 4 (VD):****Phương pháp:**

Tính toán dựa vào công thức:

Cán cân xuất nhập khẩu = Trị giá xuất khẩu – Trị giá nhập khẩu.

Tổng giá trị xuất nhập khẩu = Trị giá xuất khẩu + Trị giá nhập khẩu.

Cách giải:

Tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của nước ta là 668,5 tỉ USD, trong đó trị giá nhập khẩu là 332,2 tỉ USD => Trị giá xuất khẩu là: $668,5 - 332,2 = 336,3$ tỉ USD.

Cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2021 là: $336,3 - 332,2 = 4,1$ tỉ USD

Đáp án 4,1**Câu 5 (VD):****Phương pháp:**

Tính toán dựa vào công thức:

Cự li vận chuyển = Khối lượng luân chuyển/Khối lượng vận chuyển

Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

Đổi: 152 277,2 triệu tấn.km = 152 277 200 nghìn tấn.km

=> Cự li vận chuyển trung bình của loại hình vận tải giao thông đường biển là: $152\,277\,200/69\,639,0 = 2\,187$ km

Đáp án 2187

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng)*100

Cách giải:

So với năm 2010, sản lượng khai thác cá biển trong sản lượng hải sản khai thác năm 2021 tăng thêm: $[(966,0/1167,9)*100] - [(516,9/707,2)*100] = 9,6\%$

Đáp án 9,6

ĐỀ 9

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI
ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2026

MÔN: ĐỊA LÍ

Thời gian: 50 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.

Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.C	2.B	3.B	4.D	5.A	6.A	7.B	8.C	9.D	10.B
11.C	12. A	13.C	14.B	15. C	16.A	17.D	18. C		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức bài học phần vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta.

Cách giải:

Phần đất liền của lãnh thổ nước ta tiếp giáp với Campuchia.

Chọn C.

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức bài học phần phòng chống thiên tai.

Cách giải:

- Biện pháp hạn chế thiệt hại do bão gây ra ở vùng đồng bằng nước ta là sơ tán dân đến nơi an toàn. - A sai vì hồ thủy điện chủ yếu được xây dựng ở vùng núi nhằm điều tiết dòng chảy và cung cấp điện. Tuy nhiên, nó không trực tiếp giúp hạn chế thiệt hại do bão ở vùng đồng bằng.
- C sai vì biện pháp này chủ yếu áp dụng để đối phó với xâm nhập mặn do nước biển dâng hoặc do hạn hán, không phải là giải pháp để giảm thiểu thiệt hại do bão gây ra.
- D sai vì việc mở rộng đô thị không liên quan trực tiếp đến việc giảm thiểu thiệt hại do bão. Nếu không có quy hoạch hợp lý, việc mở rộng đô thị còn có thể làm gia tăng rủi ro thiên tai.

Chọn B.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức bài học phần đô thị hóa.

Cách giải:

- Hiện nay, Việt Nam có 5 đô thị trực thuộc Trung ương, bao gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ.
- Hạ Long là thành phố thuộc tỉnh Quảng Ninh, không phải đô thị trực thuộc Trung ương.

Chọn B.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức bài học phần lao động và việc làm.

Cách giải:

Đặc điểm của nguồn lao động ở nước ta hiện nay:

- Tác phong công nghiệp của lao động Việt Nam đang được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt trong một số ngành nghề truyền thống và lao động phổ thông.
- Lao động đã qua đào tạo đang tăng lên nhờ vào các chính sách phát triển giáo dục và đào tạo nghề.
- Lao động Việt Nam ngày càng có nhiều cơ hội tiếp cận với thị trường lao động quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ, sản xuất và dịch vụ.
- Tỷ lệ lao động ở nông thôn giảm vì quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa đã khiến nhiều lao động dịch chuyển từ khu vực nông thôn sang thành thị để tìm kiếm việc làm trong ngành công nghiệp và dịch vụ.

Chọn D.

Câu 5 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức bài học phần đặc điểm ngành chăn nuôi.

Cách giải:

Bò sữa thường được nuôi với quy mô lớn ở các cao nguyên, nơi có khí hậu mát mẻ, đồng cỏ rộng và phù hợp với chăn nuôi bò sữa. Ở Việt Nam, một số vùng nuôi bò sữa lớn là cao nguyên Mộc Châu (Sơn La), cao nguyên Gia Lai, Đà Lạt (Lâm Đồng).

Chọn A.

Câu 6 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức bài học phần công nghiệp sản xuất điện.

Cách giải:

Trong số các nhà máy trên, Nhà máy điện Phú Mỹ 1 có công suất lớn nhất. Phú Mỹ 1 là một trong bốn nhà máy thuộc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ, với tổng công suất của cả cụm nhà máy là 2485 MW. Phải Lại 2: Đây là nhà máy nhiệt điện than, không phải nhà máy điện khí.

Chọn A.

Câu 7 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức bài học phần giao thông vận tải.

Cách giải:

Loại hình vận tải có tốc độ phát triển và hiện đại hóa nhanh ở nước ta hiện nay là đường hàng không. Ngành hàng không đã có sự tăng trưởng mạnh trong những năm gần đây với sự mở rộng của các hãng hàng không, sân bay được nâng cấp, xây dựng mới (như sân bay Long Thành), mở rộng đường băng, nhà ga, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong vận hành và quản lý bay. Ngoài ra, kinh tế phát triển, du lịch bùng nổ và nhu cầu di chuyển nhanh chóng giữa các thành phố lớn đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của ngành hàng không.

Chọn B.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức bài học phần du lịch.

Cách giải:

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm du lịch có ý nghĩa quốc gia, có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, văn hóa và du lịch của Việt Nam. Đây là điểm đến thu hút lượng lớn du khách trong và ngoài nước, với nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, trung tâm mua sắm và giải trí sôi động.

Chọn C.

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức bài học phần Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh về phát triển thủy điện do có nhiều sông lớn trên địa hình dốc, sông ngòi có tiềm năng thủy điện lớn. Các nhà máy thủy điện tiêu biểu là: Hòa Bình, Sơn La trên sông Đà.

Chọn D.

Câu 10 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức bài học phần Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cách giải:

Hiện nay, huyện đảo Phú Quý thuộc tỉnh Bình Thuận vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

Chọn B.**Câu 11 (VDC):****Phương pháp:**

Phân tích kiến thức bài học phần Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cách giải:

- Duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện thuận lợi để xây dựng cảng biển nhờ có đường bờ biển dài, nhiều vũng vịnh nước sâu kín gió. Khu vực này có bờ biển kéo dài từ Đà Nẵng đến Bình Thuận, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển hệ thống cảng biển. Ngoài ra, nhiều vũng, vịnh nước sâu, kín gió: Các vịnh như vịnh Cam Ranh (Khánh Hòa), vịnh Vân Phong, vịnh Quy Nhơn... có độ sâu lớn, kín gió, ít bị tác động của bão, rất thích hợp để làm cảng biển nước sâu.
- A sai vì vùng biển rộng, khí hậu thuận lợi, hải sản phong phú là lợi thế cho ngành thủy sản, không phải yếu tố chính để xây dựng cảng biển.
- B sai vì nhiệt độ cao, nắng quanh năm, nhiều con sông lớn có thể thuận lợi cho các ngành sản xuất khác, không liên quan trực tiếp đến cảng biển.
- D sai vì nhiều bãi biển đẹp là lợi thế về du lịch, còn dãy núi sát biển có thể gây cản trở cho việc xây dựng cảng.

Chọn C.**Câu 12 (NB):****Phương pháp:**

Dựa vào kiến thức bài học phần Đông Nam Bộ.

Cách giải:

Hiện nay, Đông Nam Bộ đứng đầu cả nước về tổng trị giá xuất nhập khẩu. Năm 2021, tổng trị giá xuất khẩu và nhập khẩu của vùng là 236,5 tỉ USD, chiếm 35,3% của cả nước; trong đó, trị giá xuất khẩu là 112,6 tỉ USD và trị giá nhập khẩu là 123,9 tỉ USD.

Chọn A.**Câu 13 (VD):****Phương pháp:**

Dựa vào kiến thức bài học phần đất (Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa).

Cách giải:

Quá trình feralit là quá trình hình thành đất chủ yếu ở nước ta do khí hậu nhiệt đới ẩm, nhiều đồi núi thấp. Trong điều kiện nhiệt ẩm cao, quá trình phong hoá diễn ra với cường độ mạnh, tạo nên một lớp đất dày. Mưa nhiều rửa trôi các chất bazo dễ tan làm đất chua, đồng thời có sự tích tụ ôxit sắt và ôxit nhôm tạo ra màu đỏ vàng. Vì thế, loại đất này được gọi là đất feralit (Fe - Al) đỏ vàng.

- Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp:
- + Đồi núi chiếm tới 3/4 diện tích lãnh thổ, đồng bằng chỉ chiếm 4 diện tích.
- + Tính trên phạm vi cả nước, địa hình đồng bằng và đồi núi thấp (dưới 1000m) chiếm tới 85% diện tích. Địa hình núi cao (trên 2000m) chỉ chiếm 1% diện tích cả nước.

→ Quá trình feralit diễn ra mạnh ở vùng đồi núi thấp trên đá mẹ axit, do đó đất feralit là loại đất chính ở vùng đồi núi nước ta.

Chọn C.

Câu 14 (VD):

Phương pháp:

Phân tích biểu đồ.

Cách giải:

Hàng xuất khẩu tăng liên tục, tăng từ 144,6 triệu tấn năm 2018 lên 186 triệu tấn năm 2021, tăng 41,4 triệu tấn.

Chọn B.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức bài học phần thương mại.

Cách giải:

Thị trường nhập khẩu ngày càng mở rộng, trị giá nhập khẩu của nước ta tăng liên tục. Thị trường nhập khẩu chủ yếu của nước ta (năm 2021) là: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Thái Lan, Ô-xtrây-li-a,...

Chọn C.

Câu 16 (VD):

Phương pháp:

Phân tích kiến thức bài học phần Bắc Trung Bộ.

Cách giải:

Việc đẩy mạnh đánh bắt xa bờ tại vùng Bắc Trung Bộ nhằm đạt được hai mục tiêu chính:

- Nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản: Khi đánh bắt xa bờ, các tàu thuyền có thể khai thác những vùng biển sâu và xa, nơi có nguồn tài nguyên thủy sản phong phú và đa dạng hơn so với các vùng ven bờ. Điều này giúp gia tăng sản lượng và chất lượng thủy sản, đóng góp vào việc nâng cao hiệu quả kinh tế của ngành đánh bắt thủy sản.

- Bảo vệ môi trường biển: Đánh bắt xa bờ giúp giảm áp lực lên các vùng biển gần bờ, nơi thường xuyên bị khai thác quá mức, ảnh hưởng đến sự phục hồi và bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản. Việc khai thác ở vùng biển xa bờ sẽ giúp bảo vệ các nguồn lợi thủy sản và duy trì sự cân bằng sinh thái trong các vùng biển gần bờ.

→ Các mục tiêu này đi đôi với việc phát triển ngành thủy sản một cách bền vững, đảm bảo lợi ích lâu dài cho cộng đồng ngư dân và bảo vệ hệ sinh thái biển

Chọn A.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức bài học phần thiên nhiên phân hóa đa dạng.

Cách giải:

Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên nước ta theo chiều Bắc-Nam chủ yếu tạo ra sự khác biệt về điều kiện tự nhiên, khí hậu, và tài nguyên thiên nhiên ở từng khu vực. Điều này ảnh hưởng

đến cơ cấu cây trồng, vật nuôi và các ngành sản xuất khác ở từng vùng, nhưng không làm giảm tính liên kết trong phát triển kinh tế giữa các vùng. Ngược lại, sự phân hóa này còn giúp các vùng có thể chuyên môn hóa sản xuất, từ đó tạo điều kiện thúc đẩy hợp tác và trao đổi hàng hóa giữa các vùng miền, góp phần vào sự phát triển chung của nền kinh tế quốc gia.

Chọn D.

Câu 18 (VDC):

Phương pháp:

Phân tích kiến thức bài học phần Đồng bằng sông Cửu Long.

Cách giải:

Chăn nuôi ở Đồng bằng sông Cửu Long có thể đạt hiệu quả kinh tế cao nếu áp dụng công nghệ mới để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Đồng thời, phát triển chế biến sản phẩm chăn nuôi giúp gia tăng giá trị gia tăng, tạo ra nhiều sản phẩm chế biến sẵn để phục vụ nhu cầu tiêu thụ. Việc mở rộng thị trường tiêu thụ giúp gia tăng đầu ra cho sản phẩm chăn nuôi, thúc đẩy tiêu thụ bền vững.

Chọn C.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	SSĐĐ	ĐĐSD	SĐSD	ĐĐDS

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm sự phân hóa thiên nhiên theo chiều bắc – nam ở nước ta.

Cách giải:

a) Sai. Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta có các loài nhiệt đới chiếm ưu thế, ngoài ra còn có các loài cây cận nhiệt và ôn đới như dẻ, re, sa mu, pơ mu,...; các loài thú có lông dày như gấu, chồn,...

b) Sai. Vào mùa đông, ở đồng bằng trồng được các loại cây vụ đông.

c) Đúng. Sự phân bố các loài cây như dẻ, re, sa mu ở phía Bắc phản ánh sự ảnh hưởng của điều kiện khí hậu đa dạng với mùa đông lạnh và mùa hè ẩm áp, tạo điều kiện cho sự tồn tại của nhiều loại cây từ các vùng khí hậu khác nhau.

d) Đúng. Nhiều loài cây rụng lá vào mùa đông, trong rừng có các loài thú có lông dày là do phần lãnh thổ phía Bắc khí hậu có một mùa đông lạnh.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố và phát triển ngành dịch vụ.

Cách giải:

a) Đúng. Dịch vụ đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế, đặc biệt trong việc thúc đẩy công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Các ngành dịch vụ như tài chính, ngân hàng, viễn thông, giáo dục, y tế, vận tải... góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành sản xuất và cải thiện đời sống, tạo ra môi trường phát triển cho các lĩnh vực khác.

b) Đúng. Dịch vụ ở nước ta phát triển đa dạng và ngày càng mở rộng các lĩnh vực, từ các dịch vụ cơ bản như y tế, giáo dục đến các dịch vụ chuyên ngành như tài chính, viễn thông, du lịch. Điều này phản ánh sự phát triển mạnh mẽ của các ngành dịch vụ trong nền kinh tế.

c) Sai. Mặc dù thể dục thể thao, du lịch, y tế, và giáo dục đều là các ngành dịch vụ, nhưng chúng không hoàn toàn thuộc nhóm dịch vụ kinh doanh. Thực tế, các ngành như y tế và giáo dục thuộc nhóm dịch vụ công vì chúng chủ yếu phục vụ nhu cầu cộng đồng và không nhằm đến lợi nhuận trực tiếp. Trong khi đó, thể dục thể thao và du lịch có thể bao gồm cả các dịch vụ kinh doanh.

d) Đúng. Sự phát triển của khoa học - công nghệ và các chính sách hỗ trợ đã góp phần rất lớn vào sự đa dạng hóa ngành dịch vụ tại Việt Nam. Các công nghệ mới như Internet, viễn thông, AI, và các ứng dụng phần mềm đã tạo ra nhiều dịch vụ mới và thay đổi cách thức cung cấp dịch vụ trong nhiều lĩnh vực. VD: dịch vụ ngân hàng số, dịch vụ gọi xe qua app, dịch vụ chăm sóc sức khỏe từ xa, dạy học trực tuyến, thuê xe tự lái,...

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên, ngành trồng trọt vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Cách giải:

a) Sai. Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những vùng chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu và thiên tai, bao gồm hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở. Những hiện tượng này đang ngày càng diễn ra mạnh mẽ và gây tác động nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của người dân trong khu vực.

b) Đúng. Do biến đổi khí hậu, các hiện tượng như hạn hán, xâm nhập mặn đang làm suy giảm diện tích đất canh tác và khả năng sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long. Điều này dẫn đến việc năng suất và sản lượng nông sản như lúa, hoa màu, cây ăn trái, và thủy sản bị suy giảm do nguồn nước ngọt bị thu hẹp.

c) Sai. Việc tăng cường khai thác năng lượng hóa thạch như dầu khí và than bùn không phải là giải pháp giúp giảm phát thải khí nhà kính, mà ngược lại, nó sẽ tăng cường phát thải khí nhà kính, góp phần vào việc làm trầm trọng thêm biến đổi khí hậu. Giải pháp giảm phát thải khí nhà kính cần phải là tăng cường năng lượng tái tạo, giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch.

d) Đúng. Để thích ứng với biến đổi khí hậu, các giải pháp như điều chỉnh cơ cấu mùa vụ, thay đổi cơ cấu cây trồng và vật nuôi (chọn giống chịu mặn, chịu hạn), và nâng cấp hệ thống thủy lợi giúp cải thiện việc quản lý nước là rất cần thiết. Những biện pháp này sẽ giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của thiên tai và duy trì sản xuất nông nghiệp bền vững.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

- Xuất siêu: Xuất khẩu > Nhập khẩu.

- Áp dụng công thức: Cán cân thương mại = Giá trị xuất khẩu - Giá trị nhập khẩu.

Cách giải:

a) Đúng. Cán cân thương mại của Bru-nây giai đoạn 2015 – 2021:

- Cán cân thương mại năm 2015 = $6,4 - 3,2 = 3,2$ tỷ USD.

- Cán cân thương mại năm 2017 = $5,6 - 3,1 = 2,5$ tỷ USD.

- Cán cân thương mại năm 2019 = $7 - 5,1 = 1,9$ tỷ USD.

- Cán cân thương mại năm 2020 = $6,6 - 5,3 = 1,3$ tỷ USD.

- Cán cân thương mại năm 2021 = $11,5 - 7,2 = 4,3$ tỷ USD.

→ Năm 2021, Bru-nây có cán cân thương mại xuất siêu với trị giá cao nhất (4,3 tỷ USD). **b)** Đúng.

Từ năm 2015 đến năm 2021, Bru-nây có cán cân thương mại xuất siêu (Xuất khẩu > Nhập khẩu)

c) Đúng. Trị giá xuất khẩu và trị giá nhập khẩu của Bru-nây có biến động trong giai đoạn 2015 - 2021.

Giai đoạn 2019 – 2020, trị giá xuất khẩu giảm từ 7 tỷ USD xuống còn 6,6 tỷ USD; trị giá nhập khẩu tăng nhẹ từ 5,1 tỷ USD lên 5,3 tỷ USD.

d) Sai.

Năm 2021 so với năm 2015:

- Trị giá nhập khẩu tăng từ 3,2 tỷ USD lên 7,2 tỷ USD, tăng 2,25 lần.

- Trị giá xuất khẩu tăng từ 6,4 tỷ USD lên 11,5 tỷ USD, tăng khoảng 1,8 lần.

→ Năm 2021 so với năm 2015, trị giá nhập khẩu của Bru-nây tăng nhanh hơn trị giá xuất khẩu.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	26,7	334	0,92	58,9	478	1,2

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức tính nhiệt độ trung bình năm:

Nhiệt độ trung bình năm = Tổng nhiệt độ 12 tháng : 12

Cách giải:

Nhiệt độ trung bình năm 2022 tại trạm quan trắc Đà Nẵng

$$= (20,3 + 22,3 + \dots + 22,4) : 12 = 26,7^{\circ}\text{C}$$

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Công thức:

Sự chênh lệch mực nước của sông = mực nước cao nhất – mực nước thấp nhất

Cách giải:

- Sự chênh lệch mực nước của sông Đà tại trạm Hòa Bình = $1813 - 777 = 1036$ cm.

- Sự chênh lệch mực nước của sông Hồng tại trạm Hà Nội = $726 - 24 = 702$ cm.

→ Sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Đà tại trạm Hòa Bình cao hơn so với sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Hồng tại trạm Hà Nội = $1036 - 702 = 334$ cm.

Câu 3 (VD):**Phương pháp:**

Công thức: Tỷ suất tăng dân số tự nhiên = (tỷ suất sinh thô – tỷ suất tử thô) : 10

Cách giải:

Tỷ suất tăng dân số tự nhiên = $(14,2 - 5) : 10 = 0,92\%$.

Câu 4 (VD):**Phương pháp:**

Công thức:

Tổng trị giá xuất nhập khẩu = Trị giá xuất khẩu + Trị giá nhập khẩu.

Tỷ trọng = (Giá trị thành phần : Tổng giá trị) x 100

Cách giải:

Ta có:

Trị giá nhập khẩu = $49,4 - 20,3 = 29,1$ tỉ USD.

Tỷ trọng trị giá nhập khẩu = $29,1 : 49,4 \times 100 \approx 58,9\%$.

Câu 5 (VD):**Phương pháp:**

Công thức:

Bình quân lương thực đầu người = Sản lượng : Dân số

Cách giải:

1 tấn = 1000 kg.

Bình quân lương thực đầu người = $47,9 : 100,3 \times 1000 \approx 478$ kg/người.

Câu 6 (VD):**Phương pháp:**

Công thức:

Tỷ trọng = (Giá trị thành phần : Tổng giá trị) x 100

Cách giải:

Ta có:

Tỷ trọng diện tích cây cà phê năm 2010 = $526,7 : 877,2 \times 100 \approx 60\%$

Tỷ trọng diện tích cây cà phê năm 2021 = $657,4 : 1074,9 \times 100 \approx 61,2\%$

→ Tỷ trọng diện tích cây cà phê trong tổng diện tích một số cây công nghiệp lâu năm của Tây Nguyên năm 2021 so với năm 2010 tăng thêm 1,2%.

ĐỀ 10	ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2026 MÔN: ĐỊA LÍ <i>Thời gian: 50 phút</i>
--------------	--

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.
Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.D	2.A	3.A	4.C	5.C	6.A	7.D	8.B	9.B	10.D
11.A	12.C	13.B	14.C	15.D	16.B	17.B	18.B		

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào những hạn chế lớn nhất trong ngành trồng cây ăn quả ở nước ta từ đó đưa ra các biện pháp chủ yếu.

Cách giải:

Biện pháp chủ yếu thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm cây ăn quả nước ta là phát triển chế biến, xây dựng thương hiệu. Khắc chế biến sản phẩm cây ăn quả ở nước ta còn hạn chế nên cần phát triển chế biến để nâng cao giá trị nông sản, đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, cần xây dựng thương hiệu để tạo sự tin cậy, nâng cao giá trị sản phẩm, mở rộng thị trường và phát triển bền vững.

Chọn D.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm về sự phân bố dân cư của nước ta.

Cách giải:

Dân cư nước ta hiện nay tập trung chủ yếu ở đồng bằng.

Chọn A.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (đất) của nước ta.

Cách giải:

Đất feralit ở nước ta có màu đỏ vàng chủ yếu do tích tụ ôxit sắt và ôxit nhôm.

Chọn A.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, liên hệ thực tế.

Cách giải:

Khả năng mở rộng diện tích đất nông nghiệp ở đồng bằng không nhiều chủ yếu là do đất chưa sử dụng còn ít, sức ép công nghiệp hóa và đô thị hóa.

- Đất chưa sử dụng còn ít: Ở các đồng bằng, đặc biệt là đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long, đất đai đã được khai thác và sử dụng từ lâu đời. Diện tích đất chưa sử dụng hoặc đất còn hoang hóa không còn nhiều.

- Sức ép công nghiệp hóa và đô thị hóa: Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ngày càng diễn ra mạnh mẽ, đặc biệt là ở các vùng đồng bằng. Đất nông nghiệp bị thu hẹp để xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị, cơ sở hạ tầng,...

Chọn C.

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm các khu công nghiệp, khu chế xuất; liên hệ mục đích chính của các tổ chức lãnh thổ công nghiệp.

Cách giải:

Mục đích chính của việc hình thành và phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất ở nước ta là thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, tạo việc làm cho lực lượng lao động đông đảo.

- Thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài (FDI): Các KCN, KCX tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi, với cơ sở hạ tầng đồng bộ, chính sách ưu đãi về thuế, đất đai,... để thu hút vốn đầu tư từ các doanh nghiệp nước ngoài. Nguồn vốn FDI này có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất.

- Tạo việc làm cho lực lượng lao động đông đảo: Các KCN, KCX tập trung nhiều doanh nghiệp, tạo ra hàng triệu việc làm cho người lao động, góp phần giải quyết vấn đề thất nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân.

Chọn C.

Câu 6 (TH):

Phương pháp:

Dùng phương pháp loại trừ, dựa vào đặc điểm các điều kiện ảnh hưởng đến ngành khai thác thủy sản.

Cách giải:

Sản lượng thủy sản khai thác có tốc độ tăng chậm hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng chủ yếu là do gặp khó khăn về phương tiện, nguồn lợi hải sản ven bờ suy giảm, thiên tai.

B sai vì nước ta có nhiều tiềm năng để đánh bắt thủy sản ở ngoài khơi.

C, D sai vì điều kiện tự nhiên của nước ta thích hợp cho đánh bắt (do nằm trong vùng nhiệt đới), ngư dân có nhiều kinh nghiệm.

Chọn A.

Câu 7 (VD):

Phương pháp:

Phân tích, dựa vào những nguyên nhân chủ yếu giúp các đô thị nước ta hiện nay có sự chuyển dịch cơ cấu lao động rõ rệt theo hướng giảm tỉ trọng lao động trong ngành nông nghiệp, tăng tỉ trọng lao động trong ngành công nghiệp và dịch vụ.

Cách giải:

Đô thị nước ta hiện nay có sự chuyển dịch cơ cấu lao động rõ rệt chủ yếu do công nghiệp phát triển, đô thị hóa mở rộng, thu hút nhiều loại vốn đầu tư.

- Công nghiệp phát triển: Sự phát triển của các ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo, đã tạo ra nhiều việc làm mới trong các khu công nghiệp, khu chế xuất. Điều này thu hút một lượng lớn lao động từ khu vực nông thôn và các vùng khác đến làm việc.
- Đô thị hóa mở rộng: Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, mở rộng không gian đô thị và hình thành các khu đô thị mới. Điều này kéo theo sự phát triển của các ngành dịch vụ, thương mại, xây dựng,... tạo ra nhu cầu lớn về lao động trong các lĩnh vực này.
- Thu hút nhiều loại vốn đầu tư: Việc thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước đã thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp, mở rộng quy mô sản xuất và kinh doanh. Điều này tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động, đồng thời làm thay đổi cơ cấu lao động theo hướng tăng tỉ trọng lao động trong các ngành công nghiệp và dịch vụ.

Chọn D.

Câu 8 (TH):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: lãnh thổ.

Dựa vào đặc điểm vị trí địa lí của nước ta.

Cách giải:

Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta hiện nay hình thành nên các khu kinh tế cửa khẩu.

A, C sai vì đó là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành.

D sai vì đó là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần.

Chọn B.

Câu 9 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào các điều kiện ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp của nước ta.

Cách giải:

Yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp của nước ta hiện nay là sự đồng bộ của các điều kiện, gồm các điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội.

Chọn B.

Câu 10 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào vai trò của thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Cách giải:

Nước ta khuyến khích phát triển thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chủ yếu nhằm giải quyết khó khăn về nguồn vốn, khoa học kỹ thuật.

A sai vì thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có tác động tới việc làm của người lao động, tuy nhiên đây không phải là tác động chủ yếu và trực tiếp.

B sai vì mở rộng thị trường sang các nước kinh tế phát triển hơn do chính sách của nhà nước.

C sai vì tăng cường chuyển giao dây chuyền công nghệ hiện đại nằm trong ý d (khoa học kĩ thuật).

Chọn D.

Câu 11 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào ngành công nghiệp khai thác than và liên hệ.

Cách giải:

Sản lượng công nghiệp khai thác than ở nước ta tăng nhanh trong vài năm trở lại đây là do mở rộng thị trường tiêu thụ và đầu tư trang thiết bị khai thác hiện đại.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ: Thị trường tiêu thụ than trong nước và quốc tế ngày càng được mở rộng. Than không chỉ được sử dụng cho các nhà máy nhiệt điện mà còn được sử dụng trong nhiều ngành công nghiệp khác. Nhu cầu than tăng cao từ nhiều phía đã thúc đẩy các doanh nghiệp khai thác than tăng cường sản xuất.

- Đầu tư trang thiết bị hiện đại: việc thăm dò, khai thác than trên quy mô lớn cần các trang thiết bị hiện đại.

Chọn A.

Câu 12 (TH):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: môi trường.

Dựa vào ngành công nghiệp khai thác than.

Cách giải:

Sử dụng than trong sản xuất nhiệt điện ở nước ta gây ra vấn đề ô nhiễm không khí.

Chọn C.

Câu 13 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm đô thị hóa nước ta hiện nay.

Cách giải:

Mạng lưới đô thị nước ta hiện nay sắp xếp theo các cấp khác nhau.

Chọn B.

Câu 14 (NB):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: khối khí theo mùa.

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

Cách giải:

Nước ta nằm khu vực hoạt động của các khối khí theo mùa nên có chế độ mưa thay đổi theo mùa.

Chọn C.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành nông nghiệp nước ta (phần ngành chăn nuôi).

Cách giải:

Ngành chăn nuôi chiếm tỉ trọng còn thấp trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp nước ta, chủ yếu là do hiệu quả chưa thật cao và chưa ổn định. Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp, ngành nào có giá trị sản xuất cao hơn thì tỉ trọng cơ hơn, trong đó hiệu quả sản xuất ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị sản xuất.

Chọn D.

Câu 16 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm nổi bật của các miền tự nhiên nước ta.

Cách giải:

Đặc điểm thiên nhiên nổi bật của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta là gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, mùa đông lạnh nhất ở nước ta.

Chọn B.

Câu 17 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm phân bố dân cư ở nước ta.

Cách giải:

Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là Đồng bằng sông Hồng.

Chọn B.

Câu 18 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm vị trí địa lí của nước ta.

Cách giải:

Trồng và phát triển cây công nghiệp lâu năm ưa nhiệt là đặc điểm đúng với vùng nông nghiệp Tây Nguyên. A sai vì Tây Nguyên không có mùa đông.

C sai vì Tây Nguyên không phải là vùng có vốn lớn, khoa học kĩ thuật còn hạn chế.

D sai vì nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn không phải là thế mạnh của vùng.

Chọn B.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	SĐĐS	SĐSS	ĐSĐĐ	ĐĐSS

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

- a) Dựa vào bảng số liệu.
- b) Tính số dân nông thôn của từng quốc gia và so sánh.
- c) Dựa vào mối quan hệ giữa đô thị hóa và tỉ lệ dân thành thị.
- d) Dựa vào dấu hiệu nhận dạng biểu đồ.

Cách giải:

a) Sai vì tỉ lệ dân thành thị của In-đô-nê-xi-a thấp hơn Ma-lai-xi-a.

b) Đúng vì:

- In-đô-nê-xi-a có tỉ lệ dân nông thôn là: $100 - 56,7 = 43,3\%$

=> Số dân nông thôn của quốc gia này là: $(43,3 \cdot 271,7) / 100 = 117,6$ triệu người.

Tính tương tự, ta được số dân của Cam-pu-chia, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin lần lượt là: 11,8 triệu người; 7,7 triệu người; 58,0 triệu người.

=> Năm 2021, Ma-lai-xi-a là quốc gia có số dân nông thôn ít nhất so với các nước.

c) Đúng, đô thị hóa ảnh hưởng trực tiếp đến tỉ lệ dân thành thị.

d) Sai vì số dân và tỉ lệ dân thành thị có đơn vị khác nhau => Để thể hiện dân số và tỉ lệ dân thành thị các nước, biểu đồ kết hợp thích hợp nhất.

Câu 2 (VD):**Phương pháp:**

a) Dựa vào công thức tính:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần / Tổng giá trị) * 100

b) Tính tốc độ tăng khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực ngoài Nhà nước và so sánh. Lưu ý: dùng phép chia.

c) Dựa vào giá trị sản xuất công nghiệp của từng thành phần kinh tế của nước ta năm 2010 và năm 2021. d) Dựa vào dấu hiệu nhận dạng biểu đồ dựa vào từ khóa: quy mô và cơ cấu.

Cách giải:

a) Sai vì tỉ trọng khu vực kinh tế ngoài Nhà nước năm 2010 và năm 2021 lần lượt là 27,7% và 34,4%.

b) Đúng vì khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng gấp 4,9 lần; khu vực ngoài Nhà nước tăng gấp 5,3 lần => Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng chậm hơn khu vực ngoài Nhà nước.

c) Sai vì khu vực có vốn đầu tư nước ngoài mới là thành phần kinh tế chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp.

d) Sai vì để thể hiện quy mô và cơ cấu thì biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất.

Câu 3 (VD):**Phương pháp:**

a) Dựa vào đoạn thông tin hoặc đặc điểm ngành sản xuất lương thực ở nước ta.

b) Dựa vào sản lượng lúa đông xuân, hè thu, thu đông.

c) Dựa vào sự ảnh hưởng của khí hậu đến sản xuất nông nghiệp.

d) Cần hiểu rõ bản chất của thâm canh và chuyên môn hóa.

Cách giải:

- a) Đúng vì: “Năm 2023, sản lượng lương thực có hạt đạt 47,9 triệu tấn, trong đó sản lượng lúa đạt 43,5 triệu tấn”
- b) Sai vì sản lượng lúa thu đông đạt 4 triệu tấn, thấp nhất so với lúa đông xuân và lúa hè thu => Sản lượng lúa thu đông chiếm tỉ trọng thấp nhất.
- c) Đúng vì sự phân hóa khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến sự phân hóa mùa vụ.
- d) Đúng vì thâm canh là áp dụng công nghệ, khoa học kĩ thuật vào sản xuất, chuyên môn hóa là hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, trong đó người nông dân hoặc các đơn vị sản xuất tập trung vào trồng một hoặc một nhóm cây trồng nhất định, có thể mạnh và phù hợp với điều kiện sinh thái của vùng. Đây chính là 2 nguyên nhân chính giúp năng suất và sản lượng lúa tăng.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

- a) Dựa vào đoạn thông tin.
- b) Dựa vào đặc điểm khí hậu ở nước ta.
- c, d) Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

Cách giải:

- a) Đúng vì: “Trên cả nước mùa mưa và mùa khô trong các vùng không khớp hoàn toàn.”
- b) Đúng, mùa mưa ở Bắc Bộ và Nam Bộ vào mùa hè (từ tháng 5 đến tháng 10), còn ở miền Trung là vào thu đông (từ tháng 9 – tháng 12).
- c) Sai vì gió TBg là gió tây nam xuất phát từ vịnh Ben-gan gây khô nóng cho ven biển Trung Bộ.
- d) Sai vì gió mùa Tây Nam gây mưa cho cả nước, không phải là nguyên nhân gây ra mùa khô.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	2,77	66,6	3914	62,9	6,5	54,5

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

- Tính tổng GDP năm 2010 và năm 2020.
- Lấy GDP năm 2020 chia GDP năm 2010.

Cách giải:

So với năm 2010, GDP của nước ta năm 2020 tăng gấp:

$$(565\,987 + 2\,955\,806 + 3\,365\,060 + 705\,470) : (421\,253 + 904\,775 + 1\,113\,126 + 300\,689) = 2,77 \text{ lần}$$

Đáp án: 2,77

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức:

$$\text{Giá trị thành phần} = (\text{Tỉ lệ \% giá trị thành phần} \times \text{Tổng}) / 100$$

Cách giải:

Số dân trong nhóm 15 – 64 tuổi năm 2021 của nước ta là:

$$(67,6 \times 98,5) / 100 = 66,6 \text{ triệu người.}$$

Đáp án: 66,6

Câu 3 (TH):**Phương pháp:**

Tính toán dựa vào công thức:

$$\text{Tổng lượng mưa} = \text{lượng mưa tháng 1} + \text{lượng mưa tháng 2} + \dots + \text{lượng mưa tháng 12}$$

Cách giải:

$$\text{Tổng lượng mưa của Huế năm 2022 là: } 95,6 + 70,8 + 128,3 + \dots + 786,6 = 3914 \text{ mm}$$

Đáp án: 3914

Câu 4 (VD):**Phương pháp:**

Tính số dân nông thôn sau đó tính tỉ lệ dân nông thôn dựa vào công thức:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần} / \text{Tổng giá trị}) \times 100$$

Cách giải:

$$\text{Số dân nông thôn của nước ta năm 2021 là: } 98\,504,4 - 36\,563,3 = 61\,941,1 \text{ nghìn người.}$$

$$\text{Tỉ lệ dân nông thôn năm 2021 của nước ta là: } (61\,941,1 / 98\,504,4) \times 100 = 62,9\%$$

Đáp án: 62,9

Câu 5 (VD):**Phương pháp:**

Tính toán dựa vào công thức:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần} / \text{Tổng giá trị}) \times 100$$

Cách giải:

Tỉ trọng giá trị sản xuất của khu vực kinh tế Nhà nước năm 2021 chiếm:

$$(846,7 / 13\,026,8) \times 100 = 6,5\%$$

Đáp án: 6,5

Câu 6 (VD):**Phương pháp:**

Tính toán dựa vào công thức:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần} / \text{Tổng giá trị}) \times 100$$

Cách giải:

$$\text{Sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2021 chiếm: } [4\,633,5 / (3\,863,7 + 4\,633,5)] = 54,5\%$$

Đáp án: 54,5

